

## **BÁO CÁO CÔNG TÁC CỦA BAN GIÁM ĐỐC VIỆN** tại Hội nghị CBVC, ngày 12/01/2016

Hội nghị Cán bộ viên chức (CBVC) lần thứ 2 của Viện Cơ khí động lực (CKDL) được tổ chức vào ngày 21 tháng 12 năm 2011, cho đến nay đã tròn 4 năm với nhiều thay đổi trong tổ chức và hoạt động của Viện. Kết thúc nhiệm kỳ 2008-2013 và nhiệm kỳ kéo dài 2013-2014, Viện đã kiện toàn Công tác nhân sự, hoàn thành công tác bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo các đơn vị nhiệm kỳ 2014-2019. Ngày 17/3/2015, Đại hội Đảng bộ Viện CKDL lần thứ 3 đã được tổ chức, đề ra mục tiêu, phương hướng và các nhiệm vụ chủ yếu cho nhiệm kỳ 2015-2020. BCH Đảng bộ mới gồm 3 đồng chí đã được đại hội bầu ra với sự nhất trí cao. Đại hội Công đoàn Viện được tổ chức ngày 03/10/2012 cũng đã thành công tốt đẹp và đạt được sự đồng thuận cao của toàn thể cán bộ công đoàn viên.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 2, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám đốc Viện đã phối hợp chặt chẽ với BCH Công đoàn trong việc xây dựng, triển khai các giải pháp phù hợp và kế hoạch cụ thể cho từng năm học. Báo cáo này đánh giá tình hình 4 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 2 thông qua những nội dung công tác đã thực hiện, tập trung phân tích dựa trên tình hình thực tế, đúc rút các bài học kinh nghiệm, từ đó đề ra phương hướng công tác trong thời gian tới.

### **1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ CBVC LẦN THỨ 2**

#### **1.1. Công tác tổ chức - cán bộ và điều hành quản lý**

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 2 đã đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức - cán bộ và điều hành quản lý là:

- Chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch cho mọi hoạt động của Viện trong khuôn khổ cơ chế phân cấp tự chủ do Trường giao.
- Các đơn vị trong toàn Viện có kế hoạch xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ về chuyên môn và tu dưỡng, chủ động tìm nguồn tuyển dụng để bổ sung đội ngũ cán bộ.
- Tiếp tục chuẩn hóa và duy trì công tác quản lý cùng với các văn bản theo tiêu chuẩn ISO.
- Quản lý chặt chẽ hơn nữa mọi hoạt động về hành chính, tài chính và quản lý cơ sở vật chất. Theo dõi, đôn đốc thường xuyên đối với các cá nhân - tập thể tạo cơ sở, tiêu chí đánh giá thi đua.

*Cơ cấu tổ chức:* Viện gồm 7 đơn vị thành viên là: Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng, Bộ môn Động cơ đốt trong, Bộ môn Máy và Tự động thủy khí, Bộ môn Kỹ thuật Thủy khí và Tàu thủy, Bộ môn Kỹ thuật Hàng không và Vũ trụ, Phòng thí nghiệm Động cơ đốt trong và Văn phòng Viện.

*Công tác tổ chức, quản lý và điều hành:* Sự thống nhất vai trò lãnh đạo giữa Đảng ủy và Chính quyền là nguyên tắc xuyên suốt. Ngoài ra, vai trò của Công đoàn, Đoàn thanh niên luôn luôn được đề cao và phát huy. Đó chính là cơ sở tạo nên sự thành công trong việc

xây dựng mối đoàn kết, phát huy dân chủ, là nguồn động lực động viên các CBVC tham gia xây dựng Viện và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Trong điều hành, Ban lãnh đạo Viện thường xuyên có sự trao đổi, hội ý nên những vấn đề sự vụ phát sinh được giải quyết tốt. Lịch trực cán bộ lãnh đạo trong tuần được tuân thủ nghiêm túc. Ban giám đốc Viện có sự phân công trách nhiệm rõ ràng trong lãnh đạo cũng như nhiệm vụ cụ thể đối với các cán bộ nhân viên Văn phòng.

*Công tác cải cách hành chính (báo cáo, công văn, hội họp...):* Viện đã triển khai hệ thống quản lý văn bản trên phần mềm eOffice, tiếp tục thực hiện nghiêm túc các yêu cầu trong quá trình xây dựng cũng như vận hành tiêu chuẩn ISO theo kế hoạch chung của Trường. Qua các đợt kiểm tra và đánh giá, Viện Cơ khí động lực đều được ghi nhận là đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ theo yêu cầu của ISO.

*Công tác bổ nhiệm cán bộ:* Viện thực hiện nghiêm túc quy trình bổ nhiệm cán bộ, phát huy cao độ nguyên tắc tập trung, dân chủ trong việc giới thiệu và lấy phiếu tín nhiệm các chức danh cán bộ quản lý. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở hầu hết các đơn vị trong Viện được trẻ hóa đáng kể so với nhiệm kỳ trước. Năm 2014-2015, Viện đã kiện toàn công tác nhân sự: Viện trưởng và 2 Phó Viện trưởng đều tuổi không quá 40 tuổi, lãnh đạo các đơn vị đều tuổi dưới 45.

*Công tác phát triển đội ngũ CBVC:* Cơ cấu trình độ CBVC ngày càng được cải thiện (Phụ lục I). Hiện nay, tổng số cán bộ của Viện là 79 (với 66 CBGD, 9 PVGD, 4 HCSN; trong đó có 2 GS, 19 PGS, 48 TS, 27 ThS (Phụ lục II)). So với năm 2012, tổng số CBVC Viện giảm nhẹ do chủ trương đặt ra những yêu cầu chặt chẽ hơn trong tuyển mới: 8 CBVC nghỉ chế độ/thôi việc, 8 CBVC tuyển mới (trong đó BM Kỹ thuật Hàng không và Vũ trụ tuyển mới 5 CBVC). Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng mấy năm gần đây đều có chỉ tiêu nhưng chỉ tuyển được 1 cán bộ có trình độ thạc sĩ (năm 2013) sau khi đã hạ tiêu chuẩn tuyển dụng. Viện đã chủ động áp dụng việc ký hợp đồng thỉnh giảng với các GS, PGS sau khi hết thời gian công tác tại trường. Thực hiện Nghị định 141 của Chính phủ, Viện cũng đã thực hiện các quy trình, thủ tục kéo dài thời gian công tác đối với CBGD có trình độ từ tiến sĩ trở lên được các đơn vị đề nghị.

*Công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ trẻ:* Viện quan tâm, tạo điều kiện cho các cán bộ trẻ tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... Hàng năm, Viện chú trọng đưa các cán bộ trẻ đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài. Với số lượng cán bộ đang làm NCS ở nước ngoài hiện nay là 11 người (tính đến 12/2015), chắc chắn trong thời gian tới số lượng cán bộ có trình độ TS sẽ tăng.

*Công tác quản lý cán bộ:* Viện thực hiện nghiêm túc các quy định trong việc quản lý cán bộ đi học tập và công tác tạo nước ngoài; quy định về xử lý kỷ luật cán bộ đi nước ngoài quá hạn, xử lý kỷ luật cán bộ đi nước ngoài quá hạn; quy định về công tác xét nâng lương trước thời hạn.

Nhìn chung, Viện đã thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức- cán bộ và điều hành quản lý mà Hội nghị CBVC Viện lần thứ 2 đã đề ra. Song bên cạnh đó, vẫn còn một vài việc tồn đọng trong công tác như: một số cán bộ trẻ không trở về công tác tại Viện sau khi kết thúc thời gian học tập ở nước ngoài, đời sống và điều kiện làm việc của cán bộ còn gặp nhiều khó khăn, một số cán bộ chưa yên tâm công tác, chưa toàn tâm toàn ý với công việc.

## **1.2. Công tác Đào tạo và công tác sinh viên**

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 2 đã đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đào tạo là:

- Ổn định đào tạo tín chỉ đại học và sau đại học, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo.
- Đẩy mạnh hơn nữa công tác viết giáo trình, bài giảng để phục vụ cho việc đào tạo theo tín chỉ. Song song, cần xây dựng giáo trình, bài giảng điện tử để trước hết sử dụng nội bộ cho cán bộ và sinh viên của Viện. Phần đầu trong ba năm học tới (2012-2015) có từ 5 đến 10 giáo trình của Viện được đưa vào hệ thống giáo trình điện tử của Bộ.
- Với cơ sở vật chất hiện có, mỗi chuyên ngành cần tăng cường các bài thí nghiệm, giờ thực hành cho sinh viên. Ngoài ra, cần tăng cường hơn nữa tổ chức thăm quan và thực tập cho sinh viên nhằm tăng cường kiến thức thực tế, qua đó góp phần nâng cao từng bước chất lượng đào tạo.
- Tăng cường quảng bá chiêu sinh để có thể tiếp tục mở các lớp cao học trong và ngoài Trường để tăng khối lượng công việc cho CBVC.
- Nghiêm túc quản lý tiến độ học tập và nghiên cứu của NCS và học viên ThS khoa học.

Có thể đánh giá một số kết quả tích cực đáng ghi nhận từ quá trình thực hiện như sau:

*Công tác xây dựng, đổi mới chương trình đào tạo (CTĐT):* Theo yêu cầu của Trường, Viện đã hoàn thành việc chủ trì xây dựng các Chương trình đào tạo. Chương trình đại học gồm: Cử nhân và Kỹ sư các ngành Kỹ thuật Cơ khí động lực, Kỹ thuật Hàng không, Kỹ thuật Tàu thủy, Công nghệ Kỹ thuật Ô tô. Chương trình Thạc sĩ gồm ThS Khoa học và ThS Kỹ thuật Cơ khí động lực với 5 định hướng. Chương trình Tiến sĩ với 3 chuyên ngành. Viện đã hoàn thành chương trình đào tạo liên thông theo đề nghị của Viện Đào tạo liên tục, chỉnh sửa các chương trình Thạc sĩ và Tiến sĩ theo yêu cầu của Viện Đào tạo Sau đại học; xây dựng mới chương trình Thạc sĩ Kỹ thuật Cơ khí động lực và sẽ triển khai áp dụng trong thời gian tới.

*Công tác quản lý sinh viên và học viên sau đại học:* Viện đặc biệt chú trọng và thực hiện nghiêm túc mọi nội quy và qui định trong công tác đào tạo. Hiện tại tổng số sinh viên chính qui do Viện quản lý (4 khóa) là 1294, tăng gần gấp đôi so với năm 2011 là 676, 74 học viên cao học và 58 nghiên cứu sinh (Phụ lục III). Công tác cố vấn học tập và quản lý lớp sinh viên cũng được Viện sát sao triển khai và thực hiện, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Viện đã thành lập Ban tư vấn Cố vấn học tập, có lịch trực cụ thể để giải đáp các thắc mắc cũng như tư vấn cho sinh viên về đăng ký học phần, giúp sinh viên định hướng kế hoạch học tập. Cán bộ quản lý lớp sinh viên rất gần gũi, nhiệt tình, giúp sinh viên giải quyết những khó khăn trong học tập cũng như trong cuộc sống. Mặc dù số lượng học viên cao học đang có xu hướng giảm theo tình hình chung của toàn trường nhưng quy mô đào tạo đại học và đào tạo NCS của Viện tăng hơn so với năm trước. Chất lượng đào tạo NCS trong những năm qua có những chuyển biến tích cực. Công tác quản lý NCS được siết chặt, NCS được tạo điều kiện tham gia các hoạt động chuyên môn của Bộ môn. Viện tranh thủ tận dụng khai thác tốt chương trình 911 của Bộ GD&ĐT để hỗ trợ tài chính cho các NCS và các đơn vị quản lý NCS.

*Công tác viết giáo trình:* Trong bốn năm qua, các cán bộ của Viện đã viết mới và cập nhật tái bản 5 giáo trình, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng điều kiện cần

thiết để thực hiện tốt việc đào tạo theo tín chỉ. Nhằm thiết thực chào mừng lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Trường, 1956-2016, CBVC của Viện đã đăng ký viết mới/tái bản 20 giáo trình (Phụ lục IV).

*Công tác giảng dạy – thực hành, thí nghiệm:* Việc phân công giảng dạy và tổ chức thực tập cho sinh viên được các đơn vị thực hiện tốt theo nhiệm vụ của từng năm học. CBVC của Viện luôn luôn hoàn thành vượt định mức khối lượng giảng dạy hàng năm (Phụ lục V). Công tác dự giờ và đánh giá chất lượng bài giảng, bài thực hành của CBGD được Viện quan tâm và phối hợp tích cực với Trung tâm đảm bảo chất lượng.

*Công tác Tổ chức thi và chấm thi:* Viện thực hiện nghiêm túc từ khâu ra đề, chấm thi, nộp điểm và lưu bài thi. Đặc biệt, Viện đã chủ trì và thực hiện tốt tổ chức thi và chấm thi đối với học phần Nhập môn Kỹ thuật Cơ khí động lực và Nhập môn Công nghệ Kỹ thuật Ô tô dưới sự phối hợp của các bộ môn trong Viện.

Nhìn chung, những nhiệm vụ cơ bản được hoàn thành tốt trong giai đoạn 2012-2015. Tuy nhiên, một số hạn chế trong công tác đào tạo cần được khắc phục như:

- Kỹ năng thực hành của kỹ sư ra trường còn yếu, do cơ sở vật chất phục vụ đào tạo còn thiếu về mô hình học cụ, trang thiết bị thí nghiệm, thực hành và nhân lực phục vụ chưa đáp ứng được nhu cầu.
- Giáo trình, tài liệu tham khảo thiếu, quá cũ và chậm đổi mới.
- Công tác lập kế hoạch mở lớp, lập thời khóa biểu cũng gặp nhiều khó khăn do thiếu phòng học; quy trình đăng ký học tập của sinh viên cần được cải tiến nhằm giảm áp lực khi đăng ký lớp.
- Công tác phân công giảng dạy tại một số đơn vị chưa hợp lý, dẫn tới tình trạng khối lượng giảng dạy của cán bộ chưa đồng đều, người vượt giờ quá nhiều, người còn thiếu định mức.
- Công tác tổ chức thực tập cuối khóa cho sinh viên chưa được chú trọng đúng mức, phương thức tổ chức triển khai chậm đổi mới, nhiều khi mang tính hình thức, chưa đạt được mục tiêu giúp sinh viên tiếp cận được với những bài toán của thực tiễn công nghiệp.
- Công tác cố vấn học tập chưa phát huy được hiệu quả như mong đợi, nhiều sinh viên có kết quả học tập kém do chưa được tư vấn hợp lý về kế hoạch học tập.
- Quy mô tuyển sinh cao học có xu hướng giảm sút, một số chương trình thạc sĩ kỹ thuật không đủ số lượng học viên để mở lớp. Đây chính là lý do để Viện đang tiến hành xây dựng thêm một chương trình ThS Kỹ thuật Cơ khí động lực định hướng ứng dụng chung cho toàn Viện.

Bên cạnh các nguyên nhân khách quan thì một số nguyên nhân chủ quan chính là nội dung CTĐT đổi mới còn chậm và phương thức tổ chức giảng dạy chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn sản xuất; phương thức tổ chức học bổ sung và thi tuyển sinh của Nhà trường chưa phù hợp với nhiều đối tượng thí sinh, công tác quảng bá tuyển sinh cao học chưa được chú trọng đúng mức.

### **1.3. Công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ**

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 2 đã đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ là:

- Thành lập các nhóm nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực thời sự của khối Cơ khí động lực dựa trên nền tảng các chương trình và các đề tài nghiên cứu tiềm năng, cũng như cơ sở vật chất, nhân lực và quan hệ hợp tác hiện có của các đơn vị.
- Tăng cường và khuyến khích hợp tác trong nội bộ Viện để hình thành những dự án, đề tài hoặc hợp đồng chung. Mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, qua đó tăng được số lượng các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như các hợp đồng dịch vụ, lao động sản xuất.
- Khuyến khích đội ngũ nghiên cứu trẻ của Viện khai thác các nguồn kinh phí của nước ngoài, đặc biệt là các nguồn kinh phí nghiên cứu từ Nhật Bản (trong khuôn khổ chương trình AUN/Seed-Net, nguồn JICA, JST...) và các nguồn kinh phí từ các dự án của Châu Âu.
- Nâng cao năng lực nghiên cứu cho đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ trẻ, thông qua các hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và phổ biến định hướng nghiên cứu.
- Chú trọng đến cơ sở vật chất phục vụ cho công tác nghiên cứu trong khuôn khổ và khả năng của Viện và của Trường cũng như khai thác nguồn hợp tác với doanh nghiệp.
- Tổ chức lại mô hình hoạt động khoa học công nghệ sau khi Nhà trường có quyết định chính thức về sự tồn tại của Trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ.

Trong thời gian qua, Viện đã được phân cấp tự chủ về quản lý hoạt động KHCN, số lượng các đề tài hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư và đề tài có nguồn kinh phí từ nước ngoài tăng khá. Các kết quả hoạt động NCKH được tóm tắt trong Phụ lục VI.

Với vai trò là một Viện đào tạo - nghiên cứu, Viện phối hợp cùng các đơn vị tiếp tục nỗ lực tìm kiếm, khai thác hiệu quả các nguồn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, từ các doanh nghiệp và hợp tác quốc tế. Các cán bộ khoa học, đặc biệt là cán bộ trẻ luôn được động viên, khuyến khích, tạo điều kiện tham gia và chủ trì các công trình nghiên cứu khoa học. Số lượng đề tài các cấp không ngừng được tăng lên hàng năm, đặc biệt là các đề tài NCKH cấp Nhà nước và đề tài hợp tác quốc tế. Tổng số đề tài, dự án do Viện thực hiện từ năm 2012 đến nay là 51, bao gồm 11 đề tài cấp Nhà nước và tương đương, 06 đề tài cấp Bộ, 02 đề tài cấp Thành phố, 02 đề tài Hợp tác quốc tế và 31 đề tài cấp Trường với tổng kinh phí hơn 28 tỷ đồng (Phụ lục VII). Viện đang chủ trì 01 chương trình nghiên cứu về tàu ngầm mini (2011-2015) và tham gia vào các chương trình nghiên cứu khác như Chương trình năng lượng sạch, Chương trình sản xuất các thiết bị phụ trợ cho tàu thủy của Nhà trường. Các cán bộ của Viện đã và đang chủ trì **08** đề tài cấp Nhà nước, trong đó có 01 đề tài thuộc chương trình KC03-TN vừa được hoàn thành, 02 đề tài thuộc chương trình KC05, 01 đề tài nghiên cứu Nghị định thư hợp tác với Nhật Bản, 01 đề tài thuộc Chương trình nhiên liệu sinh học và **03** đề tài nghiên cứu cơ bản Nafosted. Cán bộ của Viện còn chủ trì **02** đề tài hợp tác với nước ngoài trong khuôn khổ chương trình AUN/Seed-Net, 01 đề tài VIIP (dự án dành cho người thu nhập thấp) đã được phê duyệt thực hiện. Viện đang chủ trì **03** đề tài cấp Bộ Giáo dục, được cấp kinh phí từ năm 2015. Năm 2015: 02 đề xuất đề tài cấp Bộ Giáo dục đã được thông qua và sẽ hoàn thiện thủ tục để triển khai từ năm 2016. Một số đề tài Nghị định thư cấp Nhà nước, đề tài hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế, đề tài thuộc dự án First, đề tài thuộc dự án VIIP và các đề tài các cấp đã được cán bộ của Viện đề xuất vào năm 2015.

Số lượng bài báo quốc tế tăng đều hàng năm. Trong giai đoạn 2012-2015, CBVC của Viện đã công bố 140 bài báo bao gồm 02 bài báo ISI, 07 bài báo trên tạp chí quốc tế, 43 bài báo trên tạp chí trong nước, 45 bài báo trên các kỷ yếu, Hội nghị ngoài nước và 44 bài báo trên các kỷ yếu Hội nghị trong nước. Các cán bộ của Viện cũng đạt được một số giải thưởng có uy tín về KHCN như giải thưởng của Quỹ Takeda Nhật Bản cho ThS Nguyễn Duy Vinh, PTN ĐCĐT năm 2013; giải thưởng của Hội đồng tàu Nhật Bản cho TS Hoàng Công Liêm, BM Kỹ thuật thủy khí và Tàu thủy năm 2013.

*Hoạt động thử nghiệm, chuyển giao công nghệ* cũng là một điểm sáng của Viện. Hợp tác chuyển giao công nghệ giữa PTN Động cơ đốt trong với Piaggio Việt Nam đã được xây dựng hơn 6 năm và liên tục được phát triển trong thời gian vừa qua. Hầu hết các sản phẩm xe máy của Piaggio sản xuất cho khu vực Châu Á Thái Bình Dương đều được qua tư vấn, thử nghiệm khí thải tại PTN Động cơ đốt trong. Viện cũng đang tiến tới ký hợp tác với VEAM Thanh Hóa về sản phẩm động cơ lắp trên xe tải nhẹ.

*Hoạt động tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học* luôn được chú trọng tại Viện Cơ khí động lực. Trong giai đoạn 2012-2015, Viện đã chủ trì, tổ chức 02 hội nghị quốc tế là Hội nghị vùng về năng lượng mới và năng lượng tái tạo AUN/Seed-Net RCNRE2012 (tháng 9/2012) và Hội nghị vùng về Cơ khí chế tạo AUN/Seed-Net RCMME2014 (tháng 10/2014). Bên cạnh đó, hàng năm 03 bài giảng và 01 hội thảo kỹ thuật hàng không được tổ chức phối hợp cùng tập đoàn MHI và đại học Nagoya (Nhật Bản). Các hội thảo khoa học chuyên đề kết hợp với giới thiệu cơ hội học bổng tiến sĩ của các giáo sư nước ngoài (Nhật Bản, Hồng Kông, Indonesia, Thái Lan, Đài Loan...) cũng thường xuyên được tổ chức. Nhiều cán bộ của Viện là ủy viên Ban chấp hành của các Hội khoa học chuyên ngành (ví dụ Hội Kỹ sư ô tô quốc tế, CLB Cơ khí động lực, Hội Cơ học thủy khí...). Viện tham gia tích cực trong các hoạt động triển lãm về KHCN do Trường và Thành phố tổ chức như Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội 2015, Triển lãm Techmart 2012 và Techmart 2015. Nhiều sản phẩm khoa học tiêu biểu của Viện đã được trưng bày tại các sự kiện nêu trên như tua bin gió trực ngang, xe máy sử dụng nhiên liệu sinh học, bộ chuyển đổi FFV, thiết bị bay không người lái...

*Công tác nghiên cứu khoa học sinh viên* là một trong những hoạt động quan trọng góp phần nâng cao kỹ năng, trình độ cho sinh viên, được lãnh đạo Viện cũng như các cán bộ, giảng viên và các em sinh viên quan tâm và đạt được nhiều thành tích nổi bật trong thời gian qua. Giải thưởng tài năng khoa học trẻ Việt Nam (giải Ba theo QĐ số 6295/QĐ-BGDĐT, ngày 31/12/2014 cho nhóm sinh viên của Viện gồm các em: Trần Văn Tiệp, Nguyễn Đình Tuấn, Bùi Văn Chiến). Tiếp nối truyền thống các cuộc thi Robocar năm 2008, năm 2010, Viện duy trì tổ chức và đồng tổ chức các cuộc thi Đua tàu mô hình (Shipcom) và máy bay mô hình, tạo sân chơi bổ ích cho sinh viên trong Viện cũng như trong trường (giải nhì Shipcom 2012), đua xe tiết kiệm nhiên liệu Shell Eco Marathon (giải Nhì năm 2012 tại Malaysia), Honda Eco Milleage Challenge (giải Nhì năm 2015). Nhiều sinh viên đã tham gia nghiên cứu khoa học từ năm thứ ba, thứ tư. Công tác tổ chức và triển lãm nghiên cứu khoa học sinh viên luôn được nhà Trường đánh giá cao, Viện được giải Nhì năm học 2012-2013 và giải Ba năm học 2013-2014. Tuần sinh viên nghiên cứu khoa học tại Viện năm 2015 kết hợp với Piaggio Việt Nam đã mang đến một không khí mới, sinh động và hiệu quả hơn so với các năm trước. Ngoài ra, sinh viên của Viện luôn được động viên và tạo điều kiện tham gia các cuộc thi Olympic các môn học, trong đó sinh viên đạt được nhiều giải cao trong Olympic cơ học chất lỏng toàn quốc.

Mặc dù có nhiều nỗ lực đổi mới, hoạt động NCKH và CGCN của Viện trong giai đoạn vừa qua vẫn còn một số hạn chế sau đây:

- Các kết quả đạt được trong NCKH và CGCN còn chưa tương xứng với tiềm năng của đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất hiện có, đặc biệt trong CGCN, đăng ký sở hữu trí tuệ và số lượng bài báo quốc tế.
- Chưa có quy định tiêu chí phù hợp để đánh giá năng lực và hiệu quả các hoạt động KHCN của các đơn vị.
- Các đề tài, dự án quốc tế còn khá khiêm tốn và cần được đầu tư xây dựng.
- Phong trào SV NCKH của Viện hiện nay tương đối phát triển thông qua các mô hình CLB SV NCKH. Tuy nhiên, các CLB hoạt động chưa đồng bộ và hiệu quả.

#### **1.4. Quan hệ đối ngoại - Hợp tác quốc tế**

Viện đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong NCKH và đào tạo; tăng cường quảng bá hình ảnh của Viện CKDL, Trường ĐHBK Hà Nội trong cộng đồng khối các trường đại học, các tổ chức và doanh nghiệp quốc tế. Chủ động tìm các nguồn tài trợ, đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động nghiên cứu và đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ. Viện luôn khuyến khích cán bộ tham dự các Hội nghị khoa học quốc tế tổ chức ở nước ngoài cũng như tổ chức đón tiếp và trao đổi về cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài. Hoạt động này có ý nghĩa quan trọng trong việc mở rộng tầm nhìn và nâng cao cơ hội hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu.

*Hợp tác trong nước:* Viện có quan hệ với các đối tác truyền thống trong nước, phục vụ cho thực tập của sinh viên, hợp tác trong đào tạo đại học và sau đại học cũng như trong NCKH như: VietnamAirline, Viện Hóa học công nghiệp Việt Nam, Viện Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tân Phát, Trường Hải, Hyundai Thành Công, Toyota, Honda, và các trường đại học kỹ thuật trong nước. Hướng đề tài hợp tác với các Tỉnh nhằm đề xuất giải quyết các vấn đề thực tiễn cũng đang được cán bộ của Viện quan tâm triển khai. Thông qua các đối tác trên, nhiều đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ đã được thực hiện, một số NCS đã bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ, nhiều bài báo chung đã được công bố trên các tạp chí, hay tuyển tập hội nghị chuyên ngành. Triển khai các hoạt động hợp tác với doanh nghiệp trong và ngoài nước đã mang lại hiệu quả thiết thực cho công tác đào tạo, NCKH của Viện.

*Hợp tác quốc tế:* Các hoạt động hợp tác quốc tế của Viện tiếp tục được mở rộng và phát triển theo chiều sâu nhằm tăng cường trao đổi kinh nghiệm trong đào tạo và nghiên cứu. Hàng năm, cán bộ và sinh viên trong Viện nhận được nhiều học bổng trao đổi thực tập, đào tạo sau đại học, học tập và trao đổi nghiên cứu ở nước ngoài từ nguồn hợp tác quốc tế, góp phần tăng cường khai thác các nguồn lực cho nghiên cứu. Hợp tác với Mitsubishi Heavy Industries (MHI) và trường Đại học Nagoya, Nhật Bản đã mang lại nhiều thành quả và hứa hẹn sẽ tiếp tục phát triển thông qua các hội thảo trao đổi học thuật đã được tổ chức đều đặn tại Việt Nam cũng như ở Nhật Bản và 10 suất học bổng hàng năm của MHI dành cho sinh viên Viện có tác động mạnh trong việc khuyến khích sinh viên chuyên ngành. Các hoạt động khác có thể kể đến như hoạt động trao đổi cán bộ nghiên cứu trong mạng lưới AUN/Seed-Net và mạng lưới các trường ĐH nghiên cứu về năng lượng xanh ANEGER, hoạt động tài trợ học bổng và hỗ trợ xuất bản tờ tin sinh viên phối hợp với Tập đoàn dầu nhớt Motul của Pháp... Hợp tác với hãng AVL, Cộng hòa Áo luôn được coi trọng, nhờ đó hệ thống thiết bị mặc dù đã 10 năm tuổi vẫn có thể hoạt động bình thường và phát huy hiệu quả trong việc thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ.

Viện phối hợp với Viện Điện, dưới sự điều phối của Phòng HTQT đang tham gia thực hiện dự án ECO RED (2015-2018) về phát triển hệ thống các học phần đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn Châu Âu về năng lượng tái tạo. Dự án do Erasmus+ hỗ trợ và có sự tham gia của nhiều trường Đại học hàng đầu của Châu Âu. Viện cũng phối hợp và được chỉ định phối hợp với các cơ quan, Trường Đại học, Viện nghiên cứu và các cơ quan quản lý thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu và giải quyết những vấn đề nóng của xã hội như vấn đề cháy nổ phương tiện, giảm phát thải ô nhiễm môi trường cho phương tiện giao thông, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và phương tiện sạch.

Viện đã ký hợp tác và đang thúc đẩy xây dựng các hoạt động cụ thể với Trường ĐH Kỹ thuật Nanyang, Singapore về nghiên cứu năng lượng thủy triều. Hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu với các trường như: ĐH Kyoto, ĐH Tokyo Tech, ĐH Chulalongkorn, KMITL, KMUTT, NUS, ITB đang được duy trì và quan tâm phát triển. Trong khuôn khổ mạng lưới AOTULE, sinh viên của Viện có điều kiện tham gia các khóa thực tập hè tổ chức tại trường ĐH Tokyo Tech. Năm 2015, 01 sinh viên tham gia hoạt động này, chương trình tiếp tục được duy trì trong các năm tới. 02 sinh viên của Viện đã được cử tham gia khóa Internship tại ĐH Chulalongkorn trong tháng 1/2016. Các chương trình hợp tác nghiên cứu và đào tạo kỹ sư với các công ty Samsung Electronics, NissanTechno Vietnam... được phát huy và nhân rộng. Chương trình chất lượng cao về Kỹ thuật Hàng không cũng mang lại nhiều thành quả về hoạt động đối ngoại và bồi dưỡng cán bộ cũng như đào tạo sinh viên chuyên ngành KTHK.

Nhìn chung, để phát huy và khai thác hiệu quả tiềm năng rất lớn từ hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế, công tác truyền thông và đối ngoại trong thời gian tới cần được chú trọng hơn, chuyên nghiệp hơn. Đặc biệt, Viện cần xây dựng, củng cố và khai thác tốt tiềm năng từ mạng lưới cựu sinh viên (đã ra mắt ngày 15/10/2015 nhân dịp kỷ niệm 59 năm thành lập Trường).

### **1.5. Cơ sở vật chất, thiết bị**

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 2 đã đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý, phát triển cơ sở vật chất, thiết bị và quản lý đầu tư là:

- Xây dựng Văn phòng Viện đáp ứng yêu cầu quản lý theo cơ chế tự chủ.
- Xây dựng các dự án nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ đầu tư, nâng cấp trang thiết bị cho các hướng nghiên cứu mũi nhọn của Viện và phục vụ đào tạo.

Thực hiện nghị quyết Hội nghị, công tác quản lý cơ sở vật chất, thiết bị của Viện có nhiều chuyển biến tích cực.

Trong năm 2014, 2015, các PTN của các Bộ môn cũng đã được nhà trường cho sửa chữa. Một số đơn vị bằng kinh phí tự có hoặc tranh thủ kết hợp từ đề tài cấp Trường, cấp Bộ đã xây dựng được các thiết bị, mô hình, thí nghiệm, phục vụ cho đào tạo. Thông qua chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao, Bộ môn Kỹ thuật Hàng không và Vũ trụ hàng năm đều được trang bị các thiết bị phục vụ thí nghiệm và thực hành.

Tính đến cuối năm 2015, văn phòng Viện, khu công trình phụ WC của Viện, PTN Điện và điện tử ô tô, và văn phòng của hầu hết các đơn vị trong Viện đã được Nhà trường quy hoạch, sửa chữa: văn phòng Bộ môn Động cơ đốt trong, bộ môn Ô tô và Xe Chuyên dụng (đầu năm 2015); văn phòng Bộ môn Kỹ thuật Thủy khí và Tàu thủy, Bộ môn Máy và Tự động thủy khí (cuối năm 2015). Hiện nay, Viện đang phối hợp cùng nhà trường tiến hành kiểm tra, quy hoạch lại cơ sở vật chất để lập kế hoạch đầu tư, nâng cấp trang thiết bị



thực hành thí nghiệm cơ sở. Trước mắt Viện đề nghị sửa chữa PTN Kỹ thuật tàu thủy và PTN ô tô năm 2016. Các PTN cơ sở khác sẽ được quan tâm sửa chữa trong thời gian thích hợp.

PTN đầu tư tập trung về Động cơ đốt trong đã được đưa vào sử dụng 11 năm nên hệ thống các trang thiết bị đã xuống cấp nhiều. Vấn đề sửa chữa, bảo dưỡng và duy trì hoạt động của các thiết bị đang đứng trước nhiều khó khăn. Việc tìm kiếm các cơ hội để nâng cấp các trang thiết bị này trong tương lai gần là cần thiết.

Xây dựng thành công trang web mới, đáp ứng đầy đủ yêu cầu cung cấp, cập nhật và quảng bá thông tin của Viện trong nước cũng như giới thiệu Viện với các đối tác quốc tế. Danh mục các thiết bị phục vụ nghiên cứu của toàn Viện được xây dựng và công bố trên trang web nhằm phát huy khả năng phối hợp khai thác chung trong toàn Viện.

Mặc dù có nhiều nỗ lực, song công tác quản lý cơ sở vật chất của Viện còn khá nhiều vấn đề bất cập. Với đặc thù của Viện là các bộ môn nằm rải rác ở nhiều nơi, nên việc đồng bộ hóa cơ sở vật chất là tương đối phức tạp và khó khăn. Văn phòng Viện hiện vẫn nằm tại P102-C6, trước đây là phòng thí nghiệm của Bộ môn KT Thủy khí và Tàu thủy.

## **1.6. Quản lý tài chính**

Quản lý tài chính là một mảng công tác quan trọng trong Viện, liên quan thiết yếu tới tất cả các lĩnh vực hoạt động. Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 2 đã đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý tài chính là: Động viên mọi nguồn lực để tăng nguồn thu, từ đó có thể tăng mức hỗ trợ cho các phong trào của Viện và tăng phúc lợi cho CBVC. Đây là một trong những tiêu chí bình xét thi đua đối với cá nhân và tập thể.

Thực hiện nghị quyết, Viện đã có nhiều hoạt động tích cực trong quản lý tài chính theo hướng minh bạch hóa và đảm bảo đúng các quy định của pháp luật. Viện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, lập dự toán chi tiết theo hạn mức kinh phí đã được Nhà trường giao, phối hợp chặt chẽ với các phòng liên quan triển khai tốt chủ trương phân cấp quản lý tài chính.

Do có nhiều ràng buộc trong cơ chế nên nguồn thu của Viện eo hẹp, để có thể đáp ứng các nhu cầu chi tối thiểu của Viện về văn phòng phẩm, tel, fax, hỗ trợ sinh viên, công đoàn, phong trào văn thể... lãnh đạo Viện thống nhất chính sách chi hết sức tiết kiệm. Việc quản lý tài chính được thực hiện theo đúng nguyên tắc, Viện trưởng trực tiếp phụ trách công tác tài chính, có 1 kế toán và 1 thủ quỹ. Hàng năm đều có báo cáo tài chính công khai trước Hội nghị cán bộ chủ chốt của Viện.

Tổng kinh phí thu từ 01/2012 đến 12/2015: 1.284.574.833đ, trong đó từ hợp đồng 215.394.740đ, từ đề tài 180.139.600đ, từ điều hành 525.906.794đ

Tổng chi cho mọi hoạt động của Viện: 1.038.914.755đ, trong đó chi cho văn phòng phẩm, điện thoại, fax...: 83.444.500đ; phúc lợi, hiếu hỷ: 617.059.955đ; hỗ trợ các đoàn thể và phong trào: 179.622.500đ.

Tính đến hết ngày 08/01/2016, quỹ Viện có 245.660.128đ (Phụ lục VIII).

## **1.7. Công tác đoàn thể, phong trào, thi đua và đời sống**

*Công tác Đảng:* Đại hội Đảng bộ Viện diễn ra vào ngày 17/3/2015 đã thành công tốt đẹp. Đồng chí Lê Anh Tuấn được đại hội bầu giữ chức Bí thư Đảng ủy viện nhiệm kỳ 2015-2020. Song song với việc xây dựng đội ngũ cán bộ vững về chuyên môn, Đảng ủy cùng các Chi bộ đã tích cực phát triển Đảng. Từ năm 2012 đến nay, 07 đảng viên mới là các cán bộ trẻ đã được kết nạp, bổ sung một lực lượng đáng kể cho đội ngũ cán bộ Đảng

viên. Đồng thời, Đảng bộ cũng chú trọng bồi dưỡng, giới thiệu cho Đảng những đoàn viên/công đoàn viên ưu tú. Hiện nay, có 04 đối tượng Đảng đang trong giai đoạn bồi dưỡng kết nạp.

Các danh hiệu Đảng bộ Viện đã được khen thưởng trong giai đoạn 2012-2015 là: Giấy khen đảng bộ bộ phận trong sạch, vững mạnh tiêu biểu 2 năm liền (năm 2012), tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh (QĐ số 16/QĐ-ĐU ngày 12/01/2015).

*Công tác công đoàn:* Đại hội Công đoàn Viện diễn ra vào ngày 03/10/2012 cũng đã thành công tốt đẹp, đồng chí Khổng Vũ Quảng được đại hội bầu giữ chức Chủ tịch công đoàn Viện, đồng chí Nghiêm Xuân Giang giữ vai trò Phó chủ tịch. Thực hiện nghị quyết Hội nghị, Ban giám đốc Viện phối hợp cùng BCH Công đoàn Viện đã triển khai nhiều hoạt động nhằm từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CBVC, sinh viên. Trong điều kiện nguồn thu hạn hẹp, việc phân bổ kinh phí một cách hợp lý, ưu tiên cho việc tăng thu nhập của cán bộ cũng được chú trọng. Đặc biệt, các tổ công đoàn trong Viện đã phát huy vai trò trong việc bảo vệ và chăm lo quyền lợi cho cán bộ, viên chức thông qua nhiều hoạt động có ý nghĩa như tổ chức du lịch hè, du xuân, các hoạt động thể thao, văn hóa, tạo sự đoàn kết và gắn bó trong toàn thể cán bộ Viện.

Trong năm học 2014-2015, Viện Cơ khí động lực đã đạt danh hiệu công đoàn bộ phận xuất sắc theo Quyết định số 327/QĐ-CĐBK ngày 16/12/2015; Tổ công đoàn Bộ môn Máy và Tự động thủy khí đc nhận Bằng khen công đoàn giáo dục Việt Nam; 08 đồng chí đạt danh hiệu đoàn viên công đoàn xuất sắc là: PGS Khổng Vũ Quảng, ThS Nghiêm Xuân Giang, TS Hoàng Thăng Bình, TS Trần Khánh Dương, TS Lê Xuân Trường, TS Trần Đăng Quốc, TS Lưu Hồng Quân, TS Phan Anh Tuấn; 2 nữ cán bộ đạt danh hiệu “Giỏi việc trường, đảm việc nhà” giai đoạn 2010-2015 là PGS Hoàng Thị Bích Ngọc và TS Lê Thị Thái.

Trong mọi hoạt động đời sống và phong trào, Công đoàn Viện luôn đóng vai trò quan trọng. Công đoàn đã tổ chức được các buổi du xuân đầu năm, thăm các địa danh, di tích lịch sử như Đồng Đăng, Chùa Tiên, Đền Kỳ Cùng, Chợ Đông Kinh (2/2012), Yên Tử (3/2013), Chùa Bái Đính (3/2014) và Đền Trần, Phủ Giầy (3/2015); tổ chức nghỉ hè tại Cửa Lò (7/2012) và Sầm Sơn (7/2014). Qua những chuyến tham quan này không những làm tăng thêm sự hiểu biết về danh lam thắng cảnh mà còn là dịp để mọi người có cơ hội được giao lưu với nhau nhiều hơn, đáp ứng được phần nào nguyện vọng và yêu cầu của các công đoàn viên. Một trong những nhân tố tạo nên sự thành công trong các đợt tham quan dã ngoại đó là sự ủng hộ, tham gia nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm và tính xây dựng cao, tinh đoàn kết, thống nhất của từng đoàn viên công đoàn trong Viện.

Hàng năm Công đoàn tổ chức liên hoan Vui tết thiếu nhi và tặng quà, phần thưởng cho các cháu là con của cán bộ CBVC trong Viện, tạo hứng khởi và khích lệ tinh thần học tập của các con, đồng thời động viên các bậc phụ huynh. Công đoàn đã tổ chức các buổi gặp mặt, chúc mừng và tôn vinh những đóng góp của chị em phụ nữ trong Viện nhân ngày 20/10 và 8/3.

*Công tác phong trào:* Tuy điều kiện vật chất còn thiếu thốn, song với sự nhiệt tình, đoàn kết của tập thể CBVC, phong trào văn hóa thể thao của Viện được duy trì và gặt hái nhiều thành công: Giải Ba toàn đoàn, giải Ba đơn ca, giải Nhì tiết mục khán giả bình chọn (năm 2014) trong cuộc thi văn nghệ truyền thống do Công đoàn Trường tổ chức nhân dịp 20/11; vô địch giải bóng đá nam cán bộ trẻ Trường ĐHBKHN (năm 2014), giải nhất bóng bàn đôi nam tuổi trên 40 (năm 2014), vô địch giải bóng đá Câu lạc bộ Cơ khí động lực (năm 2015), giải Nhất và giải Ba đôi nam giải Tennis cán bộ trẻ Trường ĐHBKHN (năm 2015)...

*Hoạt động xã hội:* Với tình cảm "một miếng khi đói bằng một gói khi no", "lá lành đùm lá rách" Công đoàn đã vận động các CBVC nhiệt tình tham gia các đợt phát động của Trường giúp đỡ đồng bào vùng thiên tai, xây dựng quỹ vì người nghèo, quỹ bảo trợ trẻ em, quỹ tấm lòng vàng, quỹ đền ơn đáp nghĩa.

*Công tác Đoàn thanh niên:* Phong trào đoàn hội trong những năm vừa qua được duy trì và phát huy một cách tích cực. Hội sinh viên của Viện luôn là một trong những điểm sáng trong các hoạt động Đoàn. Nhiều hoạt động phong trào do Đoàn thanh niên, Hội sinh viên được tổ chức thành công, được cấp trên ghi nhận và khen thưởng (Phụ lục IX, X). Những thành tích của phong trào đoàn và thanh niên gắn liền với những đóng góp to lớn của các đồng chí cán bộ đoàn như: TS Phan Anh Tuấn, TS Vũ Quốc Huy, TS Vũ Đình Quý, TS Trần Xuân Bộ, TS Lưu Hồng Quân,... dưới sự quan tâm của Đảng ủy cùng Ban lãnh đạo Viện. Hoạt động Đoàn thanh niên đã góp phần đáng kể nâng cao uy tín của Viện đối với Trường ĐHBKHN và một số cơ sở hợp tác ngoài trường.

*Công tác thi đua, khen thưởng:* Ban lãnh đạo Viện rất chú trọng và thực hiện nghiêm túc những qui định, hướng dẫn của Trường trong công tác xét thi đua và xét phong học hàm, bảo đảm quyền lợi chính đáng cho CBVC. Trong bốn năm qua, 8 CBGV được phong hàm Phó giáo sư (PGS Ngô Văn Hiền, PGS Khổng Vũ Quảng, PGS Lê Thanh Tùng, PGS Trương Việt Anh, PGS Nguyễn Phú Hùng, PGS Hoàng Sinh Trường, PGS Nguyễn Phú Khánh, PGS Phạm Hữu Tuyền); 03 CBVC được tặng Huân chương Lao động hạng Ba: GS Phạm Minh Tuấn (2012), GS Nguyễn Thế Mịch (2012); PGS Nguyễn Trọng Hoan (2015); 04 CBVC được tặng danh hiệu nhà giáo ưu tú: PGS Phạm Hữu Nam, PGS Nguyễn Trọng Hoan, PGS Bùi Quốc Thái, PGS Ngô Sỹ Lộc. Ngoài ra, nhiều tập thể và cá nhân được tặng thưởng các danh hiệu thi đua hàng năm như: Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc cấp Bộ, Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, Bằng khen Bộ trưởng, Bằng khen Thủ tướng (Phụ lục XI).

*Công tác chăm lo đời sống CBVC:* Những khoản chi cho hoạt động thăm hỏi, hiếu hỷ, chăm lo đời sống CBVC... đều do quỹ Viện đảm nhiệm. Vào dịp Tết Nguyên đán, Viện đều có phúc lợi cho CBVC. Ngoài việc trích quỹ phúc lợi, nhiều CBVC đã tự nguyện đóng góp để ủng hộ cho các phong trào sinh viên và các hoạt động công đoàn.

Nhìn chung, Viện đã thực hiện rất tốt các công tác Đoàn thể. Tuy nhiên để nâng cao hơn nữa đời sống vật chất, tinh thần và điều kiện làm việc của CBVC vẫn là vấn đề cần tiếp tục chú trọng trong thời gian tới.

## **2. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 3 (2015-2018)**

Là một Viện đào tạo thuộc Trường, mọi hoạt động đào tạo, nhân sự, tổ chức, kinh phí sự nghiệp... thống nhất theo sự lãnh đạo của Trường theo cơ chế phân cấp tự chủ, tự chịu trách nhiệm bắt đầu từ năm học 2011-2012. Đó là nguyên tắc có tính chủ đạo.

Viện cần phát huy hơn nữa những thành tích đã đạt được trong bốn năm qua, đặc biệt là những khởi sắc về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phong trào sinh viên. Đồng thời cần khắc phục những tồn tại để xây dựng Viện ngày càng phát triển và vững mạnh.

Ban lãnh đạo Viện đưa ra một số phương hướng hoạt động cụ thể trong nhiệm kỳ tới như sau:

### **2.1 Công tác tổ chức - cán bộ và điều hành quản lý**

- Chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch cho mọi hoạt động của Viện trong khuôn khổ cơ chế phân cấp tự chủ. Trong quá trình thực hiện cần kịp thời rút kinh nghiệm, phát huy cao độ năng lực và trí tuệ của các tổ chức, đoàn thể và cá nhân trong Viện, đồng thời tăng cường bồi dưỡng năng lực và bản lĩnh của lãnh đạo.
- Các đơn vị trong toàn Viện cần có kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, bồi dưỡng về chuyên môn, tu dưỡng và chủ động tìm nguồn tuyển dụng để bổ sung.
- Tiếp tục chuẩn hóa và duy trì công tác quản lý cùng với các văn bản theo tiêu chuẩn ISO.
- Động viên mọi nguồn lực để xây dựng quỹ Viện ngày càng lớn mạnh, qua đó tăng mức hỗ trợ cho các phong trào của Viện và tăng phúc lợi cho CBVC.
- Khuyến khích và đầu tư cho các tổ chức chính trị, xã hội của Viện thông qua các hoạt động rèn luyện, giao lưu và gắn kết.

## **2.2 Công tác đào tạo và công tác sinh viên**

- Ổn định đào tạo tín chỉ đại học và sau đại học, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo.
- Với việc mã ngành đào tạo đại học Kỹ thuật Cơ khí động lực sắp được Bộ Giáo dục thông qua, Viện sẽ đề xuất Nhà trường cho phép tuyển sinh ngay từ đầu vào nhằm tăng về số lượng và chất lượng sinh viên đầu vào.
- Đẩy mạnh hơn nữa công tác viết giáo trình, bài giảng để phục vụ cho việc đào tạo theo tín chỉ. Song song, cần xây dựng giáo trình, bài giảng điện tử để trước hết sử dụng nội bộ cho cán bộ và sinh viên của Viện. Phần đầu viết mới/tái bản 10-20 giáo trình trong giai đoạn 2015-2018.
- Với cơ sở vật chất hiện có, mỗi chuyên ngành cần tăng cường các bài thí nghiệm, giờ thực hành cho sinh viên. Ngoài ra, cần tăng cường hơn nữa tổ chức thăm quan và thực tập cho sinh viên nhằm nâng cao kiến thức thực tế, qua đó góp phần từng bước thúc đẩy chất lượng đào tạo.
- Hoàn thành xây dựng chương trình thạc sỹ kỹ thuật chung cho toàn Viện (KT Cơ khí động lực định hướng ứng dụng), tồn tại song song với 3 chương trình hiện có nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nâng cao khả năng mở lớp.
- Tăng cường quảng bá chiêu sinh để có thể tiếp tục mở các lớp cao học trong và ngoài Trường, qua đó tăng khối lượng công việc cho CBVC.
- Nghiêm túc quản lý tiến độ học tập và nghiên cứu của NCS và học viên ThS khoa học.
- Phối hợp với các phòng ban chức năng của Nhà trường để có thể cải thiện theo hướng đơn giản hóa quy trình kê khai khối lượng đào tạo cũng như nghiên cứu khoa học đối với CBVC.

## **2.3 Công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ**

- Thành lập và khuyến khích các nhóm nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực thời sự của khối Cơ khí động lực dựa trên nền tảng các công trình, các hướng nghiên cứu hiện có cũng như cơ sở vật chất, nhân lực và quan hệ hợp tác của các đơn vị.
- Xây dựng một số nhóm nghiên cứu mạnh, tận dụng sự hỗ trợ của chuyên gia quốc tế để giải quyết một số vấn đề bức xúc của thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.
- Tăng cường và khuyến khích hợp tác trong nội bộ Viện để hình thành những dự án, đề tài hoặc hợp đồng chung. Mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước,

- Tăng cường và khuyến khích hợp tác trong nội bộ Viện để hình thành những dự án, đề tài hoặc hợp đồng chung. Mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, qua đó tăng được số lượng các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như các hợp đồng dịch vụ, lao động sản xuất.
- Khuyến khích đội ngũ nghiên cứu trẻ của Viện khai thác các nguồn kinh phí của nước ngoài, đặc biệt là các nguồn kinh phí nghiên cứu quốc tế.
- Khuyến khích hoạt động nghiên cứu ứng dụng kết hợp với nghiên cứu cơ bản, qua đó nâng cao số lượng các công bố quốc tế ISI và số lượng sở hữu trí tuệ. Khuyến khích và kịp thời khen thưởng các thành tích trong học tập, đào tạo và nghiên cứu khoa học của sinh viên và CBVC.
- Nâng cao năng lực nghiên cứu cho đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ trẻ, thông qua các hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và phổ biến định hướng nghiên cứu.
- Chú trọng đến cơ sở vật chất phục vụ cho công tác nghiên cứu trong khuôn khổ và khả năng của Viện và của Trường cũng như khai thác nguồn hợp tác với doanh nghiệp.

#### **2.4 Công tác cơ sở vật chất, trang thiết bị**

- Rà soát và đánh giá thực trạng cơ sở vật chất trang thiết bị của các phòng thí nghiệm và phân đấu từng bước đầu tư, chỉnh trang các PTN cơ sở phục vụ đào tạo theo chủ trương chung của Nhà trường.
- Kết hợp bố trí lại cơ sở vật chất hiện có và xin Nhà trường đầu tư một hệ thống máy tính phục vụ cho các nhiệm vụ tính toán thủy động lực học và tính toán trong lĩnh vực Cơ khí động lực.
- Khuyến khích các đơn vị và cá nhân khai thác sử dụng hệ thống trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm chuyên ngành được công bố trên trang web của Viện phục vụ cho các mục đích đào tạo và nghiên cứu.
- Xây dựng các dự án nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ đầu tư, nâng cấp trang thiết bị cho các hướng nghiên cứu mũi nhọn của Viện.

Trên đây là toàn bộ bản cáo cáo của lãnh đạo Viện trước Hội nghị toàn thể CBVC. Trên cơ sở những thành tích đã đạt được và những tồn tại cần tiếp tục đầu tư giải quyết, Ban lãnh đạo Viện kêu gọi toàn thể CBVC tăng cường đoàn kết, nhất trí, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng bộ Viện, ra sức phấn đấu thực hiện tốt những nghị quyết của Hội nghị CBVC lần thứ 3 và nhiệm vụ do Nhà trường giao phó, đặt mục tiêu phát triển ổn định và đồng đều các đơn vị trong Viện, thúc đẩy các hoạt động mũi nhọn, tranh thủ mọi cơ hội và tạo mọi điều kiện tốt nhất để các cá nhân, đơn vị trong Viện cùng phát triển, trở thành một cơ sở đào tạo uy tín và thu hút sinh viên, và là một đơn vị nghiên cứu hàng đầu về Cơ khí động lực trong nước, từng bước hội nhập khu vực và quốc tế.

**VIỆN TRƯỞNG**



*PGS.TS. Lê Anh Tuấn*



**Phụ lục II. PHÂN BỐ ĐỘ TUỔI VÀ TÌNH HÌNH BỒI DƯỠNG CÁN BỘ**

| TT | Năm                       | Phân bố độ tuổi |           |           | Học vị    |           |           | Học hàm  |           | Cán bộ trẻ đang được đào tạo |          |            |          |
|----|---------------------------|-----------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|----------|-----------|------------------------------|----------|------------|----------|
|    |                           | >55             | 35 - 55   | <35       | TS        | ThS       | ĐH        | GS       | PGS       | Nước ngoài                   |          | Trong nước |          |
|    |                           |                 |           |           |           |           |           |          |           | NCS                          | CH       | NCS        | CH       |
| 1  | <b>2012</b>               | <b>12</b>       | <b>33</b> | <b>37</b> | <b>42</b> | <b>28</b> | <b>12</b> | <b>2</b> | <b>14</b> | <b>14</b>                    | <b>1</b> | <b>5</b>   | <b>3</b> |
|    | - BM Ôtô & xe chuyên dụng | 4               | 9         | 3         | 9         | 7         |           |          | 4         | 3                            |          | 1          |          |
|    | - BM Động cơ đốt trong    | 2               | 7         | 6         | 10        | 3         | 2         | 1        | 3         | 1                            | 1        |            | 1        |
|    | - BM Máy & TĐTK           | 4               | 3         | 7         | 9         | 3         | 2         | 1        | 3         | 2                            |          |            | 1        |
|    | - BM KTTK & Tàu thủy      | 2               | 7         | 9         | 6         | 7         | 5         |          | 3         | 6                            |          | 3          | 1        |
|    | - BM KTHK & VT            |                 | 6         | 7         | 8         | 5         |           |          | 1         | 2                            |          | 1          |          |
|    | - PTN Động cơ đốt trong   |                 |           | 2         |           | 2         |           |          |           |                              |          |            |          |
|    | - VP Viện Cơ khí Động lực |                 | 1         | 3         |           | 1         | 3         |          |           |                              |          |            |          |
| 2  | <b>2013</b>               | <b>14</b>       | <b>34</b> | <b>33</b> | <b>43</b> | <b>28</b> | <b>10</b> | <b>2</b> | <b>17</b> | <b>12</b>                    | <b>1</b> | <b>3</b>   | <b>1</b> |
|    | - BM Ôtô & xe chuyên dụng | 3               | 8         | 4         | 7         | 8         |           |          | 4         | 3                            |          | 1          |          |
|    | - BM Động cơ đốt trong    | 3               | 7         | 5         | 11        | 3         | 1         | 1        | 4         |                              | 1        |            |          |
|    | - BM Máy & TĐTK           | 5               | 3         | 6         | 9         | 4         | 1         | 1        | 4         | 2                            |          |            | 1        |
|    | - BM KTTK & Tàu thủy      | 2               | 8         | 8         | 9         | 4         | 5         |          | 4         | 5                            |          | 1          |          |
|    | - BM KTHK & VT            | 1               | 6         | 6         | 7         | 6         |           |          | 1         | 2                            |          | 1          |          |
|    | - PTN Động cơ đốt trong   |                 |           | 2         |           | 2         |           |          |           |                              |          |            |          |
|    | - VP Viện Cơ khí Động lực |                 |           | 2         |           | 1         | 3         |          |           |                              |          |            |          |
| 3  | <b>2014</b>               | <b>14</b>       | <b>35</b> | <b>32</b> | <b>44</b> | <b>28</b> | <b>9</b>  | <b>2</b> | <b>17</b> | <b>11</b>                    | <b>1</b> | <b>3</b>   |          |
|    | - BM Ôtô & xe chuyên dụng | 3               | 9         | 3         | 7         | 8         |           |          | 4         | 3                            |          | 1          |          |
|    | - BM Động cơ đốt trong    | 3               | 8         | 4         | 11        | 3         | 1         | 1        | 4         |                              | 1        |            |          |
|    | - BM Máy & TĐTK           | 5               | 3         | 7         | 10        | 4         | 1         | 1        | 4         | 2                            |          |            |          |
|    | - BM KTTK & Tàu thủy      | 2               | 7         | 7         | 10        | 4         | 4         |          | 4         | 3                            |          | 1          |          |
|    | - BM KTHK & VT            | 1               | 6         | 7         | 7         | 6         |           |          | 1         | 2                            |          | 1          |          |
|    | - PTN Động cơ đốt trong   |                 |           | 2         |           | 2         |           |          |           | 1                            |          |            |          |
|    | - VP Viện Cơ khí Động lực |                 |           | 2         |           | 1         | 3         |          |           |                              |          |            |          |
| 4  | <b>2015</b>               | <b>15</b>       | <b>34</b> | <b>30</b> | <b>48</b> | <b>27</b> | <b>4</b>  | <b>2</b> | <b>19</b> | <b>11</b>                    |          | <b>3</b>   |          |
|    | - BM Ôtô & xe chuyên dụng | 3               | 9         | 3         | 9         | 6         |           |          | 4         | 3                            |          | 1          |          |
|    | - BM Động cơ đốt trong    | 3               | 8         | 4         | 11        | 4         |           | 1        | 5         |                              |          |            |          |
|    | - BM Máy & TĐTK           | 5               | 4         | 6         | 10        | 4         | 1         | 1        | 5         | 2                            |          |            |          |
|    | - BM KTTK & Tàu thủy      | 2               | 7         | 5         | 10        | 3         | 1         |          | 4         | 2                            |          | 1          |          |
|    | - BM KTHK & VT            | 1               | 5         | 8         | 8         | 6         |           |          | 1         | 3                            |          | 1          |          |
|    | - PTN Động cơ đốt trong   |                 |           | 2         |           | 2         |           |          |           | 1                            |          |            |          |
|    | - VP Viện Cơ khí Động lực |                 | 2         | 2         |           | 2         | 2         |          |           |                              |          |            |          |

**Phụ lục III. SỐ LƯỢNG SINH VIÊN VÀ HỌC VIÊN**

| TT       | Năm học<br>Loại hình   | 2012-2013  |            |            | 2013-2014  |            |            | 2014-2015  |             |            | 2015-2016  |             |                 |
|----------|------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|-------------|------------|------------|-------------|-----------------|
|          |                        | Đầu vào    | Tổng số    | Tốt nghiệp | Đầu vào    | Tổng số    | Tốt nghiệp | Đầu vào    | Tổng số     | Tốt nghiệp | Đầu vào    | Tổng số     | Tốt nghiệp      |
| <b>1</b> | <b>Nghiên cứu sinh</b> | <b>9</b>   | <b>42</b>  | <b>6</b>   | <b>8</b>   | <b>44</b>  | <b>2</b>   | <b>11</b>  | <b>53</b>   | <b>6</b>   | <b>12</b>  | <b>58</b>   |                 |
|          | - Ôtô                  | 2          | 18         | 3          | 2          | 17         |            | 4          | 21          |            | 2          | 22          | 1               |
|          | - Động cơ              | 2          | 10         | 1          | 3          | 12         |            | 3          | 15          | 5          | 7          | 18          | 1               |
|          | - Máy thủy khí         | 1          | 7          | 2          | 2          | 7          |            | 3          | 10          | 1          | 3          | 11          |                 |
|          | - Hàng không           | 2          | 2          |            |            | 2          |            | 1          | 3           |            |            | 3           |                 |
|          | - Tàu thủy             | 1          | 1          |            | 1          | 2          |            |            | 2           |            |            | 2           |                 |
|          | - Cơ học chất lỏng     | 1          | 4          |            |            | 4          | 2          |            | 2           |            |            | 2           |                 |
| <b>2</b> | <b>Cao học</b>         | <b>53</b>  | <b>284</b> | <b>129</b> | <b>32</b>  | <b>187</b> | <b>121</b> | <b>37</b>  | <b>107</b>  | <b>60</b>  | <b>24</b>  | <b>74</b>   |                 |
|          | - Ôtô                  | 34         | 174        | 88         | 27         | 113        | 70         | 27         | 74          | 35         | 22         | 62          | 11              |
|          | - Động cơ              | 16         | 96         | 34         | 0          | 62         | 41         | 5          | 26          | 21         | 1          | 6           | 0               |
|          | - Máy thủy khí         | 3          | 14         | 7          | 5          | 12         | 10         | 5          | 7           | 4          | 1          | 6           | 0               |
| <b>3</b> | <b>Đại học</b>         | <b>308</b> | <b>630</b> | <b>77</b>  | <b>306</b> | <b>995</b> | <b>98</b>  | <b>381</b> | <b>1137</b> | <b>143</b> | <b>378</b> | <b>1294</b> |                 |
|          | - Cơ khí động lực      | 142        | 342        | 58         | 153        | 568        | 68         | 153        | 656         | 100        | 221        | 784         | Chưa tốt nghiệp |
|          | - KT hàng không        | 45         | 100        | 19         | 58         | 164        | 21         | 58         | 210         | 21         | 50         | 179         |                 |
|          | - KT tàu thủy          | 43         | 79         |            |            | 66         | 5          | 38         | 94          | 8          | 36         | 72          |                 |
|          | - CNKT ô tô            | 92         | 109        |            | 95         | 197        | 4          | 132        | 177         | 14         | 71         | 259         |                 |
| <b>4</b> | <b>Kỹ sư 2</b>         |            | <b>5</b>   |            | <b>1</b>   | <b>6</b>   | <b>2</b>   |            | <b>4</b>    |            |            | <b>4</b>    | Chưa tốt nghiệp |
|          | - Ôtô                  |            | 2          |            |            | 2          |            |            | 2           |            |            | 2           |                 |
|          | - Động cơ              |            | 1          |            |            | 1          | 1          |            |             |            |            |             |                 |
|          | - Hàng không           |            | 1          |            |            | 1          | 1          |            |             |            |            |             |                 |
|          | - Máy thủy khí         |            | 1          |            |            | 1          |            |            | 1           |            |            | 1           |                 |
|          | - Cơ khí động lực      |            |            |            | 1          | 1          |            |            | 1           |            |            | 1           |                 |



**Phụ lục IV. GIÁO TRÌNH BÀI GIẢNG (đăng ký viết mới/tái bản)**

| <b>TT</b> | <b>Đơn vị</b>                        | <b>Tên giáo trình</b>  | <b>Hình thức</b> | <b>Năm (kế hoạch XB)</b> |
|-----------|--------------------------------------|--|------------------|--------------------------|
| 1         | Bộ môn Động cơ đốt trong             | Động học, động lực học và dao động động cơ đốt trong                                   | Viết mới         | Quý 4/2015               |
|           |                                      | Động cơ đốt trong  | Tái bản          | Quý 3/2015               |
|           |                                      | Lý thuật động cơ đốt trong   | Tái bản          | Quý 3/2015               |
|           |                                      | Khí thải và ô nhiễm môi trường   | Tái bản          | Quý 3/2015               |
|           |                                      | Hệ thống nhiên liệu và tự động điều chỉnh tốc độ động cơ đốt trong                     | Viết mới         | Quý 4/2016               |
|           |                                      | Nhiên liệu thay thế dùng cho động cơ đốt trong   | Viết mới         | Quý 4/2015               |
| 2         | Bộ môn Kỹ thuật Thủy khí và Tàu thủy | Hệ thống thời gian thực: Mô hình hóa, phân tích và thiết kế hướng đối tượng thống nhất | Viết mới         | Quý 4/2015               |
|           |                                      | Cơ học vật bay   | Viết mới         | Quý 2/2015               |
|           |                                      | Kết cấu thân tàu   | Viết mới         | Quý 1/2016               |
|           |                                      | Nhập môn Kỹ thuật tàu thủy   | Viết mới         | Quý 1/2016               |
|           |                                      | Thủy động lực học nâng cao   | Viết mới         | Quý 1/2016               |
|           |                                      | Sử dụng Auto-Ship trong thiết kế tàu thủy (Phần 2)                                     | Viết mới         | Quý 2/2016               |
|           |                                      | Chân vịt và thiết bị đẩy tàu thủy  | Viết mới         | Quý 4/2016               |
|           |                                      | Bài tập Kỹ thuật thủy khí  | Viết mới         | Quý 4/2015               |
|           |                                      | Vẽ tàu   | Viết mới         | Quý 4/2016               |
|           |                                      | Công nghệ đóng tàu   | Viết mới         | Quý 4/2016               |
|           |                                      | Tin học trong thời gian thực   | Viết mới         | Quý 1/2016               |
| 3         | Bộ môn Kỹ thuật Hàng không và Vũ trụ | Nhập môn kỹ thuật hàng không   | Viết mới         | Quý 2/2016               |
|           |                                      | Phương pháp số trong cơ học chất lỏng  | Viết mới         | Quý 2/2016               |
|           |                                      | Kết cấu máy bay  | Viết mới         | Quý 2/2016               |

**Phụ lục V. THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG GIẢNG DẠY**

| TT                       | Đơn vị                        | Số lượng<br>cán bộ | Giờ định mức    | Giờ giảng dạy ĐH<br>quy đổi | Giờ giảng dạy<br>SDH quy đổi | Tổng giờ quy đổi |
|--------------------------|-------------------------------|--------------------|-----------------|-----------------------------|------------------------------|------------------|
| <b>Năm học 2012-2013</b> |                               | <b>81</b>          | <b>12.731,0</b> | <b>13.314,9</b>             | <b>11.308,0</b>              | <b>24.622,9</b>  |
| 1                        | Bộ môn Động cơ đốt trong      | 17                 | 3.486,0         | 2.321,5                     | 2.896,0                      | 5.217,5          |
| 2                        | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng | 17                 | 2.924,0         | 2.780,0                     | 6.312,0                      | 9.092,0          |
| 3                        | Bộ môn Máy & TĐTK             | 14                 | 2.528,0         | 2.778,5                     | 1.174,0                      | 3.952,5          |
| 4                        | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy | 16                 | 1.935,0         | 2.550,8                     | 540,0                        | 3.090,8          |
| 5                        | BM KT Hàng không & VT         | 13                 | 1.858,0         | 2.884,1                     | 386,0                        | 3.270,1          |
| 6                        | Văn phòng Viện                | 04                 |                 |                             |                              |                  |
| <b>Năm học 2013-2014</b> |                               | <b>81</b>          | <b>13.166,0</b> | <b>14.375,6</b>             | <b>10.374,0</b>              | <b>24.749,6</b>  |
| 1                        | Bộ môn Động cơ đốt trong      | 17                 | 3.594,8         | 2.411,8                     | 2.785,0                      | 5.196,8          |
| 2                        | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng | 17                 | 2.549,0         | 3.028,1                     | 5.015,5                      | 8.043,6          |
| 3                        | Bộ môn Máy & TĐTK             | 14                 | 2.984,0         | 2.992,0                     | 1.239,5                      | 4.231,5          |
| 4                        | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy | 16                 | 2.198,4         | 2.427,8                     | 786,0                        | 3.213,8          |
| 5                        | BM KT Hàng không & VT         | 13                 | 1.840,0         | 3.515,9                     | 548,0                        | 4.063,9          |
| 6                        | Văn phòng Viện                | 04                 |                 |                             |                              |                  |
| <b>Năm học 2014-2015</b> |                               | <b>79</b>          | <b>15.554,0</b> | <b>16.067,5</b>             | <b>9.652,0</b>               | <b>25.719,5</b>  |
| 1                        | Bộ môn Động cơ đốt trong      | 17                 | 4.116,0         | 2.872,5                     | 2.909,5                      | 5.782,0          |
| 2                        | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng | 15                 | 3.458,0         | 4.152,0                     | 3.982,5                      | 8.134,5          |
| 3                        | Bộ môn Máy & TĐTK             | 15                 | 3.166,8         | 3.240,8                     | 1.156,0                      | 4.396,8          |
| 4                        | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy | 14                 | 2.870,8         | 2.475,0                     | 696,0                        | 3.171,0          |
| 5                        | BM KT Hàng không & VT         | 14                 | 1.942,4         | 3.327,2                     | 908,0                        | 4.235,2          |
| 6                        | Văn phòng Viện                | 04                 |                 |                             |                              |                  |

**Phụ lục VI. THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

| TT                       | Đơn vị                        | Số lượng cán bộ | Giờ định mức  | Giờ quy đổi từ bài báo | Giờ quy đổi từ đề tài | Tổng giờ quy đổi |
|--------------------------|-------------------------------|-----------------|---------------|------------------------|-----------------------|------------------|
| <b>Năm học 2012-2013</b> |                               | <b>81</b>       | <b>19.716</b> | <b>42.886</b>          | <b>21.250</b>         | <b>64.136</b>    |
| 1                        | Bộ môn Động cơ đốt trong      | 17              | 5.185         | 17.228                 | 5.000                 | 22.228           |
| 2                        | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng | 17              | 4.160         | 3.714                  | 3.600                 | 7.314            |
| 3                        | Bộ môn Máy & TĐTK             | 14              | 4.070         | 4.750                  | 5.800                 | 10.550           |
| 4                        | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy | 16              | 2.976         | 7.147                  | 2.500                 | 9.647            |
| 5                        | BM KT Hàng không & VT         | 13              | 3.325         | 10.047                 | 4.350                 | 14.397           |
| 6                        | Văn phòng Viện                | 04              |               |                        |                       |                  |
| <b>Năm học 2013-2014</b> |                               | <b>81</b>       | <b>21.682</b> | <b>33.011</b>          | <b>15.300</b>         | <b>49.028</b>    |
| 1                        | Bộ môn Động cơ đốt trong      | 17              | 5.975         | 12.330                 | 5.200                 | 17.530           |
| 2                        | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng | 17              | 3.370         | 4.307                  | 2.100                 | 6.407            |
| 3                        | Bộ môn Máy & TĐTK             | 14              | 5.545         | 4.099                  | 5.600                 | 9.699            |
| 4                        | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy | 16              | 3.482         | 4.836                  | 900                   | 5.736            |
| 5                        | BM KT Hàng không & VT         | 13              | 3.310         | 7.439                  | 1.500                 | 9.656            |
| 6                        | Văn phòng Viện                | 04              |               |                        |                       |                  |
| <b>Năm học 2014-2015</b> |                               | <b>79</b>       | <b>25.519</b> | <b>41593</b>           | <b>19.400</b>         | <b>60.993</b>    |
| 1                        | Bộ môn Động cơ đốt trong      | 17              | 6.930         | 16.325                 | 6.400                 | 23.305           |
| 2                        | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng | 15              | 5.155         | 2.150                  | 2.500                 | 4.950            |
| 3                        | Bộ môn Máy & TĐTK             | 15              | 5.845         | 4.337                  | 5.775                 | 1.512            |
| 4                        | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy | 14              | 4.103         | 7.366                  | 1.125                 | 9.460            |
| 5                        | BM KT Hàng không & VT         | 14              | 3.486         | 11.415                 | 3.600                 | 16.526           |
| 6                        | Văn phòng Viện                | 04              |               |                        |                       |                  |

**Phụ lục VII. BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ TÀI DỰ ÁN CÁC CẤP TỪ NĂM 2012-2015**

| TT | Đơn vị                               | Trang thiết bị, PTN, sửa chữa nhỏ |          | Đề tài, dự án hợp tác Q tế |             | Đề tài cấp Nhà nước |          |          |              | Đề tài nhánh cấp Nhà nước |             | Đề tài cấp bộ |             | ĐT cấp Thành phố, Tỉnh, Sở, Viện |            | Đề tài cấp trường |            | Ghi chú |
|----|--------------------------------------|-----------------------------------|----------|----------------------------|-------------|---------------------|----------|----------|--------------|---------------------------|-------------|---------------|-------------|----------------------------------|------------|-------------------|------------|---------|
|    |                                      | SL                                | KPhí     | SL                         | KPhí        | KHCB                |          | KHCCN    |              | SL                        | KPhí        | SL            | KPhí        | SL                               | KPhí       | SL                | KPhí       |         |
|    |                                      |                                   |          |                            |             | SL                  | KPhí     | SL       | KPhí         |                           |             |               |             |                                  |            |                   |            |         |
| 1  | BM. Động cơ và PTN Động cơ đốt trong |                                   |          |                            |             |                     |          | 3        | 7730         |                           |             | 2             | 800         |                                  |            | 11                | 420        |         |
| 2  | BM. Ô tô và xe chuyên dụng           |                                   |          |                            |             |                     |          | 2        | 4590         |                           |             |               |             |                                  |            | 3                 | 50         |         |
| 3  | BM. Máy và tự động thủy khí          |                                   |          | 1                          | 500         |                     |          | 1        | 4000         | 2                         | 900         | 2             | 900         | 1                                | 950        | 4                 | 80         |         |
| 4  | BM. KT thủy khí và tàu thủy          |                                   |          |                            |             |                     |          | 1        | 891          |                           |             | 1             | 600         |                                  |            | 7                 | 150        |         |
| 5  | BM. KT Hàng không và vũ trụ          |                                   |          | 1                          | 4300        |                     |          | 1        | 782          | 1                         | 300         |               |             |                                  |            | 6                 | 235        |         |
|    | <b>Cộng</b>                          | <b>0</b>                          | <b>0</b> | <b>2</b>                   | <b>4800</b> | <b>0</b>            | <b>0</b> | <b>8</b> | <b>17993</b> | <b>3</b>                  | <b>1200</b> | <b>5</b>      | <b>2300</b> | <b>4</b>                         | <b>950</b> | <b>31</b>         | <b>935</b> |         |

*Đơn vị kinh phí: Triệu đồng*

**Phụ lục VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

|            | <b>Hạng mục</b>  | <b>Năm 2012</b>           | <b>Năm 2013</b>           | <b>Năm 2014</b>           | <b>Năm 2015</b>           |
|------------|--|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>THU</b> | Số dư đầu kỳ   | <b>42,800,050</b>         | <b>155,034,050</b>        | <b>217,982,449</b>        | <b>181,507,268</b>        |
|            | 1. Trích từ điều hành (Viện, SDH, CTĐT Nissan, ĐTLT, KP tự chủ)              | 56,304,500                | 106,566,500               | 149,549,079               | 213,486,715               |
|            | 2. Hợp đồng, đề tài  | 169,826,600               | 95,704,000                | 94,464,940                | 89,056,200                |
|            | 3. Thu khác (Công đoàn phí, hiệu chỉnh CTĐT,...)                             | 5,062,500                 | 124,674,699               | 99,409,800                | 37,669,300                |
|            | <b><u>Tổng số</u></b>  | <b>273,993,650</b>        | <b>481,979,249</b>        | <b>561,406,268</b>        | <b>521,719,483</b>        |
| <b>CHI</b> | 1. Văn phòng (Tel, Fax, Vpp, nước, đồ dùng, thiết bị, vệ sinh, sửa chữa,...) | 10,918,500                | 19,858,000                | 37,625,000                | 15,043,000                |
|            | 2. Phúc lợi  | 5,550,000                 | 183,028,100               | 210,943,000               | 188,973,855               |
|            | 3. Hiếu hỷ, thăm hỏi, ốm đau, hưu, ....                                      | 5,530,000                 | 9,730,000                 | 4,525,000                 | 8,780,000                 |
|            | 4. Hỗ trợ các đoàn thể, phong trào, sinh viên,...                            | 82,180,500                | 24,596,500                | 40,529,000                | 32,316,500                |
|            | 5. Đối ngoại   | 14,780,600                | 14,300,200                | 6,425,000                 | 21,339,000                |
|            | 6. Chi khác  |                           | 12,484,000                | 79,852,000                | 9,607,000                 |
|            | <b><u>Tổng số</u></b>  | <b>118,959,600</b>        | <b>263,996,800</b>        | <b>379,899,000</b>        | <b>276,059,355</b>        |
| <b>TÒN</b> | <b>Tính đến ngày 08/01/2016</b>  | <b><u>155,034,050</u></b> | <b><u>217,982,449</u></b> | <b><u>181,507,268</u></b> | <b><u>245,660,128</u></b> |

**Phụ lục IX. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THANH NIÊN, HỘI SINH VIÊN 2012-2015**

| <b>STT</b> | <b>Tên hoạt động</b>  | <b>Thời gian</b> |
|------------|---|------------------|
| 1          | Tổ chức Giải bóng đá truyền thống STE CUP (tháng 12 hàng năm)   | 2012-2015        |
| 2          | Tổ chức Giải thể thao liên hợp Viện CKĐL (tháng 3 hàng năm)   | 2012-2014        |
| 3          | Tham gia cuộc thi "Thiết kế, chế tạo, điều khiển máy bay mô hình" tại Đại học Lê Quý Đôn (tháng 3 hàng năm; năm 2013 đạt 01 Giải Nhất; 01 Giải Công nghệ; Năm 2014 đạt 01 giải Nhì, 01 giải Ba, 01 Giải Công nghệ; Năm 2015 đạt 01 giải Nhì; 01 Giải Ba; 01 Giải Công nghệ, 01 Giải Khuyến khích) | 2013-2015        |
| 4          | Hỗ trợ Viện tổ chức chương trình SHCD và trao học bổng Motul (tháng 11 hàng năm)  | 2012-2015        |
| 5          | Hỗ trợ Tổ chức hội thảo AUN-SEEDNet về năng lượng mới tại ĐHBKHN  | T9/2012          |
| 6          | Tổ chức Lễ tổng kết tuần SVNCKH cấp Viện (tháng 5 hàng năm)   | 2012-2015        |
| 7          | Tham gia triển lãm SV NCKH tại C2 (tháng 5 hàng năm, đạt giải Nhì toàn trường các năm 2012, 2013, 2014)   | 2012-2015        |
| 8          | Xuất bản tờ tin sinh viên Viện Cơ khí Động lực (02 số mỗi năm)  | 2012-2015        |
| 9          | Chiến dịch Mùa hè xanh tình nguyện (tháng 7 hàng năm)   | 2012-2015        |
| 10         | Chiến dịch tình nguyện tiếp sức mùa thi (tháng 7 hàng năm)  | 2012-2015        |
| 11         | Tham gia Giải bóng đá nữ ĐH BKHN (tháng 3 hàng năm)   | 2013-2015        |
| 12         | Đội bóng nam sinh viên CKĐL vô địch giải bóng đá BK-League 2014   | 2014             |
| 13         | Thành lập CLB Tiếng Anh CKĐL (STEEC)  | T09/2013         |
| 14         | Chương trình tình nguyện Trung thu "Vàng trắng ước mơ" (tháng 9 hàng năm)   | 2012-2014        |
| 15         | Chương trình tình nguyện "Giáng sinh cho em", Viện Huyết học và Truyền máu TW (tháng 12 hàng năm)   | 2012-2014        |
| 16         | Chương trình tình nguyện Tết ấm áp, Tặng bánh trung cho những người vô gia cư trên địa bàn Hà Nội (tháng 12 âm lịch)  | 2013-2015        |
| 17         | Tham gia Văn nghệ công Đoàn cùng Công Đoàn Viện Cơ khí Động lực, Giải Ba tập thể, giải Nhì Bình chọn mạng xã hội.   | T10/2014         |
| 18         | Vô địch Giải bóng đá Cán bộ trẻ 2014  | T12/2014         |
| 19         | Vô địch Giải bóng đá CLB Cơ khí Động lực 2015   | 03/2015          |
| 20         | Chương trình "Giáng sinh diệu kỳ" do CLB tiếng anh Cơ khí Động lực tổ chức (tháng 12)   | 2013-2014        |
| 21         | Chương trình tình nguyện Tết yêu thương (tháng 12 âm lịch hàng năm)   | 2014-2015        |
| 22         | Hỗ trợ nấu và tặng cháo miễn phí cho bệnh nhân nghèo tại viện A, (Địa điểm 109 Hoàng Hoa Thám; Hỗ trợ CLB Hà Nội Bạn Và Tôi;) (thứ 5 hàng tuần)   | 2014-2015        |
| 23         | Hỗ trợ nấu và tặng cơm cho bệnh nhân nghèo ở Viện K, (Tại 14B Bảo Khánh; Hỗ trợ CLB Hà Nội Bạn Và Tôi;) (thứ 5 hàng tuần)   | 2014-2015        |
| 24         | Giải Nhì hạng mục xe tự chế Cuộc thi lái xe sinh thái – Tiết kiệm nhiên liệu HONDA EMC 2015   | T04/2015         |
| 25         | Các lớp học phát âm; học thi toeic do CLB tiếng anh Viện Cơ khí Động lực STEEC tổ chức (Định kì 02 tháng/lớp)   | 2013-2015        |

**Phụ lục X. CÁC PHẦN THƯỞNG ĐOÀN THANH NIÊN VIỆN CKDL**

| TT                       | Đơn vị khen thưởng              | Đơn vị được khen thưởng                                | Thành tích  | Hình thức khen thưởng |    |         | Ghi chú   |
|--------------------------|---------------------------------|--|---|-----------------------|----|---------|-----------|
|                          |                                 |  |   | Bằng khen             | Cờ | Số tiền |           |
| <b>NĂM HỌC 2011-2012</b> |                                 |  |   |                       |    |         |           |
| 1                        | BCH Đoàn Trường ĐHBK HN         | Liên chi đoàn Viện Cơ khí Động lực                     | Giải nhì Hội trại kỉ niệm 55 năm thành lập trường.  |                       | X  | 800,000 |           |
| 2                        | BCH Đoàn Trường ĐHBK HN         | Liên chi đoàn Viện Cơ khí Động lực                     | Giải Nhì trong công tác tổ chức và triển lãm sản phẩm SV NCKH   |                       | X  | 500,000 |           |
| 3                        | BCH TW Đoàn TNCS HCM            | Phan Anh Tuấn, Phó Bí thư Đoàn trường, Bí thư LCD CKDL | Có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối đại học, học viện, cao đẳng năm học 2011-2012         | X                     |    | 50,000  |           |
| 4                        | BCH TW Đoàn TNCS HCM            | Liên chi đoàn Viện Cơ khí Động lực                     | Đơn vị có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối đại học, học viện, cao đẳng năm học 2011-2012  | X                     |    |         |           |
| 5                        | BCH TW Đoàn TNCS HCM            | Liên chi đoàn Viện Cơ khí Động lực                     | Đơn vị có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối đại học, học viện, cao đẳng Nhiệm kì 2010-2012 | X                     |    |         |           |
| <b>NĂM HỌC 2012-2013</b> |                                 |  |   |                       |    |         |           |
| 1                        | BCH TW Đoàn TNCS HCM            | Liên chi đoàn Viện Cơ khí Động lực                     | Đơn vị có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối đại học, học viện, cao đẳng năm học 2012-2013  | X                     |    |         |           |
| 2                        | Thành Đoàn Hà Nội               | Phan Anh Tuấn, Phó Bí thư Đoàn trường                  | Đảng viên trẻ xuất sắc thủ đô   |                       |    |         | Danh hiệu |
| 3                        | BCH Đoàn Trường ĐHBK HN         | Liên chi đoàn Viện Cơ khí Động lực                     | Giải Nhì trong công tác tổ chức và triển lãm sản phẩm SV NCKH Năm học 2012-2013                                       |                       | X  | 500,000 |           |
| 4                        | Trường Đại học Bách khoa Hà Nội | Đội xe Bio-Energy, Viện Cơ khí Động lực                | Đạt giải Nhì hạng mục xe tự chế - Cuộc thi đua ô tô tiết kiệm nhiên liệu Shell Eco-Marathon tại Malaysia, 2012.       | X                     |    |         |           |

| TT                       | Đơn vị khen thưởng              | Đơn vị được khen thưởng                      | Thành tích   | Hình thức khen thưởng |    |         | Ghi chú |
|--------------------------|---------------------------------|--|--|-----------------------|----|---------|---------|
|                          |                                 |  |  | Bằng khen             | Cờ | Số tiền |         |
| <b>NĂM HỌC 2013-2014</b> |                                 |  |  |                       |    |         |         |
| 1                        | BCH TW Đoàn TNCS HCM            | Phan Anh Tuấn, Phó Bí thư Đoàn trường        | Có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên nhiệm kỳ 2012-2014  | X                     |    | 50,000  |         |
| 2                        | BCH Thành Đoàn Hà Nội           | Vũ Đình Quý, Bí thư LCD Viện Cơ khí Động lực | Có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối đại học, học viện, cao đẳng năm học 2013-2014          | X                     |    |         |         |
| 3                        | BCH Thành Đoàn Hà Nội           | Liên chi đoàn Viện Cơ khí Động lực           | Đơn vị có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối đại học, học viện, cao đẳng năm học 2013-2014   | X                     |    |         |         |
| 4                        | BCH Đoàn Trường ĐHBK HN         | Liên chi đoàn Viện Cơ khí Động lực           | Giải Nhì trong công tác tổ chức và triển lãm sản phẩm SV NCKH Năm học 2013-2014  |                       | X  | 500,000 |         |
| <b>NĂM HỌC 2014-2015</b> |                                 |  |  |                       |    |         |         |
| 1                        | Trường Đại học Bách khoa Hà Nội | Đội xe BK-AUTO, Viện Cơ khí Động lực         | Đạt giải Nhì hạng mục xe tự chế - Cuộc thi “Lái xe sinh thái – Tiết kiệm nhiên liệu Honda Eco Milleage Challenge 2015” | X                     |    |         |         |



**Phụ lục XI. CÁC DANH HIỆU THI ĐUA  
CÁ NHÂN**

|          | Năm học                          | LĐTT      | CSTD  | CSTD<br>cấp Bộ | BK TTCP | BK Bộ GD&ĐT   | HCLĐ<br>Hạng Ba | Nhà giáo Ưu tú               | Phó giáo sư  |
|----------|----------------------------------|-----------|---|----------------|---------|---------------|-----------------|------------------------------|--------------|
|          | <b>2011-2012</b>                 | <b>61</b> | <b>23</b>   |                |         | <b>1</b>      | <b>2</b>        | <b>4</b>                     | <b>1</b>     |
| <b>1</b> | BM + PTN<br>Động cơ đốt<br>trong | <b>12</b> | <b>3</b>  |                |         |               | <b>1</b>        |                              |              |
|          |                                  |           | Phạm Minh Tuấn<br>Lê Anh Tuấn<br>Hoàng Đình Long  |                |         |               | Phạm Minh Tuấn  |                              |              |
|          |                                  |           |   |                |         |               |                 |                              |              |
| <b>2</b> | BM Ô tô và<br>Xe CD              | <b>15</b> | <b>6</b>  |                |         |               |                 | <b>2</b>                     |              |
|          |                                  |           | Dương Ngọc Khánh<br>Đàm Hoàng Phúc<br>Hoàng Thăng Bình<br>Hồ Hữu Hải<br>Nguyễn Trọng Hoan<br>Lưu Văn Tuấn |                |         |               |                 | Phạm Hữu Nam<br>Nguyễn Trọng |              |
|          |                                  |           |   |                |         |               |                 |                              |              |
|          |                                  |           |   |                |         |               |                 |                              |              |
|          |                                  |           |   |                |         |               |                 |                              |              |
| <b>3</b> | BM Máy<br>& TĐTK                 | <b>11</b> | <b>4</b>  |                |         |               | <b>1</b>        | <b>2</b>                     |              |
|          |                                  |           | Trương Việt Anh<br>Nguyễn Thế Mịch<br>Bùi Quốc Thái<br>Hoàng Sinh Trường                                  |                |         |               | Nguyễn Thế Mịch | Ngô Sỹ Lộc<br>Bùi Quốc Thái  |              |
|          |                                  |           |   |                |         |               |                 |                              |              |
|          |                                  |           |   |                |         |               |                 |                              |              |
| <b>4</b> | BM KTTK<br>& TT                  | <b>11</b> | <b>5</b>  |                |         | <b>1</b>      |                 |                              | <b>1</b>     |
|          |                                  |           | Lương Ngọc Lợi<br>Lê Quang<br>Ngô Văn Hiến<br>Phan Anh Tuấn<br>Lê Thanh Tùng                              |                |         | Phan Anh Tuấn |                 |                              | Ngô Văn Hiến |
|          |                                  |           |   |                |         |               |                 |                              |              |
|          |                                  |           |   |                |         |               |                 |                              |              |
| <b>5</b> | BM KT<br>Hàng không<br>& VT      | <b>8</b>  | <b>4</b>  |                |         |               |                 |                              |              |
|          |                                  |           | Nguyễn Phú Hùng<br>Nguyễn Phú Khánh<br>Vũ Quốc Huy<br>Tạ Thành Liêm                                       |                |         |               |                 |                              |              |
|          |                                  |           |   |                |         |               |                 |                              |              |
|          |                                  |           |   |                |         |               |                 |                              |              |
| <b>6</b> | VP Viện                          | <b>4</b>  | <b>1</b>  |                |         |               |                 |                              |              |
|          |                                  |           | Đào Chung Hải   |                |         |               |                 |                              |              |

| TT               | Năm học                          | LĐTT              | CSTĐ             | CSTĐ cấp Bộ | BK TTCP | BK Bộ GD&ĐT | HCLĐ Hạng Ba | Nhà giáo Ưu tú | Phó giáo sư |
|------------------|----------------------------------|-------------------|------------------|-------------|---------|-------------|--------------|----------------|-------------|
| <b>2012-2013</b> |                                  | <b>64</b>         | <b>19</b>        | <b>2</b>    |         |             |              |                |             |
| <b>1</b>         | BM + PTN<br>Động cơ đốt<br>trong | <b>14</b>         | <b>4</b>         |             |         |             |              |                |             |
|                  |                                  |                   | Phạm Minh Tuấn   |             |         |             |              |                |             |
|                  |                                  |                   | Lê Anh Tuấn      |             |         |             |              |                |             |
|                  |                                  |                   | Khổng Vũ Quảng   |             |         |             |              |                |             |
|                  |                                  | Phạm Hữu Tuyền    |                  |             |         |             |              |                |             |
| <b>2</b>         | BM Ô tô và<br>Xe CD              | <b>13</b>         | <b>4</b>         | <b>1</b>    |         |             |              |                |             |
|                  |                                  |                   | Hoàng Thăng Bình | Hồ Hữu Hải  |         |             |              |                |             |
|                  |                                  |                   | Dương Ngọc Khánh |             |         |             |              |                |             |
|                  |                                  |                   | Hồ Hữu Hải       |             |         |             |              |                |             |
|                  |                                  | Nguyễn Trọng Hoan |                  |             |         |             |              |                |             |
| <b>3</b>         | BM Máy<br>& TĐTK                 | <b>12</b>         | <b>2</b>         |             |         |             |              |                |             |
|                  |                                  |                   | Nguyễn Thế Mịch  |             |         |             |              |                |             |
|                  |                                  | Trương Việt Anh   |                  |             |         |             |              |                |             |
| <b>4</b>         | BM KTTK<br>& TT                  | <b>11</b>         | <b>4</b>         |             |         |             |              |                |             |
|                  |                                  |                   | Lê Quang         |             |         |             |              |                |             |
|                  |                                  |                   | Lê Thanh Tùng    |             |         |             |              |                |             |
|                  |                                  |                   | Lê Thị Thái      |             |         |             |              |                |             |
|                  |                                  | Phan Anh Tuấn     |                  |             |         |             |              |                |             |
| <b>5</b>         | BM KT<br>Hàng không<br>& VT      | <b>10</b>         | <b>5</b>         | <b>1</b>    |         |             |              |                |             |
|                  |                                  |                   | Tạ Thành Liêm    | Vũ Quốc Huy |         |             |              |                |             |
|                  |                                  |                   | Nguyễn Phú Hùng  |             |         |             |              |                |             |
|                  |                                  |                   | Nguyễn Phú Khánh |             |         |             |              |                |             |
|                  |                                  |                   | Vũ Quốc Huy      |             |         |             |              |                |             |
|                  |                                  | Đình Tấn Hưng     |                  |             |         |             |              |                |             |
| <b>6</b>         | VP Viện                          | <b>4</b>          |                  |             |         |             |              |                |             |

| TT               | Năm học                       | LĐTT      | CSTĐ   | CSTĐ cấp Bộ      | BK TTCP         | BK Bộ GD&ĐT      | HCLĐ Hạng Ba | Nhà giáo Ưu tú | Phó giáo sư     |
|------------------|-------------------------------|-----------|--|------------------|-----------------|------------------|--------------|----------------|-----------------|
| <b>2013-2014</b> |                               | <b>65</b> | <b>19</b>  | <b>3</b>         | <b>3</b>        | <b>4</b>         |              |                | <b>4</b>        |
| <b>1</b>         | BM + PTN<br>Động cơ đốt trong | <b>15</b> | <b>4</b>   | <b>1</b>         | <b>2</b>        |                  |              |                | <b>1</b>        |
|                  |                               |           | Phạm Minh Tuấn   | Phạm Minh Tuấn   | Hoàng Đình Long |                  |              |                | Khổng Vũ Quảng  |
|                  |                               |           | Lê Anh Tuấn  |                  | Lê Anh Tuấn     |                  |              |                |                 |
|                  |                               |           | Khổng Vũ Quảng<br>Phạm Hữu Tuyển   |                  |                 |                  |              |                |                 |
| <b>2</b>         | BM Ô tô và Xe CD              | <b>11</b> | <b>2</b>   |                  |                 | <b>1</b>         |              |                |                 |
|                  |                               |           | Dương Ngọc Khánh<br>Đàm Hoàng Phúc   |                  |                 | Dương Ngọc Khánh |              |                |                 |
| <b>3</b>         | BM Máy & TĐTK                 | <b>12</b> | <b>3</b>   |                  |                 | <b>1</b>         |              |                | <b>1</b>        |
|                  |                               |           | Nguyễn Thế Mịch<br>Trương Việt Anh<br>Trần Khánh Dương   |                  |                 | Trương Việt Anh  |              |                | Trương Việt Anh |
|                  |                               |           |  |                  |                 |                  |              |                |                 |
| <b>4</b>         | BM KTTK & TT                  | <b>13</b> | <b>6</b>   | <b>1</b>         | <b>1</b>        | <b>1</b>         |              |                | <b>1</b>        |
|                  |                               |           | Lê Quang<br>Lương Ngọc Lợi<br>Lê Thanh Tùng<br>Hoàng Công Liêm<br>Lê Thị Thái<br>Phan Anh Tuấn | Phan Anh Tuấn    | Lương Ngọc Lợi  | Lê Thị Thái      |              |                | Lê Thanh Tùng   |
|                  |                               |           |  |                  |                 |                  |              |                |                 |
|                  |                               |           |  |                  |                 |                  |              |                |                 |
|                  |                               |           |  |                  |                 |                  |              |                |                 |
| <b>5</b>         | BM KT Hàng không & VT         | <b>11</b> | <b>4</b>   | <b>1</b>         |                 | <b>1</b>         |              |                | <b>1</b>        |
|                  |                               |           | Tạ Thành Liêm<br>Đình Tấn Hưng<br>Nguyễn Phú Khánh<br>Vũ Đình Quý                              | Nguyễn Phú Khánh |                 | Vũ Quốc Huy      |              |                | Nguyễn Phú Hùng |
|                  |                               |           |  |                  |                 |                  |              |                |                 |
|                  |                               |           |  |                  |                 |                  |              |                |                 |
| <b>6</b>         | VP Viện                       | <b>3</b>  |  |                  | <b>1</b>        |                  |              | <b>1</b>       |                 |

| TT               | Năm học                          | LĐTT      | CSTĐ              | CSTĐ cấp Bộ       | BK TTCP           | BK Bộ GD&ĐT      | HCLĐ Hạng Ba      | Nhà giáo Ưu tú | Phó giáo sư       |
|------------------|----------------------------------|-----------|-------------------|-------------------|-------------------|------------------|-------------------|----------------|-------------------|
| <b>2014-2015</b> |                                  | <b>65</b> | <b>22</b>         | <b>5</b>          | <b>3</b>          | <b>6</b>         | <b>1</b>          |                | <b>3</b>          |
| <b>1</b>         | BM + PTN<br>Động cơ đốt<br>trong | <b>15</b> | <b>3</b>          | <b>2</b>          |                   | <b>2</b>         |                   |                | <b>1</b>          |
|                  |                                  |           | Lê Anh Tuấn       | Khổng Vũ Quảng*   |                   | Khổng Vũ Quảng*  |                   |                | Phạm Hữu Tuyển**  |
|                  |                                  |           | Khổng Vũ Quảng    | Phạm Hữu Tuyển*   |                   | Phạm Hữu Tuyển*  |                   |                |                   |
|                  | Phạm Hữu Tuyển                   |           |                   |                   |                   |                  |                   |                |                   |
| <b>2</b>         | BM Ô tô và<br>Xe CD              | <b>12</b> | <b>4</b>          | <b>1</b>          |                   | <b>1</b>         | <b>1</b>          |                |                   |
|                  |                                  |           | Dương Ngọc Khánh  | Dương Ngọc Khánh* |                   | Đàm Hoàng Phúc*  | Nguyễn Trọng Hoan |                |                   |
|                  |                                  |           | Đàm Hoàng Phúc    |                   |                   |                  |                   |                |                   |
|                  |                                  |           | Hồ Hữu Hải        |                   |                   |                  |                   |                |                   |
|                  | Hoàng Thăng Bình                 |           |                   |                   |                   |                  |                   |                |                   |
| <b>3</b>         | BM Máy<br>& TĐTK                 | <b>12</b> | <b>5</b>          |                   |                   |                  |                   |                | <b>1</b>          |
|                  |                                  |           | Bùi Quốc Thái     |                   |                   |                  |                   |                | Hoàng Sinh Trường |
|                  |                                  |           | Hoàng Sinh Trường |                   |                   |                  |                   |                |                   |
|                  |                                  |           | Trương Việt Anh   |                   |                   |                  |                   |                |                   |
|                  |                                  |           | Trần Khánh Dương  |                   |                   |                  |                   |                |                   |
|                  | Đỗ Thành Công                    |           |                   |                   |                   |                  |                   |                |                   |
| <b>4</b>         | BM KTTK<br>& TT                  | <b>13</b> | <b>5</b>          | <b>1</b>          | <b>2</b>          | <b>1</b>         |                   |                |                   |
|                  |                                  |           | Lương Ngọc Lợi    | Lê Thị Thái*      | Lê Quang          | Hoàng Công Liêm* |                   |                |                   |
|                  |                                  |           | Lê Thanh Tùng     |                   | Lê Thanh Tùng*    |                  |                   |                |                   |
|                  |                                  |           | Hoàng Công Liêm   |                   |                   |                  |                   |                |                   |
|                  |                                  |           | Lê Thị Thái       |                   |                   |                  |                   |                |                   |
|                  | Phan Anh Tuấn                    |           |                   |                   |                   |                  |                   |                |                   |
| <b>5</b>         | BM KT<br>Hàng không<br>& VT      | <b>11</b> | <b>5</b>          | <b>1</b>          |                   | <b>2</b>         |                   |                | <b>1</b>          |
|                  |                                  |           | Tạ Thành Liêm     | Đình Tấn Hưng*    | Nguyễn Phú Khánh* | Đình Tấn Hưng*   |                   |                | Nguyễn Phú Khánh  |
|                  |                                  |           | Đình Tấn Hưng     |                   |                   | Vũ Đình Quý*     |                   |                |                   |
|                  |                                  |           | Nguyễn Phú Khánh  |                   |                   |                  |                   |                |                   |
|                  |                                  |           | Vũ Quốc Huy       |                   |                   |                  |                   |                |                   |
|                  | Vũ Đình Quý                      |           |                   |                   |                   |                  |                   |                |                   |
| <b>6</b>         | VP Viện                          | <b>4</b>  |                   |                   |                   |                  |                   |                |                   |

Ghi chú: (\*) đã được cấp trường thông qua, đang chờ cấp trên xét duyệt, (\*\*) bổ nhiệm 20-11-2015

**TẬP THỂ***Ghi chú: (\*) đã được cấp trường thông qua, đang chờ cấp trên xét duyệt*

| <b>TT</b> | <b>Năm học</b>                     | <b>Lao động tiên tiến</b> | <b>Lao động XS cấp Bộ</b> | <b>Cờ thi đua Bộ GD&amp;ĐT</b> | <b>BK Bộ GD&amp;ĐT</b> |
|-----------|------------------------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------------|------------------------|
|           | <b>2011 - 2012</b>                 | <b>6</b>                  | <b>1</b>                  |                                |                        |
| 1         | Bộ môn Động cơ đốt trong           | x                         |                           |                                |                        |
| 2         | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng      | x                         | x                         |                                |                        |
| 3         | Bộ môn Máy & TĐTK                  | x                         |                           |                                |                        |
| 4         | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy      | x                         |                           |                                |                        |
| 5         | BM KT Hàng không & VT              | x                         |                           |                                |                        |
| 6         | Phòng thí nghiệm Động cơ đốt trong | x                         |                           |                                |                        |
|           | <b>2012 - 2013</b>                 | <b>6</b>                  | <b>1</b>                  |                                |                        |
| 1         | Bộ môn Động cơ đốt trong           | x                         |                           |                                |                        |
| 2         | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng      | x                         | x                         |                                |                        |
| 3         | Bộ môn Máy & TĐTK                  | x                         |                           |                                |                        |
| 4         | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy      | x                         |                           |                                |                        |
| 5         | BM KT Hàng không & VT              | x                         |                           |                                |                        |
| 6         | Phòng thí nghiệm Động cơ đốt trong | x                         |                           |                                |                        |
|           | <b>2013 - 2014</b>                 | <b>5</b>                  | <b>2</b>                  |                                | <b>1</b>               |
| 1         | Bộ môn Động cơ đốt trong           | x                         | x                         |                                |                        |
| 2         | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng      | x                         |                           |                                | x                      |
| 3         | Bộ môn Máy & TĐTK                  | x                         |                           |                                |                        |
| 4         | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy      | x                         | x                         |                                |                        |
| 5         | Phòng thí nghiệm Động cơ đốt trong | x                         |                           |                                |                        |
|           | <b>2014 - 2015</b>                 | <b>8</b>                  | <b>3</b>                  |                                |                        |
| 1         | Viện Cơ khí Động lực               | x                         | x*                        |                                |                        |
| 2         | Bộ môn Động cơ đốt trong           | x                         | x*                        |                                |                        |
| 3         | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng      | x                         | x*                        |                                |                        |
| 4         | Bộ môn Máy & TĐTK                  | x                         |                           |                                |                        |
| 5         | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy      | x                         |                           |                                |                        |
| 6         | BM KT Hàng không & VT              | x                         |                           |                                |                        |
| 7         | Phòng thí nghiệm Động cơ đốt trong | x                         |                           |                                |                        |
| 8         | Văn phòng Viện                     | x                         |                           |                                |                        |



Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2016

## **BÁO CÁO CÔNG TÁC CỦA BAN GIÁM ĐỐC VIỆN** tại Hội nghị Cán bộ viên chức năm 2016

Thực hiện thông báo số 1026/TB-ĐHBK-HCTH ngày 23/11/2016 của Ban chỉ đạo Hội nghị CBVC Trường ĐHBK Hà Nội năm 2016, Ban giám đốc Viện Cơ khí Động lực xây dựng bản Báo cáo công tác trình bày trước Hội nghị Cán bộ viên chức (CBVC) Viện năm 2016 tổ chức vào ngày 29/12/2016 gồm các nội dung sau:

### **1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ CBVC NĂM 2015**

#### **1.1. Công tác tổ chức - cán bộ và điều hành quản lý**

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 3 đã đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức - cán bộ và điều hành quản lý là:

- *Phát huy cao độ năng lực, trí tuệ của các tổ chức, đoàn thể và cá nhân trong Viện đồng thời tăng cường bồi dưỡng năng lực và bản lĩnh của cán bộ lãnh đạo, chủ động và sáng tạo trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch cho mọi hoạt động của Viện trong khuôn khổ cơ chế phân cấp tự chủ.*

- *Tiếp tục chuẩn hóa và duy trì công tác quản lý cùng với các văn bản theo tiêu chuẩn ISO.*

Viện Cơ khí Động lực hiện có 77 CBVC, trong đó 64 CBGD, 9 PVGD, 4 HCSN. Về cơ cấu độ tuổi, số lượng cán bộ thuộc độ tuổi trên 55 tuổi/từ 35 đến 55 tuổi/dưới 35 tuổi lần lượt là 14/37/26. Về học hàm, học vị, Viện hiện có 2 GS, 21 PGS, 27 TS, 25 ThS, 11 cán bộ đang làm NCS ở nước ngoài (tính tại thời điểm 12/2016). Trong năm 2016, Viện có 04 cán bộ được phong hàm PGS (Phụ lục 1, 2).

Lãnh đạo Viện luôn chú trọng học hỏi và thừa hưởng kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ có thâm niên công tác cao. Đồng thời, đội ngũ cán bộ trẻ luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện phát triển về chuyên môn, nghiệp vụ và tham gia vào công tác quản lý, điều hành của Viện.

Về vấn đề cải cách hành chính, Viện nghiêm túc thực hiện việc quản lý văn bản theo ISO và phần mềm eOffice và được đánh giá cao qua các đợt kiểm tra đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài.

Viện là một thành viên tích cực trong nhóm các Viện thí điểm phân cấp tự chủ về tài chính trả lương 2 cho cán bộ từ năm học 2017-2018. Đề án tự chủ này hiện đang trình Ban giám hiệu xem xét và phê duyệt.

Các sự kiện nhân kỷ niệm 60 năm thành lập Trường tại Viện đã được tổ chức một cách thành công. 02 hội nghị toàn quốc, một sự kiện gặp mặt các thế hệ thầy - trò - các đối tác thân thiết và đại lễ ngày 15/10/2016 đã diễn ra theo đúng kế hoạch, chuyên nghiệp và đầm ấm.

#### **1.2. Công tác Đào tạo và công tác sinh viên**

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 3 đã đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đào tạo và công tác sinh viên là:

- *Tiếp tục hoàn thiện các nội dung chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ, nâng cao chất lượng đào tạo, chú trọng tỷ lệ thực tập và thực hành, tăng cường công tác tuyên*

truyền quảng bá, chiêu sinh để có thể tiếp tục mở các lớp đào tạo sau đại học trong và ngoài Trường.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác viết giáo trình, bài giảng, phân đầu viết mới/tái bản 10-20 giáo trình trong giai đoạn 2015-2018.

- Nghiêm túc quản lý tiến độ học tập và nghiên cứu của NCS và học viên ThS khoa học.

- Đề xuất nhà Trường cho phép tuyển sinh ngay từ đầu vào nhằm tăng về số lượng và chất lượng sinh viên đầu vào.

Hiện nay, Viện có khoảng 1500 sinh viên hệ chính quy thuộc 04 chuyên ngành đào tạo ở bậc đại học gồm Kỹ thuật Cơ khí Động lực, Kỹ thuật Hàng không, Kỹ thuật Tàu thủy, Công nghệ Kỹ thuật Ô tô và 1 chương trình đào tạo chất lượng cao hợp tác với Pháp; 80 học viên cao học và 55 nghiên cứu sinh (Phụ lục 3). Số lượng sinh viên đại học lựa chọn các chuyên ngành đại học của toàn Viện các khóa gần đây là K60 (339 sinh viên), K59 (378 sinh viên), K58 (381 sinh viên).

Viện hoàn thành tốt các nhiệm vụ liên quan đến đào tạo đại học và sau đại học. Mặc dù số lượng học viên cao học đang có xu hướng giảm theo tình hình chung của toàn Trường nhưng quy mô đào tạo nghiên cứu sinh của Viện tăng rõ rệt. Các tồn đọng liên quan đến NCS quá hạn đã và đang được lãnh đạo Viện phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý một cách đúng hướng và hiệu quả.

Với phương châm tạo điều kiện cho sinh viên chuyên ngành trải nghiệm sâu và rộng trong thực tế, các đơn vị đã tổ chức các đoàn sinh viên đi thực tập tại các cơ sở sản xuất và dịch vụ lớn, các nhà máy và gara ô tô. Phối hợp tổ chức tốt cho các lớp sinh viên đi tham quan, kiến tập tại các nhà máy sản xuất lớn như Toyota Việt Nam, Ford Việt Nam, Honda Việt Nam, Công ty TNHH Piaggio Việt Nam...

Bên cạnh việc liên tục cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo bậc đại học, trong năm qua, Viện đã hoàn thành việc xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ kỹ thuật Cơ khí Động lực định hướng ứng dụng. Chương trình này hiện đã được chính thức đưa vào vận hành như là một giải pháp để tăng khả năng mở lớp cao học định hướng ứng dụng.

Nhằm phục vụ cho công tác đào tạo, CBVC của Viện đã đăng ký viết mới 19 giáo trình nhằm thiết thực chào mừng lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Trường, 4 giáo trình đã được hoàn thành công tác thẩm định và chỉnh sửa (Phụ lục 4), trong đó có 1 giáo trình đã xuất bản.

Việc phân công giảng dạy và tổ chức thực tập cho sinh viên được các đơn vị thực hiện tốt theo nhiệm vụ của từng năm học. CBVC của Viện hoàn thành tốt và vượt định mức khối lượng giảng dạy hàng năm (Phụ lục 5). Công tác dự giờ và đánh giá chất lượng bài giảng, bài thực hành được Viện quan tâm và phối hợp tích cực với Trung tâm Đảm bảo chất lượng.

Công tác Cố vấn học tập và quản lý lớp sinh viên cũng được Viện đặc biệt chú trọng. Viện đã thành lập Ban tư vấn Cố vấn học tập, có lịch trực cụ thể để giải đáp các thắc mắc của sinh viên. Công tác này đã đi vào nề nếp, hoạt động khá hiệu quả và liên tục được đổi mới về phương thức.

Trong năm qua, Viện đã tiếp nhận 01 sinh viên quốc tế đến thực tập tại BM Hàng không. Nhiều sinh viên của Viện đã nhận được học bổng thực tập và học bổng sau đại học tại nước ngoài: 03 sinh viên nhận học bổng thực tập tốt nghiệp tại ĐH ENSMA (Pháp), 02 sinh viên nhận học bổng của chính phủ Pháp để tiếp tục học 02 năm cuối tại ĐH ENSMA (nhận bằng kép), 01 Sinh viên nhận học bổng nghiên cứu ngắn hạn tại ĐH Tokyo Institut of Technology, 02 sinh viên được tham gia khóa internship tại Thái Lan ; 01 sinh viên được cử đi thực tập tại Nhà máy đóng tàu Oshima, Nhật bản , 01 sinh viên được Denso



Nhật bản cấp học bổng thực tập; 20 sinh viên được Daihatsu tuyển dụng trong khuôn khổ hợp tác với Viện, 12 sinh viên được tuyển dụng vào Nissan Techno trong khuôn khổ hợp tác với Trường ĐHBK, 03 sinh viên được nhận vào làm việc tại Công ty Daizotech... Ngoài ra, có rất nhiều học bổng khuyến khích sinh viên học tập tốt của các tập đoàn, doanh nghiệp khác như: Học bổng Motul, học bổng Toyota, IHI, MHI, Trường Đại học Nagoya.

### **1.3. Công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ**

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 3 chú trọng các mục tiêu:

- *Xây dựng một số nhóm nghiên cứu mạnh, tận dụng sự hỗ trợ của chuyên gia quốc tế để giải quyết một số vấn đề bức xúc của thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.*

- *Khuyến khích đội ngũ nghiên cứu trẻ của Viện khai thác các nguồn kinh phí của nước ngoài, đặc biệt là các nguồn kinh phí nghiên cứu quốc tế.*

- *Khuyến khích hoạt động nghiên cứu ứng dụng kết hợp với nghiên cứu cơ bản, qua đó nâng cao số lượng các công bố quốc tế ISI và số lượng sở hữu trí tuệ. Khuyến khích và kịp thời khen thưởng các thành tích trong học tập, đào tạo và nghiên cứu khoa học của sinh viên và CBVC.*

Công tác nghiên cứu khoa học của Viện luôn được chú trọng. Các cán bộ khoa học, đặc biệt là cán bộ trẻ luôn được động viên, khuyến khích, tạo điều kiện tham gia và chủ trì các công trình nghiên cứu khoa học. Số lượng đề tài các cấp không ngừng được tăng lên hàng năm, đặc biệt là các đề tài NCKH cấp Nhà nước và đề tài hợp tác quốc tế. Các kết quả hoạt động NCKH được tóm tắt trong Phụ lục 6.

Hiện nay, các cán bộ của Viện đang chủ trì 01 đề tài nghiên cứu Nghị định thư hợp tác với Nhật Bản, 03 đề tài hợp tác với nước ngoài trong khuôn khổ chương trình AUN/Seed-Net (02 đề tài đã được nghiệm thu đạt kết quả tốt); 02 đề tài cấp Nhà nước, trong đó 1 đề tài đã nghiệm thu cấp nhà nước thành công vào tháng 3/2016; 02 đề tài Nafosted (thêm 01 đề tài đã được chấp nhận – sẽ ký hợp đồng vào khoảng tháng 03/2017 do TS Phạm Văn Sáng làm chủ nhiệm); 05 đề tài cấp Bộ và 15 đề tài cấp Trường (trong đó có 01 đề tài liên ngành do TS Nguyễn Thế Lương làm chủ nhiệm). Tổng kinh phí của các đề tài khoảng 13 tỷ đồng (Phụ lục 6.1). Một đề tài cấp Nhà nước khác đã được Bộ KH-CN thông qua về nội dung và tài chính, sẽ được triển khai từ năm 2017.

Viện cũng phối hợp và được chỉ định phối hợp với các Trường Đại học, Viện nghiên cứu và các cơ quan quản lý thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu và giải quyết những vấn đề nóng của xã hội như vấn đề cháy nổ phương tiện, giảm phát thải ô nhiễm môi trường cho phương tiện giao thông, năng lượng tái tạo và phương tiện sạch.

Hoạt động thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cũng là một điểm sáng của Viện. Tổng số hợp đồng chuyển giao công nghệ thực hiện trong năm 2016 qua Công ty Cổ phần kỹ thuật Cơ khí chính xác là 15 hợp đồng với tổng kinh phí gần 800 triệu đồng. Hợp tác chuyển giao công nghệ giữa PTN Động cơ đốt trong với Piaggio Việt Nam đã được xây dựng hơn 7 năm và liên tục được phát triển trong thời gian vừa qua. Hầu hết các sản phẩm xe máy của Piaggio sản xuất cho khu vực Châu Á Thái Bình Dương đều được qua thử nghiệm khí thải tại PTN Động cơ đốt trong.

Trong năm qua, Viện đã tổ chức thành công Hội nghị Cơ học Thủy khí toàn quốc (phối hợp với Hội Cơ học Thủy khí - 7/2016), Hội nghị Cơ khí - Động lực toàn quốc (phối hợp với Viện Cơ khí và Tổng hội Cơ khí VN - 10/2016) và cuộc thi đua tàu thủy mô hình ShipCom 2016. Ngoài ra, Viện luôn khuyến khích các cán bộ duy trì và nâng cao công bố khoa học trong nước và quốc tế. Trong 2 năm 2015 - 2016 các cán bộ của Viện đã công bố 109 bài báo đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội nghị trong nước và quốc tế, trong đó có 13 bài đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số Scopus /ISI, 01 bài SCI Mago, riêng năm 2016 có

tới 11 bài báo Scopus /ISI (Phụ lục 6.2, 6.3). Đây là thành tích rất nổi bật của đội ngũ cán bộ của Viện, đặc biệt là cán bộ trẻ.

#### Nghiên cứu khoa học sinh viên :

Công tác Nghiên cứu khoa học sinh viên nhận được sự quan tâm sát sao của lãnh đạo Viện. Các thành tích nổi bật của hoạt động này gồm: Tổ chức và đồng tổ chức các cuộc thi Tàu thủy mô hình (Shipcom 2016), và máy bay mô hình 2015. Các nhóm sinh viên tham gia và đạt giải cao tại các cuộc thi đua xe tiết kiệm nhiên liệu như Shell Eco Marathon, Honda Eco Milleage Challenge (giải Nhì năm 2015). Sinh viên của Viện luôn đạt giải cao trong các kỳ thi Olympic cơ học chất lỏng toàn quốc tổ chức hàng năm (giải Nhì đồng đội Olympic thủy lực cấp quốc gia năm 2016), giải Nhì triển lãm sản phẩm sinh viên nghiên cứu khoa học “Ngày hội sáng tạo khoa học trẻ Bách khoa Hà Nội 2016”, giải Nhất cấp trường với đề tài “Nghiên cứu chế tạo máy bay không người lái sử dụng năng lượng mặt trời”, giải Nhì bình chọn qua mạng với đề tài “Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo mô hình xe ô tô hybrid xăng - điện”...

#### **1.4. Quan hệ đối ngoại - Hợp tác quốc tế**

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 3 đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm trong công tác Quan hệ đối ngoại - Hợp tác quốc tế là: *Mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, xây dựng các dự án nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ đầu tư, nâng cao năng lực nghiên cứu cho đội ngũ CBVC, đặc biệt là các cán bộ trẻ.*

Hoạt động hợp tác quốc tế của Viện liên tục được đẩy mạnh, trong đó điển hình là những hoạt động trao đổi cán bộ nghiên cứu trong mạng lưới AUN/Seed-Net, mạng lưới AOTULE và mạng lưới các trường ĐH nghiên cứu về năng lượng xanh ANEGER. Các chương trình hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học giữa Viện với các đối tác khác như: Tập đoàn công nghiệp nặng Mitsubishi (MHI) từ năm 2009 đến nay mỗi năm trao tặng 12 suất học bổng cho SV xuất sắc, Tập đoàn AVAVE đã tài trợ phần mềm AVEVA-Marine (trị giá khoảng 1.000.000 Euro) phục vụ đào tạo chuyên ngành kỹ thuật tàu thủy kèm chuyên gia đào tạo, Trường Đại học Nagoya và tập đoàn SAFRAN (hàng năm duy trì tổ chức 03 bài giảng, 02 hội thảo về chuyên đề Hàng không), tập đoàn dầu nhớt Motul của Pháp, Nissan Techno.

Các hợp tác về đào tạo và nghiên cứu mới với đối tác quốc tế được ký kết trong năm 2015 và 2016 gồm hợp tác với AVEVA, Công ty Nordic, Daihatshu và workstaff, Denso và TokyoTech Nhật Bản... Hợp tác với hãng AVL, Cộng hòa Áo cũng ngày càng phát triển, nhờ đó hệ thống thiết bị mặc dù đã 12 năm tuổi vẫn hoạt động bình thường và phát huy hiệu quả trong việc thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ.

Viện phối hợp với Viện Điện, dưới sự điều phối của Phòng HTQT đang tham gia thực hiện dự án ECO RED (2015-2018) về phát triển hệ thống các học phần đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn Châu Âu về năng lượng tái tạo. Dự án do Erasmus<sup>+</sup> hỗ trợ và có sự tham gia của nhiều trường Đại học hàng đầu của Châu Âu. Viện cũng đang chủ trì phối hợp với các trường ĐH Nagoya Nhật Bản, Chulalongkorn Thái Lan, ĐH Quốc Gia Lào thực hiện dự án hợp tác quốc tế JSPS Core-to-Core pha 2 do Chính phủ Nhật Bản tài trợ. Dự án về phương tiện và nhiên liệu sinh học của khu vực Đông Á (ERIA Energy project) cũng đã chính thức kết nạp Viện CKĐL là thành viên mới của dự án từ năm 2016. Ngoài ra, các chuyên gia của Viện còn tham gia vào các dự án do tổ chức hợp tác quốc tế Đức (GIZ) thực hiện về năng lượng tái tạo và kinh tế nhiên liệu của phương tiện.

Viện cũng luôn khuyến khích cán bộ tham dự các Hội nghị khoa học quốc tế tổ chức ở nước ngoài cũng như tổ chức đón tiếp và trao đổi về cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài. Hoạt động này có ý nghĩa quan trọng trong việc mở rộng tầm nhìn và nâng cao cơ hội hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu.

## 1.5. Xây dựng cơ sở vật chất

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 3 đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng cơ sở vật chất là: *Tăng cường đầu tư và quản lý cơ sở vật chất, tạo sự liên kết giữa các đơn vị trong Viện để cùng khai thác tối đa và hiệu quả trang thiết bị, phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu.*

Dự án PTN cơ sở của Bộ môn Kỹ thuật Thủy khí và Tàu thủy với tổng kinh phí khoảng 1 tỷ, trong đó 1 phòng máy tính gồm máy trạm và các máy tính bàn phục vụ cho các hoạt động tính toán số thủy động lực học, và 1 bể thử tàu thủy cỡ nhỏ đã được trang bị và sẵn sàng đi vào khai thác.

Vào dịp kỷ niệm 60 năm thành lập trường, với nỗ lực của cán bộ viên chức và lãnh đạo Viện cũng như lãnh đạo các đơn vị, khá nhiều trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu đã được cựu sinh viên và đối tác biếu tặng. Tổng trị giá cho các trang thiết bị này là 458.500.000 đ (Phụ lục 7). Các đơn vị cũng tận dụng tốt nguồn tài trợ thiết bị từ các đối tác thường xuyên như Toyota, Ford, Piaggio.

Các văn phòng, phòng thí nghiệm được đầu tư, nâng cấp và sửa chữa nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập Trường gồm: phòng máy tính và văn phòng BM Kỹ thuật Thủy khí và Tàu thủy, văn phòng BM Máy và tự động thủy khí, phòng học chuyên ngành C3-309 và văn phòng BM Động cơ đốt trong, văn phòng BM ô tô và xe chuyên dụng. Bể thử tuabin nước và tua bin gió công suất nhỏ cũng đã được triển khai thi công xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư của ngân hàng thế giới (World Bank) cho BM Máy và tự động thủy khí.

Trang web thông tin của Viện liên tục được cập nhật nội dung đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin cho cán bộ, sinh viên, các đối tác trong và ngoài nước.

## 1.6. Quản lý tài chính

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 3 đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý tài chính là: *Tận dụng tối đa các nguồn thu và chủ động tạo các nguồn thu mới để xây dựng quỹ Viện, góp phần nâng cao phúc lợi cho CBVC và tăng mức hỗ trợ cho các phong trào của Viện.*

Thực hiện nghị quyết, Viện đã có nhiều hoạt động tích cực trong quản lý tài chính theo hướng minh bạch hóa và đảm bảo đúng các quy định của pháp luật. Viện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, lập dự toán chi tiết theo hạn mức kinh phí đã được nhà Trường giao, phối hợp chặt chẽ với các phòng liên quan triển khai tốt chủ trương phân cấp quản lý tài chính.

Do còn nhiều ràng buộc trong cơ chế nên nguồn thu của Viện nhìn chung eo hẹp, để có thể đáp ứng các nhu cầu chi tối thiểu của Viện về các mảng hoạt động lãnh đạo Viện thống nhất chính sách chi hết sức tiết kiệm.

Tình hình tài chính của Viện năm 2016 như sau:

Tổng thu từ 01/2016 đến 12/2016, tính gồm cả số dư đầu kỳ: 541.621.584đ, trong đó thu từ tài trợ/biếu tặng cho các hoạt động 60 năm thành lập trường 232.000.000đ.

Tổng chi cho mọi hoạt động của Viện: 539.388.080đ, trong đó chi cho phúc lợi 198.782.000đ, chi cho công tác tổ chức hoạt động 60 năm thành lập trường 145.765.000đ.

Tính đến 12/2016, quỹ Viện có 247.893.632đ (Phụ lục 8).

## 1.7. Hoạt động của tổ chức Đảng, Đoàn thể, thi đua và đời sống

Đảng bộ Viện luôn giữ vai trò lãnh đạo toàn diện mọi mặt hoạt động của Viện và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Trong năm qua, Đảng bộ Viện đã kết nạp thêm 01 đảng viên mới nâng tổng số đảng viên của Viện lên 44 người. Đảng bộ Viện còn được tặng Giấy khen Đảng bộ đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh” tiêu biểu 3 năm liền.

Công đoàn thường xuyên làm tốt các hoạt động phong trào tăng tình đoàn kết, gắn bó và hiểu biết giữa các công đoàn viên và đã đạt được các thành tích đáng khích lệ như Giải Nhì cuộc thi kéo co, Giải Ba toàn đoàn liên hoan văn nghệ, Giải Nhất, Giải Ba giải Tennis cán bộ trẻ 2015, Giải Nhất tennis 2016. Trong năm qua Công đoàn Viện đã được tặng Bằng khen Ban chấp hành Công đoàn giáo dục, Công đoàn bộ phận xuất sắc. Các hoạt động hiếu hỷ, thăm hỏi các CBVC, tứ thân phụ mẫu ốm đau được thực hiện một cách kịp thời.

Công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên được Đảng ủy và Lãnh đạo Viện định hướng, quan tâm và ủng hộ cả về vật chất lẫn tinh thần. Nhiều hoạt động của Liên chi đoàn, Liên chi Hội đã gặt hái được nhiều thành công, được cấp trên ghi nhận và khen thưởng (Phụ lục 9, 10). Các hoạt động đó cung cấp cho sinh viên nhiều kiến thức mềm, kiến thức xã hội, bên cạnh việc thúc đẩy phong trào học tập và rèn luyện.

*Công tác thi đua, khen thưởng:* Ban lãnh đạo Viện rất chú trọng và thực hiện nghiêm túc những quy định, hướng dẫn của Trường trong công tác xét thi đua và xét phong học hàm, bảo đảm quyền lợi chính đáng cho CBVC. Trong năm 2016, 4 CBGV được phong hàm và bổ nhiệm Phó giáo sư, 03 CB đạt danh hiệu CSTĐ cấp Bộ, 03 CB được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục, 07 CB được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp KHCN và Viện đã đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cấp Bộ (Phụ lục 11).

*Chăm lo đời sống CBVC:* Những khoản chi cho hoạt động thăm hỏi, hiếu hỷ, chăm lo đời sống CBVC... đều do quỹ Viện đảm nhiệm. Vào dịp Tết Nguyên đán, Viện đều có phúc lợi cho CBVC. Ngoài việc trích quỹ phúc lợi, nhiều CBVC đã tự nguyện đóng góp để ủng hộ cho các phong trào sinh viên và các hoạt động công đoàn.

*Tóm lại, trong năm qua, Viện Cơ khí Động lực là một đơn vị hoạt động đồng đều và hiệu quả trên tất cả các mặt như đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đều phát huy tốt vai trò và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được cấp trên đánh giá cao.*

## **2. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2017**

Phương hướng hoạt động chung của Viện năm 2017 được định hướng theo chủ trương chung của Nhà trường là tập trung xây dựng và triển khai các giải pháp thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ toàn diện của trường, đặc biệt tập trung xây dựng và triển khai thực hiện thí điểm cơ chế mở rộng phân cấp tự chủ tài chính tại Viện.

### **2.1. Công tác tổ chức - cán bộ và điều hành - quản lý**

- Tổ chức thực hiện các nội dung đổi mới và nâng cao năng lực hệ thống quản lý và điều hành theo chủ trương chung của Nhà trường. Trong đó Viện CKDL là một trong 5 Viện thực hiện thí điểm mô hình quản lý mới, chú trọng đến hoạt động tự chủ tài chính, nâng cao năng lực thực hiện và chất lượng hoạt động.

- Triển khai và tham gia thực hiện một cách nghiêm túc, hiệu quả các quy chế quy định mới do Nhà trường ban hành trong môi trường tự chủ toàn diện trường đại học.

- Tận dụng cơ hội để tham gia triển khai các đề án thu hút cán bộ giỏi trong và ngoài nước về Viện làm việc. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc quy định mới về tuyển dụng và ký hợp đồng lao động. Theo đó, từ năm 2017 chỉ tuyển dụng vào viên chức các giảng viên có trình độ tiến sĩ và đạt chuẩn ngoại ngữ; đối với các cán bộ giảng dạy chưa đủ chuẩn chỉ thực hiện cơ chế ký hợp đồng lao động.

- Tăng cường quản lý hiệu quả các hoạt động hành chính theo tiêu chuẩn ISO.

### **2.2. Công tác đào tạo và công tác sinh viên**

- Lập kế hoạch triển khai đổi mới và phát triển chương trình đào tạo theo chủ trương chung của Nhà trường, với cấu trúc và nội dung được thiết kế dựa trên chuẩn trình độ đầu ra của mỗi chương trình đào tạo, chú trọng đến năng lực hành nghề của người tốt nghiệp.

- Tham gia tích cực trong công tác đảm bảo chất lượng đào tạo, chủ động trong việc lên kế hoạch và thực hiện kiểm định các chương trình đào tạo theo đúng kế hoạch đã đăng ký với Nhà trường. Tăng cường công tác thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên, của các doanh nghiệp tuyển dụng sinh viên.

- Cải thiện công tác cố vấn học tập và công tác quản lý lớp; triển khai mạnh mẽ kênh tư vấn trực tuyến nhằm nâng cao khả năng tiếp cận và hiệu quả của công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên.

- Hoàn thành tốt công tác tuyển sinh đào tạo sau đại học và quản lý nghiêm túc tiến độ học tập và nghiên cứu của NCS và học viên cao học.

- Chủ động và sáng tạo tham gia các hoạt động giới thiệu tuyển sinh của Nhà trường.

### **2.3. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ**

- Thành lập và khuyến khích các nhóm nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực thời sự của khối Cơ khí động lực dựa trên nền tảng các công trình, các hướng nghiên cứu hiện có, cũng như cơ sở vật chất, nhân lực và quan hệ hợp tác của các đơn vị.

- Xây dựng một số nhóm nghiên cứu mạnh, tận dụng sự hỗ trợ của chuyên gia quốc tế để giải quyết một số vấn đề bức xúc của thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.

- Tăng cường và khuyến khích hợp tác trong nội bộ Viện để hình thành những dự án, đề tài hoặc hợp đồng dịch vụ chung. Mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, qua đó tăng được số lượng các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như các hợp đồng dịch vụ, lao động sản xuất.

- Xây dựng bộ quy trình quản lý và thực hiện các đề tài và hoạt động khoa học công nghệ theo mức phân cấp tự chủ. Thực hiện đúng tiến độ các đề tài nghiên cứu các cấp.

- Đăng ký thành công ít nhất 1 nhiệm vụ khoa học cấp Nhà nước và tương đương; đăng ký thành công 2 nhiệm vụ khoa học cấp bộ cho năm 2017.

- Khuyến khích đội ngũ nghiên cứu trẻ của Viện khai thác các nguồn kinh phí của nước ngoài, đặc biệt là các nguồn kinh phí nghiên cứu quốc tế. Khuyến khích hoạt động nghiên cứu ứng dụng kết hợp với nghiên cứu cơ bản, qua đó nâng cao hơn nữa số lượng các công bố quốc tế và số lượng sở hữu trí tuệ.

- Tiếp tục đổi mới và thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động NCKH trong sinh viên, xây dựng mô hình các câu lạc bộ sinh viên nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp; định hướng cho sinh viên gắn kết các hoạt động học tập, nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp.

### **2.4. Quan hệ đối ngoại - Hợp tác quốc tế**

- Thực hiện thành công và đúng tiến độ 3 dự án hợp tác quốc tế: Eco-Red, JSPS Core-to-Core và ERIA Energy, và các hợp tác khác với Motul, Aveva, Denso và TokyoTech, Nordic, Daihatsu và Workstaff nhằm thúc đẩy chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ.

- Khuyến khích đội ngũ chuyên gia của Viện tham gia xây dựng và thực hiện các dự án hợp tác quốc tế, các dự án hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước.

- Trao đổi sinh viên/cán bộ nghiên cứu trong mạng lưới AUN/Seed-Net, AOTULE, và trong khuôn khổ các chương trình/dự án hợp tác như MHI, Eco-Red và JSPS Core-To-Core.

## 2.4. Quan hệ đối ngoại - Hợp tác quốc tế

- Thực hiện thành công và đúng tiến độ 3 dự án hợp tác quốc tế: Eco-Red, JSPS Core-to-Core và ERIA Energy, và các hợp tác khác với Motul, Aveva, Denso và TokyoTech, Nordic, Daihatsu và Workstaff nhằm thúc đẩy chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ.

- Khuyến khích đội ngũ chuyên gia của Viện tham gia xây dựng và thực hiện các dự án hợp tác quốc tế, các dự án hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước.

- Trao đổi sinh viên/cán bộ nghiên cứu trong mạng lưới AUN/Seed-Net, AOTULE, và trong khuôn khổ các chương trình/dự án hợp tác như MHI, Eco-Red và JSPS Core-To-Core.

- Tổ chức và tham gia các hoạt động hội thảo, hội nghị, bài giảng trong khuôn khổ các hợp tác quốc tế với MHI và Trường Đại học Nagoya, cũng như trong khuôn khổ các dự án hợp tác quốc tế.

- Triển khai thực hiện thành công các hợp tác trong nước và quốc tế của Viện.

## 2.5. Cơ sở vật chất, thiết bị

- Phân đấu từng bước đầu tư và chỉnh trang các PTN cơ sở phục vụ đào tạo theo chủ trương chung của Nhà trường; tận dụng tối đa các quan hệ hợp tác của Viện với các đối tác cũng như sự hỗ trợ của cựu sinh viên để phát triển và nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu.

- Xây dựng các dự án nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ đầu tư, nâng cấp trang thiết bị cho các hướng nghiên cứu mũi nhọn của Viện.

- Lập kế hoạch và thực hiện hiệu quả các công tác phân cấp tự chủ liên quan đến cơ sở vật chất, thiết bị, vật tư hóa chất.

## 2.6. Quản lý tài chính

- Thực hiện các hoạt động tài chính công khai, minh bạch, hiệu quả theo quy chế thu chi nội bộ của Viện.


- Đề trình và triển khai thực hiện đề án phân cấp hoạt động tài chính tại Viện từ năm học 2017-2018 cùng với các Viện thí điểm tự chủ theo chủ trương của Nhà trường.

## 3. KẾT LUẬN

Trên đây là bản cáo cáo của lãnh đạo Viện trước Hội nghị toàn thể CBVC. Trên cơ sở những thành tích và bài học kinh nghiệm đã đạt được trong năm qua, Ban lãnh đạo Viện kêu gọi toàn thể CBVC tăng cường đoàn kết, nhất trí, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng bộ Viện, tập trung thực hiện tốt các giải pháp trong các mảng công tác đã nêu nhằm nâng cao chất lượng và năng suất hoạt động, từ đó tăng tính công bằng đồng thời tạo động lực làm việc cho cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ trẻ.

Viện kiên định mục tiêu năng động đổi mới, phát triển bền vững và đồng đều các đơn vị trong Viện, thúc đẩy các hoạt động mũi nhọn, tranh thủ mọi cơ hội và tạo mọi điều kiện tốt nhất để các cá nhân, đơn vị trong Viện cùng phát triển.

VIỆN TRƯỞNG



PGS.TS. *Lê Anh Tuấn*



**Phụ lục 2. PHÂN BỐ ĐỘ TUỔI VÀ TÌNH HÌNH BỒI DƯỠNG CÁN BỘ**

| TT | Năm                       | Phân bố độ tuổi |           |           | Học vị    |           |           | Học hàm  |           | Cán bộ trẻ đang được đào tạo |          |            |          |
|----|---------------------------|-----------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|----------|-----------|------------------------------|----------|------------|----------|
|    |                           | >55             | 35 - 55   | <35       | TS        | ThS       | ĐH        | GS       | PGS       | Nước ngoài                   |          | Trong nước |          |
|    |                           |                 |           |           |           |           |           |          |           | NCS                          | CH       | NCS        | CH       |
| 1  | <b>2013</b>               | <b>14</b>       | <b>34</b> | <b>33</b> | <b>43</b> | <b>28</b> | <b>10</b> | <b>2</b> | <b>17</b> | <b>12</b>                    | <b>1</b> | <b>3</b>   | <b>1</b> |
|    | - BM Ôtô & xe chuyên dụng | 3               | 8         | 4         | 7         | 8         |           |          | 4         | 3                            |          | 1          |          |
|    | - BM Động cơ đốt trong    | 3               | 7         | 5         | 11        | 3         | 1         | 1        | 4         |                              | 1        |            |          |
|    | - BM Máy & TĐTK           | 5               | 3         | 6         | 9         | 4         | 1         | 1        | 4         | 2                            |          |            | 1        |
|    | - BM KTTK & Tàu thủy      | 2               | 8         | 8         | 9         | 4         | 5         |          | 4         | 5                            |          | 1          |          |
|    | - BM KTHK & VT            | 1               | 6         | 6         | 7         | 6         |           |          | 1         | 2                            |          | 1          |          |
|    | - PTN Động cơ đốt trong   |                 |           | 2         |           | 2         |           |          |           |                              |          |            |          |
|    | - VP Viện Cơ khí Động lực |                 |           | 2         |           | 1         | 3         |          |           |                              |          |            |          |
| 2  | <b>2014</b>               | <b>14</b>       | <b>35</b> | <b>32</b> | <b>44</b> | <b>28</b> | <b>9</b>  | <b>2</b> | <b>17</b> | <b>11</b>                    | <b>1</b> | <b>3</b>   |          |
|    | - BM Ôtô & xe chuyên dụng | 3               | 9         | 3         | 7         | 8         |           |          | 4         | 3                            |          | 1          |          |
|    | - BM Động cơ đốt trong    | 3               | 8         | 4         | 11        | 3         | 1         | 1        | 4         |                              | 1        |            |          |
|    | - BM Máy & TĐTK           | 5               | 3         | 7         | 10        | 4         | 1         | 1        | 4         | 2                            |          |            |          |
|    | - BM KTTK & Tàu thủy      | 2               | 7         | 7         | 10        | 4         | 4         |          | 4         | 3                            |          | 1          |          |
|    | - BM KTHK & VT            | 1               | 6         | 7         | 7         | 6         |           |          | 1         | 2                            |          | 1          |          |
|    | - PTN Động cơ đốt trong   |                 |           | 2         |           | 2         |           |          |           | 1                            |          |            |          |
|    | - VP Viện Cơ khí Động lực |                 |           | 2         |           | 1         | 3         |          |           |                              |          |            |          |
| 3  | <b>2015</b>               | <b>14</b>       | <b>34</b> | <b>30</b> | <b>48</b> | <b>27</b> | <b>4</b>  | <b>2</b> | <b>18</b> | <b>11</b>                    |          | <b>3</b>   |          |
|    | - BM Ôtô & xe chuyên dụng | 3               | 9         | 3         | 9         | 6         |           |          | 4         | 3                            |          | 1          |          |
|    | - BM Động cơ đốt trong    | 3               | 8         | 4         | 11        | 4         |           | 1        | 4         |                              |          |            |          |
|    | - BM Máy & TĐTK           | 5               | 4         | 6         | 10        | 4         | 1         | 1        | 5         | 2                            |          |            |          |
|    | - BM KTTK & Tàu thủy      | 2               | 7         | 5         | 10        | 3         | 1         |          | 4         | 2                            |          | 1          |          |
|    | - BM KTHK & VT            | 1               | 5         | 8         | 8         | 6         |           |          | 1         | 3                            |          | 1          |          |
|    | - PTN Động cơ đốt trong   |                 |           | 2         |           | 2         |           |          |           | 1                            |          |            |          |
|    | - VP Viện Cơ khí Động lực |                 | 2         | 2         |           | 2         | 2         |          |           |                              |          |            |          |
| 4  | <b>2016</b>               | <b>14</b>       | <b>37</b> | <b>26</b> | <b>50</b> | <b>25</b> | <b>2</b>  | <b>2</b> | <b>21</b> | <b>11</b>                    |          | <b>3</b>   |          |
|    | - BM Ôtô & xe chuyên dụng | 4               | 8         | 3         | 9         | 6         |           |          | 4         | 2                            |          | 1          |          |
|    | - BM Động cơ đốt trong    | 2               | 8         | 4         | 10        | 4         |           | 1        | 6         | 1                            |          |            |          |
|    | - BM Máy & TĐTK           | 5               | 3         | 6         | 12        | 2         |           | 1        | 5         | 1                            |          | 1          |          |
|    | - BM KTTK & Tàu thủy      | 2               | 9         | 3         | 11        | 3         |           |          | 5         | 2                            |          |            |          |
|    | - BM KTHK & VT            | 1               | 7         | 6         | 8         | 6         |           |          | 1         | 4                            |          | 1          |          |
|    | - PTN Động cơ đốt trong   |                 |           | 2         |           | 2         |           |          |           | 1                            |          |            |          |
|    | - VP Viện Cơ khí Động lực |                 | 2         | 2         |           | 2         | 2         |          |           |                              |          |            |          |



**Phụ lục 3. SỐ LƯỢNG SINH VIÊN, HỌC VIÊN VÀ NCS**

| TT       | Năm học<br>Loại hình   | 2013-2014  |            |            | 2014-2015  |             |            | 2015-2016  |             |            | 2016-2017  |             |            |
|----------|------------------------|------------|------------|------------|------------|-------------|------------|------------|-------------|------------|------------|-------------|------------|
|          |                        | Đầu vào    | Tổng số    | Tốt nghiệp | Đầu vào    | Tổng số     | Tốt nghiệp | Đầu vào    | Tổng số     | Tốt nghiệp | Đầu vào    | Tổng số     | Tốt nghiệp |
| <b>1</b> | <b>Nghiên cứu sinh</b> | <b>8</b>   | <b>42</b>  | <b>4</b>   | <b>11</b>  | <b>49</b>   | <b>5</b>   | <b>12</b>  | <b>56</b>   | <b>6</b>   | <b>7</b>   | <b>55</b>   | <b>2</b>   |
|          | - Ôtô                  | 2          | 15         |            | 4          | 19          |            | 2          | 21          | 4          | 1          | 17          | 1          |
|          | - Động cơ              | 3          | 13         | 1          | 3          | 15          | 5          | 7          | 17          |            | 3          | 20          |            |
|          | - Máy thủy khí         | 2          | 6          | 1          | 3          | 8           |            | 3          | 11          |            | 2          | 12          |            |
|          | - Hàng không           |            | 2          |            | 1          | 3           |            |            | 3           |            |            | 3           | 1          |
|          | - Tàu thủy             | 1          | 2          |            |            | 2           |            |            | 2           |            |            | 2           |            |
|          | - Cơ học chất lỏng     | 1          | 4          | 2          |            | 2           |            |            | 2           | 2          | 1          | 1           |            |
| <b>2</b> | <b>Cao học</b>         | <b>32</b>  | <b>187</b> | <b>121</b> | <b>37</b>  | <b>107</b>  | <b>60</b>  | <b>50</b>  | <b>98</b>   | <b>33</b>  | <b>15</b>  | <b>80</b>   | <b>13</b>  |
|          | - Ôtô                  | 27         | 113        | 70         | 27         | 74          | 35         | 33         | 71          | 25         | 5          | 51          | 13         |
|          | - Động cơ              |            | 62         | 41         | 5          | 26          | 21         | 2          | 7           | 5          |            | 2           |            |
|          | - Máy thủy khí         | 5          | 12         | 10         | 5          | 7           | 4          | 15         | 20          | 3          | 10         | 27          |            |
| <b>3</b> | <b>Đại học</b>         | <b>306</b> | <b>995</b> | <b>98</b>  | <b>381</b> | <b>1137</b> | <b>143</b> | <b>378</b> | <b>1294</b> | <b>152</b> | <b>339</b> | <b>1429</b> |            |
|          | - Cơ khí động lực      | 153        | 568        | 68         | 153        | 656         | 100        | 221        | 784         | 111        | 158        | 803         |            |
|          | - KT hàng không        | 58         | 164        | 21         | 58         | 210         | 21         | 50         | 179         | 20         | 40         | 198         |            |
|          | - KT tàu thủy          |            | 66         | 5          | 38         | 94          | 8          | 36         | 72          | 12         | 40         | 110         |            |
|          | - CNKT ô tô            | 95         | 197        | 4          | 132        | 177         | 14         | 71         | 259         | 9          | 101        | 318         |            |
| <b>4</b> | <b>Kỹ sư 2</b>         | <b>1</b>   | <b>6</b>   | <b>2</b>   |            | <b>4</b>    |            |            | <b>4</b>    |            |            |             |            |
|          | - Ôtô                  |            | 2          |            |            | 2           |            |            | 2           |            |            |             |            |
|          | - Động cơ              |            | 1          | 1          |            |             |            |            |             |            |            |             |            |
|          | - Hàng không           |            | 1          | 1          |            |             |            |            |             |            |            |             |            |
|          | - Máy thủy khí         |            | 1          |            |            | 1           |            |            | 1           |            |            |             |            |
|          | - Cơ khí động lực      | 1          | 1          |            |            | 1           |            |            | 1           |            |            |             |            |

#### Phụ lục 4. GIÁO TRÌNH BÀI GIẢNG

| TT | Tên giáo trình   | Ban biên soạn  | Đơn vị                               | Hình thức | Ghi chú  |
|----|--|--|--------------------------------------|-----------|--|
| 1  | Động học, động lực học và dao động động cơ đốt trong                                   | PGS. Phạm Văn Thê (chủ biên), PGS. Lê Anh Tuấn, PGS. Phạm Hữu Tuyền, PGS. Trần Thị Thu Hương                           | Bộ môn Động cơ đốt trong             | Viết mới  |  |
| 2  | Hệ thống nhiên liệu và tự động điều chỉnh tốc độ động cơ đốt trong                     | PGS. Hoàng Đình Long<br>PGS. Lê Anh Tuấn<br>PGS. Khổng Vũ Quảng  |                                      | Viết mới  |  |
| 3  | Nhiên liệu thay thế dùng cho động cơ đốt trong   | PGS. Lê Anh Tuấn (chủ biên)<br>PGS. Văn Đình Sơn Thọ<br>PGS. Phạm Hữu Tuyền  |                                      | Viết mới  | Đã họp HĐ thẩm định tháng 11/2016                    |
| 4  | Hệ thống thời gian thực: Mô hình hóa, phân tích và thiết kế hướng đối tượng thống nhất | PGS. Ngô Văn Hiến  | Bộ môn Kỹ thuật Thủy khí và Tàu thủy | Viết mới  |  |
| 5  | Cơ học vật bay   | PGS. Lê Quang  |                                      | Viết mới  | Hoàn thành - 2016                                    |
| 6  | Bài tập Cơ học vật bay   | PGS. Lê Quang  |                                      | Viết mới  |  |
| 7  | Kết cấu thân tàu   | TS. Phạm Thị Thanh Hương   |                                      | Viết mới  |  |
| 8  | Nhập môn Kỹ thuật tàu thủy   | TS. Lê Thị Thái  |                                      | Viết mới  | Hoàn thành - 2016                                    |
| 9  | Thủy động lực học nâng cao   | PGS. Lê Quang  |                                      | Viết mới  |  |
| 10 | Sử dụng Auto-Ship trong thiết kế tàu thủy (Phần 2)                                     | TS. Ngô Văn Hệ<br>PGS. Ngô Văn Hiến  |                                      | Viết mới  | Đã họp HĐ thẩm định 2016. K <sup>o</sup> xuất bản GT |
| 11 | Chân vịt và thiết bị đẩy tàu thủy  | TS. Phan Anh Tuấn  |                                      | Viết mới  |  |
| 12 | Bài tập Kỹ thuật thủy khí  | PGS. Lê Quang  |                                      | Viết mới  |  |
| 13 | Vẽ tàu   | TS. Hoàng Công Liêm  |                                      | Viết mới  |  |
| 14 | Công nghệ đóng tàu   | PGS. Lương Ngọc Lợi  |                                      | Viết mới  |  |
| 15 | Tin học trong thời gian thực   | PGS. Ngô Văn Hiến  | Viết mới                             |           |  |
| 16 | Nhập môn kỹ thuật hàng không   | TS. Vũ Quốc Huy, PGS. Nguyễn Phú Khánh, TS. Lê Xuân Trường, TS. Hoàng Thị Kim Dung, TS. Vũ Đình Quý, TS. Đinh Tấn Hưng | Bộ môn Kỹ thuật Hàng không và Vũ trụ | Viết mới  |  |
| 17 | Phương pháp số trong cơ học chất lỏng  | TS. Hoàng Thị Kim Dung, TS. Lưu Hồng Quân, PGS. Nguyễn Phú Hùng  |                                      | Viết mới  |  |
| 18 | Kết cấu máy bay  | TS. Vũ Quốc Huy, TS. Vũ Đình Quý, TS. Lê Thị Tuyết Nhung   |                                      | Viết mới  |  |
| 19 | Truyền động thủy động  | PGS. Bùi Quốc Thái<br>TS. Đỗ Huy Cương   | BM Máy & Tự động                     | Viết mới  |  |

**Phụ lục 5. THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG GIẢNG DẠY**

| TT                       | Đơn vị                              | Số lượng<br>cán bộ | Giờ định mức    | Giờ giảng dạy ĐH<br>quy đổi | Giờ giảng dạy<br>SDH quy đổi | Tổng giờ quy đổi |
|--------------------------|-------------------------------------|--------------------|-----------------|-----------------------------|------------------------------|------------------|
| <b>Năm học 2013-2014</b> |                                     | <b>81</b>          | <b>13.166,0</b> | <b>14.375,6</b>             | <b>10.374,0</b>              | <b>24.749,6</b>  |
| 1                        | Bộ môn Động cơ đốt trong + PTN ĐCĐT | 17                 | 3.594,8         | 2.411,8                     | 2.785,0                      | 5.196,8          |
| 2                        | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng       | 17                 | 2.549,0         | 3.028,1                     | 5.015,5                      | 8.043,6          |
| 3                        | Bộ môn Máy & TĐTK                   | 14                 | 2.984,0         | 2.992,0                     | 1.239,5                      | 4.231,5          |
| 4                        | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy       | 16                 | 2.198,4         | 2.427,8                     | 786,0                        | 3.213,8          |
| 5                        | BM KT Hàng không & VT               | 13                 | 1.840,0         | 3.515,9                     | 548,0                        | 4.063,9          |
| 6                        | Văn phòng Viện                      | 04                 |                 |                             |                              |                  |
| <b>Năm học 2014-2015</b> |                                     | <b>79</b>          | <b>15.554,0</b> | <b>16.067,5</b>             | <b>9.652,0</b>               | <b>25.719,5</b>  |
| 1                        | Bộ môn Động cơ đốt trong + PTN ĐCĐT | 17                 | 4.116,0         | 2.872,5                     | 2.909,5                      | 5.782,0          |
| 2                        | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng       | 15                 | 3.458,0         | 4.152,0                     | 3.982,5                      | 8.134,5          |
| 3                        | Bộ môn Máy & TĐTK                   | 15                 | 3.166,8         | 3.240,8                     | 1.156,0                      | 4.396,8          |
| 4                        | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy       | 14                 | 2.870,8         | 2.475,0                     | 696,0                        | 3.171,0          |
| 5                        | BM KT Hàng không & VT               | 14                 | 1.942,4         | 3.327,2                     | 908,0                        | 4.235,2          |
| 6                        | Văn phòng Viện                      | 04                 |                 |                             |                              |                  |
| <b>Năm học 2015-2016</b> |                                     | <b>78</b>          | <b>14.865</b>   | <b>15.334</b>               | <b>7.712</b>                 | <b>23.046</b>    |
| 1                        | Bộ môn Động cơ đốt trong + PTN ĐCĐT | 17                 | 3.888           | 2.357                       | 2.618                        | 4.975            |
| 2                        | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng       | 15                 | 3.132           | 4.498                       | 3.604                        | 8.102            |
| 3                        | Bộ môn Máy & TĐTK                   | 14                 | 2.835           | 3.264                       | 832                          | 4.096            |
| 4                        | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy       | 14                 | 2.782           | 2.303                       | 488                          | 2.791            |
| 5                        | BM KT Hàng không & VT               | 14                 | 2.228           | 2.912                       | 170                          | 3.082            |
| 6                        | Văn phòng Viện                      | 04                 |                 |                             |                              |                  |

**Phụ lục 6. THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

| TT                       | Đơn vị                              | Số lượng cán bộ | Giờ định mức  | Giờ quy đổi từ bài báo | Giờ quy đổi từ đề tài | Tổng giờ quy đổi |
|--------------------------|-------------------------------------|-----------------|---------------|------------------------|-----------------------|------------------|
| <b>Năm học 2013-2014</b> |                                     | <b>81</b>       | <b>21.682</b> | <b>33.011</b>          | <b>15.300</b>         | <b>49.028</b>    |
| 1                        | Bộ môn Động cơ đốt trong + PTN ĐCĐT | 17              | 5.975         | 12.330                 | 5.200                 | 17.530           |
| 2                        | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng       | 17              | 3.370         | 4.307                  | 2.100                 | 6.407            |
| 3                        | Bộ môn Máy & TĐTK                   | 14              | 5.545         | 4.099                  | 5.600                 | 9.699            |
| 4                        | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy       | 16              | 3.482         | 4.836                  | 900                   | 5.736            |
| 5                        | BM KT Hàng không & VT               | 13              | 3.310         | 7.439                  | 1.500                 | 9.656            |
| 6                        | Văn phòng Viện                      | 04              |               |                        |                       |                  |
| <b>Năm học 2014-2015</b> |                                     | <b>79</b>       | <b>25.519</b> | <b>41593</b>           | <b>19.400</b>         | <b>60.993</b>    |
| 1                        | Bộ môn Động cơ đốt trong + PTN ĐCĐT | 17              | 6.930         | 16.325                 | 6.400                 | 23.305           |
| 2                        | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng       | 15              | 5.155         | 2.150                  | 2.500                 | 4.950            |
| 3                        | Bộ môn Máy & TĐTK                   | 15              | 5.845         | 4.337                  | 5.775                 | 1.512            |
| 4                        | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy       | 14              | 4.103         | 7.366                  | 1.125                 | 9.460            |
| 5                        | BM KT Hàng không & VT               | 14              | 3.486         | 11.415                 | 3.600                 | 16.526           |
| 6                        | Văn phòng Viện                      | 04              |               |                        |                       |                  |
| <b>Năm học 2015-2016</b> |                                     | <b>78</b>       | <b>28.893</b> | <b>24.163</b>          | <b>14.875</b>         | <b>39.038</b>    |
| 1                        | Bộ môn Động cơ đốt trong + PTN ĐCĐT | 17              | 8.040         | 6.353                  | 5.350                 | 11.703           |
| 2                        | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng       | 15              | 5.760         | 7.500                  | 0                     | 7.500            |
| 3                        | Bộ môn Máy & TĐTK                   | 14              | 5.700         | 2.280                  | 4.775                 | 7.055            |
| 4                        | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy       | 14              | 5.043         | 4.890                  | 1.200                 | 6.090            |
| 5                        | BM KT Hàng không & VT               | 14              | 4.350         | 3.140                  | 3.550                 | 6.690            |
| 6                        | Văn phòng Viện                      | 04              |               |                        |                       |                  |

**6.1. BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ TÀI DỰ ÁN CÁC CẤP NĂM 2016**

| TT | Đơn vị                               | Trang thiết bị, PTN, sửa chữa nhỏ |          | Đề tài, dự án hợp tác Q tế |             | Đề tài cấp Nhà nước |            |          |             | Đề tài nhánh cấp Nhà nước |          | Đề tài cấp bộ |             | ĐT cấp Thành phố, Tỉnh, Sở, Viện |          | Đề tài cấp trường |            | Ghi chú |
|----|--------------------------------------|-----------------------------------|----------|----------------------------|-------------|---------------------|------------|----------|-------------|---------------------------|----------|---------------|-------------|----------------------------------|----------|-------------------|------------|---------|
|    |                                      | SL                                | KPhí     | SL                         | KPhí        | KHCB                |            | KHCCN    |             | SL                        | KPhí     | SL            | KPhí        | SL                               | KPhí     | SL                | KPhí       |         |
|    |                                      |                                   |          |                            |             | SL                  | KPhí       | SL       | KPhí        |                           |          |               |             |                                  |          |                   |            |         |
| 1  | BM. Động cơ và PTN Động cơ đốt trong |                                   |          | 1                          | 1000        |                     |            | 1        | 3230        |                           |          | 3             | 1150        |                                  |          | 3                 | 150        |         |
| 2  | BM. Ô tô và xe chuyên dụng           |                                   |          |                            |             |                     |            |          |             |                           |          |               |             |                                  |          | 3                 | 95         |         |
| 3  | BM. Máy và tụ động thủy khí          |                                   |          | 1                          | 500         | 1                   | 600        |          |             |                           |          | 2             | 950         |                                  |          | 2                 | 65         |         |
| 4  | BM. KT thủy khí và tàu thủy          |                                   |          |                            |             |                     |            |          |             |                           |          |               |             |                                  |          | 3                 | 100        |         |
| 5  | BM. KT Hàng không và vũ trụ          |                                   |          | 2                          | 4400        | 1                   | 300        |          |             |                           |          |               |             |                                  |          | 4                 | 115        |         |
|    | <b>Cộng</b>                          | <b>0</b>                          | <b>0</b> | <b>4</b>                   | <b>5900</b> | <b>2</b>            | <b>900</b> | <b>1</b> | <b>3230</b> | <b>0</b>                  | <b>0</b> | <b>5</b>      | <b>2100</b> | <b>0</b>                         | <b>0</b> | <b>15</b>         | <b>525</b> |         |

*Đơn vị kinh phí: Triệu đồng*

## 6.2. DANH MỤC CÁC ĐỀ TÀI/DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2015-2016

| TT | Tên đề tài/dự án   | Chủ nhiệm đề tài/dự án | Cơ quan giao nhiệm vụ                             | Tổng kinh phí (triệu đồng) | Thời gian       | Tình trạng           | Ghi chú                    |
|----|--|------------------------|---|----------------------------|-----------------|----------------------|----------------------------|
| 1  | Nghiên cứu thiết kế và chế tạo hệ thống turbine gió kiểu trục ngang có công suất trong dải 15-20kw.  | Nguyễn Thế Mịch        | KC.05.10/11-15                                    | 4.000                      | 01/2011-12/2015 | Đã nghiệm thu        |                            |
| 2  | Numerical – Experimental Combined Aerospace Design Tool Development – Apply for design and manufacture UAV ejecting pesticide (Đề tài CRI trong khuôn khổ AUNSEET-NET)             | Nguyễn Phú Khánh       | AUN-SeedNet (JICA), CRI, mã số 10/2014/HĐ-NĐT     | 3.400                      | 01/2014-12/2015 | Đã nghiệm thu        |                            |
| 3  | Nghiên cứu phát triển công nghệ tạo khí giàu hydro để bổ sung cho động cơ xăng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu và giảm phát thải cho động cơ.                            | Lê Anh Tuấn            | ĐT cấp Nhà nước thuộc chương trình KC.05.24/11-15 | 3.950                      | 01/2014-12/2015 | Đã nghiệm thu 3/2016 |                            |
| 4  | Nghiên cứu thiết kế và chế tạo hệ thống phun nhiên liệu điện tử cung cấp xăng sinh học có tỷ lệ cồn etanol tới 100% (E100) cho động cơ ô tô và xe máy sử dụng nhiên liệu linh hoạt | Phạm Hữu Tuyến         | Bộ Công thương, mã số ĐT.09.2014/NLSH             | 3.230                      | 01/2014-12/2015 |                      | Dự kiến nghiệm thu 12/2016 |
| 5  | Nghiên cứu mô hình hóa sự hư hại của thép dưới tác động của tải trọng môi trường có biên độ thay đổi.  | Vũ Quốc Huy            | Quỹ NAFOSTED, mã số: 107.02-2014.25               | 300                        | 3/2015-3/2017   | Đang triển khai      |                            |
| 6  | Nghiên cứu mô phỏng số quá trình hóa rắn và nóng chảy của vật liệu chuyển pha.   | Vũ Văn Trường          | Bộ KHCN (NAFOSTED), mã số: 107.03-2014.21         | 600                        | 3/2015-3/2017   |                      | Chuẩn bị nghiệm thu        |
| 7  | Thiết kế chế tạo hệ thống thay đổi tỷ số nén vô cấp cho động cơ một xy lanh cỡ nhỏ sử dụng nhiên liệu khí và lỏng  | Trần Đăng Quốc         | Bộ GD&ĐT, mã số: B2015-01-106                     | 500                        | 01/2015-12/2016 | Đang triển khai      |                            |
| 8  | Nghiên cứu sử dụng khí thiên nhiên nén (CNG) làm nhiên liệu thay thế trên các động cơ diesel hiện hành   | Hoàng Đình Long        | Bộ GD&ĐT, mã số: B2015-01-107                     | 300                        | 01/2015-12/2016 | Đang triển khai      |                            |
| 9  | Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo tay máy robot 4 bậc tự do làm việc dưới nước ở độ sâu tối đa 30m   | Trần Khánh Dương       | Bộ GD&ĐT, mã số: B2016-BKA-17                     | 350                        | 01/2016-12/2017 | Đang triển khai      |                            |

| <b>TT</b> | <b>Tên đề tài/dự án</b>  | <b>Chủ nhiệm đề tài/dự án</b> | <b>Cơ quan giao nhiệm vụ</b>                | <b>Tổng kinh phí (triệu đồng)</b> | <b>Thời gian</b> | <b>Tình trạng</b>       | <b>Ghi chú</b>      |
|-----------|--|-------------------------------|---|-----------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------|
| 10        | Nghiên cứu thiết kế chế tạo bộ xúc tác ba thành phần phù hợp với xăng pha cồn (E5-E20) lắp trên ô tô   | Nguyễn Thế Lương              | Bộ GD&ĐT, mã số: B2016-BKA-18               | 350                               | 01/2016-12/2017  | Đang triển khai         |                     |
| 11        | Investigation of gaseous and particle emissions from in-use motorcycles  | Phạm Hữu Tuyển                | AUN-SeedNet (JICA), CRC                     | 1.000 (48.500 USD)                | 5/2016-03/2018   | Đang triển khai         |                     |
| 12        | Nghiên cứu, xây dựng phần mềm tính toán mô phỏng đặc tính khí động đàn hồi của cánh khí cụ bay trong công nghiệp hàng không.                 | Nguyễn Phú Khánh              | Bộ KHCN, Mã số: 10/2014/HĐ-NĐT              | 3.400                             | 6/2014-5/2016    |                         | Chuẩn bị nghiệm thu |
| 13        | Phát triển công cụ thiết kế vật bay kết hợp phương pháp thực nghiệm và mô phỏng số – Ứng dụng thiết kế và chế tạo máy bay phun thuốc trừ sâu | Hoàng Thị Kim Dung            | AUN-SeedNet (JICA), Mã số: 06/CRI 2014-2016 | 1.000 (50.000USD)                 | 5/2014-3/2016    | Đã nghiệm thu (10/2016) |                     |
| 14        | Dynamic Friction Behaviors of Fluid Power Actuators and Their Mathematical Model.  | Trần Xuân Bộ                  | AUN/SEED-Net, JICA-Nhật Bản: HUST CRA1401   | 500                               | 3/2014-3/2016    | Đã nghiệm thu (4/2016)  |                     |
| 15        | Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo tuabin gió phát điện trục ngang hai chong chóng (chong chóng kép) làm việc với tốc độ gió thấp.              | Đỗ Huy Cương                  | Bộ GD&ĐT Mã số: B2014-01-70                 | 600                               | 2/2014-2/2016    |                         | Chuẩn bị nghiệm thu |
| 16        | Khảo sát và mô hình hóa đặc tính ma sát động của cơ cấu chấp hành thủy khí   | Trần Xuân Bộ                  | Bộ KHCN (NAFOSTED)                          | 300                               | 3/2013-3/2016    | Đã nghiệm thu           |                     |

### 6.3 CÁC BÀI BÁO QUỐC TẾ CÓ CHỈ SỐ SCOPUS/ISI GIAI ĐOẠN 2015-2016

| STT | Tác giả  | Tên bài báo  | Tạp chí   | Số, trang                       | Năm xuất bản | Bộ môn (vai trò)                  |
|-----|--|--|---|---------------------------------|--------------|-----------------------------------|
| 1   | <b>T. V. Vu</b> , G. Tryggvason, S. Homma and J. C. Wells  | Numerical investigations of drop solidification on a cold plate in the presence of volume change   | <i>International Journal of Multiphase Flow</i> | vol. 76, pp. 73–85              | 2015         | Máy thủy khí (tác giả chính)      |
| 2   | <b>P. K. Nguyen</b> , K. Mori, <b>T. K. D. Hoang</b>   | Research on Simulation and Experiment of Dynamic Aeroelastic Analysis on Wing Structure  | <i>Applied Mechanics and Materials</i>          | vol. 798, pp. 541–545           | 2015         | Hàng không (tác giả chính)        |
| 3   | <b>L. A. Tuan</b> , <b>N. T. Luong</b> and K. N. Ishihara  | Low-Temperature Catalytic Performance of Ni-Cu/Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub> Catalysts for Gasoline Reforming to Produce Hydrogen Applied in Spark Ignition Engines | <i>Catalysts</i>                                | vol. 6, no. 3, pp. 45-1–17      | 2016         | Động cơ đốt trong (tác giả chính) |
| 4   | <b>K. N. Duc</b> , H. N. Tien and V. N. Duy  | Performance enhancement and emission reduction of used motorcycles using flexible fuel technology  | <i>Journal of the Energy Institute</i>          | in press (available online)     | 2016         | Động cơ đốt trong (tác giả chính) |
| 5   | T. Dinh, H.-P. Phan, T.-K. Nguyen, A. Qamar, A. R. M. Foisal, <b>T. N. Viet</b> , C.-D. Tran, Y. Zhu, N.-T. Nguyen and D. V. Dao | Environment-friendly carbon nanotube based flexible electronics for noninvasive and wearable healthcare  | <i>Journal of Materials Chemistry C</i>         | vol. 4, no. 42, pp. 10061–10068 | 2016         | Động cơ đốt trong (tham gia)      |
| 6   | <b>V. Dinh Quy</b> , N. Van Sy, <b>D. Tan Hung</b> and <b>V. Quoc Huy</b>  | Wind tunnel and initial field tests of a micro generator powered by fluid-induced flutter  | <i>Energy for Sustainable Development</i>       | vol. 33, pp. 75–83              | 2016         | Hàng không (tác giả chính)        |
| 7   | <b>T. V. Vu</b> and J. C. Wells  | Numerical simulations of solidification around two tandemly-arranged circular cylinders under forced convection  | <i>International Journal of Multiphase Flow</i> | vol. 89, pp. 331–344            | 2016         | Máy thủy khí (tác giả chính)      |



|    |  |  |  |                                 |      |  |
|----|--|--|--|---------------------------------|------|--|
| 8  | <b>T. V. Vu, A. V. Truong, N. T. B. Hoang and D. K. Tran</b>       | Numerical investigations of solidification around a circular cylinder under forced convection            | <i>Journal of Mechanical Science and Technology</i>  | vol. 30, no. 11, pp. 5019–5028  | 2016 | Máy thủy khí (tác giả chính)                           |
| 9  | <b>T. V. Vu</b>  | Numerical simulation of inward solidification with volume change in cylindrical containers               | <i>Journal of Chemical Engineering of Japan</i>  | vol. 49, no. 10, pp. 904–908    | 2016 | Máy thủy khí (tác giả chính)                           |
| 10 | <b>X. B. Tran, H. T. Dao and K. D. Tran</b>                        | A new mathematical model of friction for pneumatic cylinders   | <i>Proceedings of the Institution of Mechanical Engineers, Part C: Journal of Mechanical Engineering Science</i> | vol. 230, no. 14, pp. 2399–2412 | 2016 | Máy thủy khí (tác giả chính)                           |
| 11 | <b>S. V. Pham, H. Kwon, B. Kim, J. K. White, G. Lim and J. Han</b> | Helical vortex formation in three-dimensional electrochemical systems with ion-selective membranes       | <i>Physical Review E</i>   | vol. 93, no. 3, pp. 033114-1–5  | 2016 | Tàu thủy (tác giả chính)                               |
| 12 | <b>N. Van He, K. Mizutani and Y. Ikeda</b>                         | Reducing air resistance acting on a ship by using interaction effects between the hull and accommodation | <i>Ocean Engineering</i>   | vol. 111, pp. 414–423           | 2016 | Tàu thủy (tác giả chính)                               |
| 13 | T. Soriano, <b>N. V. Hien, K. M. Tuan and T. V. Anh</b>            | An object-unified approach to develop controllers for autonomous underwater vehicles                     | <i>Mechatronics</i>  | vol. 35, pp. 54–70              | 2016 | Tàu thủy (đồng tác giả chính), Máy thủy khí (tham gia) |

Ghi chú: Tạp chí *Applied Mechanics and Materials* từ năm 2016 không còn được tính là tạp chí Scopus

#### 6.4 CÁC BÀI BÁO QUỐC TẾ CÓ CHỈ SỐ SCI MAGO GIAI ĐOẠN 2015-2016

| STT | Tác giả              | Tên bài báo  | Tạp chí                                | Số, trang             | Năm xuất bản | Bộ môn (vai trò)         |
|-----|----------------------|--|--|-----------------------|--------------|--------------------------|
| 1   | <b>Phan Anh Tuan</b> | A study on hovercraft resistance using numerical modelling | <i>Applied Mechanics and Materials</i> | vol. 842, pp. 186–190 | 2016         | Tàu thủy (tác giả chính) |

**Phụ lục 7. CÁC THIẾT BỊ ĐƯỢC DOANH NGHIỆP VÀ CỰU SINH VIÊN TẶNG NHÂN DỊP 60 NĂM**

| STT               | Tên thiết bị   | Năm sản xuất | Nước sản xuất | Giá thành              | Đơn vị thụ hưởng                 |
|-------------------|--|--------------|---------------|------------------------|----------------------------------|
| 1                 | Tivi Samsung 50 inch   | 2016         | Việt Nam      | 15.000.000             | Văn phòng Viện                   |
| 2                 | Máy tính HP + Máy in Canon   | 2016         | Trung Quốc    | 13.500.000             | BM Động cơ<br>đốt trong          |
| 3                 | Máy chiếu  | 2016         | Trung Quốc    | 11.500.000             |                                  |
| 4                 | Tủ đựng dụng cụ  | 2016         | Trung Quốc    | 5.000.000              |                                  |
| 5                 | 02 Cây lọc nước  | 2016         | Việt Nam      | 10.000.000             |                                  |
| 6                 | Quạt treo tường  | 2016         | Việt Nam      | 4.000.000              |                                  |
| 7                 | Mô hình hệ thống nhiên liệu common rail  | 2016         | Việt Nam      | 50.000.000             |                                  |
| 8                 | Bộ thiết bị đào tạo khảo nghiệm, đo kiểm, vận hành và chẩn đoán hệ thống điều khiển động cơ phun dầu điện tử | 2016         | Việt Nam      | 155.000.000            |                                  |
| 9                 | Hộp dụng cụ đồ nghề  | 2016         | Nhật Bản      | 10.000.000             |                                  |
| 10                | 03 Điều hòa nhiệt độ   | 2016         | Trung Quốc    | 50.000.000             | BM KT Hàng không và Vũ trụ       |
| 11                | Tivi Panasonic 55 inch   | 2016         | Nhật bản      | 20.000.000             | BM Kỹ thuật Thủy khí và Tàu thủy |
| 12                | Điều hòa LG 9000 BTU   | 2016         | Trung Quốc    | 8.000.000              |                                  |
| 13                | Máy lọc nước KOCH  | 2016         | Trung Quốc    | 5.000.000              |                                  |
| 14                | Case máy tính  | 2016         | Đông Nam Á    | 41.500.000             | BM Máy và Tự động thủy khí       |
| 15                | Máy in nhựa 3D (10cm x 10cm)   | 2016         | Việt Nam      | 10.000.000             |                                  |
| 16                | Máy chiếu  | 2016         | Đông Nam Á    | 10.000.000             |                                  |
| <b>Tổng cộng:</b> |  |              |               | <b>418.500.000 VNĐ</b> |                                  |

## Phụ lục 8. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

|            | Hạng mục   | Năm 2013                  | Năm 2014                  | Năm 2015                  | Năm 2016                  |
|------------|--|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>THU</b> | Số dư đầu kỳ   | <b>155,034,050</b>        | <b>217,982,449</b>        | <b>181,507,268</b>        | <b>245,660,128</b>        |
|            | 1. Trích từ điều hành (Viện, SĐH, CTĐT Nissan, ĐTLT, KP tự chủ)              | 106,566,500               | 149,549,079               | 213,486,715               | 127,305,584               |
|            | 2. Hợp đồng, đề tài  | 95,704,000                | 94,464,940                | 89,056,200                | 55,872,000                |
|            | 3. Tài trợ/biêu tặng cho các hoạt động 60 năm thành lập trường               | 0                         | 0                         | 0                         | 232,000,000               |
|            | 4. Thu khác  | 124,674,699               | 99,409,800                | 37,669,300                | 126,444,000               |
|            | <b><u>Tổng số</u></b>  | <b>481,979,249</b>        | <b>561,406,268</b>        | <b>521,719,483</b>        | <b>541,621,584</b>        |
| <b>CHI</b> | 1. Văn phòng (Tel, Fax, Vpp, nước, đồ dùng, thiết bị, vệ sinh, sửa chữa,...) | 19,858,000                | 37,625,000                | 15,043,000                | 13,113,000                |
|            | 2. Phúc lợi  | 183,028,100               | 210,943,000               | 188,973,855               | 198,782,000               |
|            | 3. Hiếu hỷ, thăm hỏi, ốm đau, hưu, ....                                      | 9,730,000                 | 4,525,000                 | 8,780,000                 | 7,261,000                 |
|            | 4. Hỗ trợ các đoàn thể, phong trào, sinh viên,...                            | 24,596,500                | 40,529,000                | 32,316,500                | 97,254,000                |
|            | 5. Đối ngoại   | 14,300,200                | 6,425,000                 | 21,339,000                | 9,100,000                 |
|            | 6. Chi phí cho các hoạt động 60 năm thành lập Trường                         |                           |                           |                           | 145,765,000               |
|            | 7. Chi khác  | 12,484,000                | 79,852,000                | 9,607,000                 | 68,113,080                |
|            | <b><u>Tổng số</u></b>  | <b>263,996,800</b>        | <b>379,899,000</b>        | <b>276,059,355</b>        | <b>539,388,080</b>        |
| <b>TÒN</b> | <b>KP. 2016 tính đến ngày 06/12/2016</b>                                     | <b><u>217,982,449</u></b> | <b><u>181,507,268</u></b> | <b><u>245,660,128</u></b> | <b><u>247,893,632</u></b> |

**Phụ lục 9. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THANH NIÊN, HỘI SINH VIÊN 2012-2016**

| STT | Tên hoạt động   | Thời gian |
|-----|---|-----------|
| 1   | Tham gia cuộc thi "Thiết kế, chế tạo, điều khiển máy bay mô hình" tại Đại học Lê Quý Đôn (tháng 3 hàng năm; năm 2013 đạt 01 Giải Nhất; 01 Giải Công nghệ; Năm 2014 đạt 01 giải Nhì, 01 giải Ba, 01 Giải Công nghệ; Năm 2015 đạt 01 giải Nhì; 01 Giải Ba; 01 Giải Công nghệ, 01 Giải Khuyến khích) | 2013-2015 |
| 2   | Hỗ trợ Viện tổ chức chương trình SHCD và trao học bổng Motul (tháng 11 hàng năm)  | 2012-2016 |
| 3   | Tổ chức Lễ tổng kết tuần SVNCKH cấp Viện (tháng 5 hàng năm)   | 2012-2016 |
| 4   | Tham gia triển lãm SV NCKH tại C2 (tháng 5 hàng năm, đạt giải Nhì toàn trường các năm 2012, 2013, 2014, 2016)   | 2012-2016 |
| 5   | Xuất bản tờ tin sinh viên Viện Cơ khí Động lực (02 số mỗi năm)  | 2012-2015 |
| 6   | Chiến dịch Mùa hè xanh tình nguyện (tháng 7 hàng năm)   | 2012-2016 |
| 7   | Chiến dịch tình nguyện tiếp sức mùa thi (tháng 7 hàng năm)  | 2012-2016 |
| 8   | Tham gia Giải bóng đá nữ ĐH BKHN (tháng 3 hàng năm)   | 2013-2015 |
| 9   | Đội bóng nam sinh viên CKDL vô địch giải bóng đá BK-League 2014   | 2014      |
| 10  | Thành lập CLB Tiếng Anh CKDL (STEEC)  | T09/2013  |
| 11  | Chương trình tình nguyện Trung thu "Vàng trắng ước mơ" (tháng 9 hàng năm)   | 2012-2014 |
| 12  | Chương trình tình nguyện "Giáng sinh cho em", Viện Huyết học và Truyền máu TW (tháng 12 hàng năm)   | 2012-2016 |
| 13  | Chương trình tình nguyện Tết ấm áp, Tặng bánh trung cho những người vô gia cư trên địa bàn Hà Nội (tháng 12 âm lịch)  | 2013-2015 |
| 14  | Tham gia Văn nghệ công Đoàn cùng Công Đoàn Viện Cơ khí Động lực, Giải Ba tập thể, giải Nhì Bình chọn mạng xã hội.   | T10/2014  |
| 15  | Vô địch Giải bóng đá Cán bộ trẻ 2014  | T12/2014  |
| 16  | Vô địch Giải bóng đá CLB Cơ khí Động lực 2015   | 03/2015   |
| 17  | Chương trình "Giáng sinh diệu kỳ" do CLB tiếng anh Cơ khí Động lực tổ chức (tháng 12)   | 2013-2014 |
| 18  | Chương trình tình nguyện Tết yêu thương (tháng 12 âm lịch hàng năm)   | 2014-2015 |
| 19  | Hỗ trợ nấu và tặng cháo miễn phí cho bệnh nhân nghèo tại viện A, (Địa điểm 109 Hoàng Hoa Thám; Hỗ trợ CLB Hà Nội Bạn Và Tôi;) (thứ 5 hàng tuần)   | 2014-2016 |
| 20  | Hỗ trợ nấu và tặng cơm cho bệnh nhân nghèo ở Viện K, (Tại 14B Bảo Khánh; Hỗ trợ CLB Hà Nội Bạn Và Tôi;) (thứ 5 hàng tuần)   | 2014-2016 |
| 21  | Giải Nhì hạng mục xe tự chế Cuộc thi lái xe sinh thái – Tiết kiệm nhiên liệu HONDA EMC 2015   | T04/2015  |
| 22  | Các lớp học phát âm; học thi ToEIC do CLB tiếng anh Viện Cơ khí Động lực STEEC tổ chức (Định kỳ 02 tháng/lớp)   | 2013-2016 |
| 23  | Sinh viên Viện CKDL tham gia Chương trình "Sáng tạo Việt" do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức.  | 11/2015   |
| 24  | Hỗ trợ Hội chợ "Khởi hành" do HSV Trường tổ chức  | 04/2016   |
| 25  | CLB Solidworks dạy phần mềm kỹ thuật miễn phí cho sinh viên.  |           |
| 26  | Hỗ trợ Viện CKDL tổ chức Hội nghị Khoa học – Công nghệ toàn quốc về Cơ khí – Động lực 2016  | 10/2016   |
| 27  | Thi xe tiết kiệm nhiên liệu Shell Eco-Marathon 2016 tại Philippines   | 03/2016   |
| 28  | Thi lái xe sinh thái – Tiết kiệm nhiên liệu HONDA EMC 2016  | 04/2016   |
| 29  | Tham gia Văn nghệ công Đoàn cùng Công Đoàn Viện Cơ khí Động lực, Giải Ba tập thể  | 10/2016   |

**Phụ lục 10. CÁC PHẦN THƯỞNG ĐOÀN THANH NIÊN VIỆN CKDL**

**Năm học 2013-2014**

| TT | Đơn vị khen thưởng      | Đơn vị được khen thưởng                          | Thành tích   | Hình thức khen thưởng |    |          | Ghi chú |
|----|-------------------------|--|--|-----------------------|----|----------|---------|
|    |                         |  |  | Bằng khen             | Cờ | Số tiền  |         |
| 1  | BCH TW Đoàn TNCS HCM    | Phan Anh Tuấn, Phó Bí thư Đoàn trường            | Có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên nhiệm kỳ 2012-2014  | X                     |    | 50,000   |         |
| 2  | BCH Thành Đoàn Hà Nội   | Vũ Đình Quý, Bí thư LCD Viện Cơ khí Động lực     | Có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối đại học, học viện, cao đẳng năm học 2013-2014        | X                     |    |          |         |
| 3  | BCH Thành Đoàn Hà Nội   | Liên chi đoàn Viện Cơ khí Động lực               | Đơn vị có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối đại học, học viện, cao đẳng năm học 2013-2014 | X                     |    |          |         |
| 4  | BCH Đoàn Trường ĐHBK HN | Liên chi đoàn Viện Cơ khí Động lực               | Giải Nhì trong công tác tổ chức và triển lãm sản phẩm SV NCKH Năm học 2013-2014                                      |                       | X  | 500,000  |         |
| 5  | BCH Đoàn Trường ĐHBK HN | Đội bóng đá Nam sinh viên - Viện Cơ khí Động lực | Vô địch Giải bóng đá BK-League, 04/2014  |                       |    | 2000.000 |         |

**Năm học 2014-2015**

| TT | Đơn vị khen thưởng              | Đơn vị được khen thưởng                           | Thành tích   | Hình thức khen thưởng |    |          | Ghi chú |
|----|---------------------------------|---|--|-----------------------|----|----------|---------|
|    |                                 |   |  | Bằng khen             | Cờ | Số tiền  |         |
| 1  | Trường Đại học Bách khoa Hà Nội | Đội xe BK-AUTO, Viện Cơ khí Động lực              | Đạt giải Nhì hạng mục xe tự chế - Cuộc thi “Lái xe sinh thái – Tiết kiệm nhiên liệu Honda Eco Milleage Challenge 2015” | X                     |    |          |         |
| 2  | BCH Đoàn Trường ĐHBK HN         | Đội bóng đá Nam cán bộ trẻ - Viện Cơ khí Động lực | Vô địch Giải bóng đá Cán bộ trẻ Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, 12/2014   |                       |    | 2000.000 |         |

|   |                   |                        |  |   |  |   |  |
|---|-------------------|------------------------|--|---|--|---|--|
| 3 | Khoa HKVT-HV KTQS | Đội thi MBMH Viện CKDL | 01 Giải Thiết kế; 01 Giải Nhì+ 01 Giải khuyến khích) cuộc thi “Thiết kế, chế tạo, điều khiển máy bay mô hình” lần thứ 3, | x |  | x |  |
|---|-------------------|------------------------|--|---|--|---|--|

**Năm học 2015-2016**

| TT | Đơn vị khen thưởng                       | Đơn vị được khen thưởng                      | Thành tích   | Hình thức khen thưởng |    |         | Ghi chú |
|----|--|--|--|-----------------------|----|---------|---------|
|    |  |  |  | Bằng khen             | Cờ | Số tiền |         |
| 1  | Hội sinh viên trường ĐH Bách khoa Hà Nội | Dương Thị Hiện, Bùi Văn Chiến                | Đạt Danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” cấp trường   | X                     |    | x       |         |
| 2  | Hội Sinh viên Việt Nam Thành phố Hà Nội  | Nguyễn Quang Huy, Lê Quỳnh Trang             | Đạt Danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” cấp Thành phố  | x                     |    | x       |         |
| 3  | BCH Đoàn Trường ĐHBK HN                  | Liên chi đoàn Viện Cơ khí Động lực           | Giải Nhì trong công tác tổ chức và triển lãm sản phẩm SV NCKH Năm học 2015-2016                                      |                       | X  | 500,000 |         |
| 4  | BCH Thành Đoàn Hà Nội                    | Vũ Đình Quý, Bí thư LCD Viện Cơ khí Động lực | Có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối đại học, học viện, cao đẳng năm học 2015-2016        | X                     |    |         |         |
| 5  | BCH Thành Đoàn Hà Nội                    | Liên chi đoàn Viện Cơ khí Động lực           | Đơn vị có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối đại học, học viện, cao đẳng năm học 2015-2016 | X                     |    |         |         |

## Phụ lục 11. CÁC DANH HIỆU THI ĐUA

### 11.1. CÁ NHÂN

| TT               | Năm học                       | LĐTT      | CSTD   | CSTD cấp Bộ      | BK TTCP         | BK Bộ GD&ĐT      | HCLĐ Hạng Ba | Nhà giáo Ưu tú | Phó giáo sư     |
|------------------|-------------------------------|-----------|--|------------------|-----------------|------------------|--------------|----------------|-----------------|
| <b>2013-2014</b> |                               | <b>65</b> | <b>19</b>  | <b>3</b>         | <b>3</b>        | <b>4</b>         |              |                | <b>4</b>        |
| <b>1</b>         | BM + PTN<br>Động cơ đốt trong | <b>15</b> | <b>4</b>   | <b>1</b>         | <b>2</b>        |                  |              |                | <b>1</b>        |
|                  |                               |           | Phạm Minh Tuấn   | Phạm Minh Tuấn   | Hoàng Đình Long |                  |              |                | Khổng Vũ Quảng  |
|                  |                               |           | Lê Anh Tuấn  |                  | Lê Anh Tuấn     |                  |              |                |                 |
|                  |                               |           | Khổng Vũ Quảng<br>Phạm Hữu Tuyển   |                  |                 |                  |              |                |                 |
| <b>2</b>         | BM Ô tô và Xe CD              | <b>11</b> | <b>2</b>   |                  |                 | <b>1</b>         |              |                |                 |
|                  |                               |           | Dương Ngọc Khánh<br>Đàm Hoàng Phúc   |                  |                 | Dương Ngọc Khánh |              |                |                 |
| <b>3</b>         | BM Máy & TĐTK                 | <b>12</b> | <b>3</b>   |                  |                 | <b>1</b>         |              |                | <b>1</b>        |
|                  |                               |           | Nguyễn Thế Mịch<br>Trương Việt Anh<br>Trần Khánh Dương   |                  |                 | Trương Việt Anh  |              |                | Trương Việt Anh |
|                  |                               |           |  |                  |                 |                  |              |                |                 |
| <b>4</b>         | BM KTTK & TT                  | <b>13</b> | <b>6</b>   | <b>1</b>         | <b>1</b>        | <b>1</b>         |              |                | <b>1</b>        |
|                  |                               |           | Lê Quang<br>Lương Ngọc Lợi<br>Lê Thanh Tùng<br>Hoàng Công Liêm<br>Lê Thị Thái<br>Phan Anh Tuấn | Phan Anh Tuấn    | Lương Ngọc Lợi  | Lê Thị Thái      |              |                | Lê Thanh Tùng   |
|                  |                               |           |  |                  |                 |                  |              |                |                 |
|                  |                               |           |  |                  |                 |                  |              |                |                 |
|                  |                               |           |  |                  |                 |                  |              |                |                 |
| <b>5</b>         | BM KT Hàng không & VT         | <b>11</b> | <b>4</b>   | <b>1</b>         |                 | <b>1</b>         |              |                | <b>1</b>        |
|                  |                               |           | Tạ Thành Liêm<br>Đình Tấn Hưng<br>Nguyễn Phú Khánh<br>Vũ Đình Quý                              | Nguyễn Phú Khánh |                 | Vũ Quốc Huy      |              |                | Nguyễn Phú Hùng |
|                  |                               |           |  |                  |                 |                  |              |                |                 |
|                  |                               |           |  |                  |                 |                  |              |                |                 |
| <b>6</b>         | VP Viện                       | <b>3</b>  |  |                  |                 |                  |              |                |                 |

| TT               | Năm học                       | LĐTT      | CSTĐ              | CSTĐ cấp Bộ      | BK TTCP           | BK Bộ GD&ĐT     | HCLĐ Hạng Ba      | Nhà giáo Ưu tú | Phó giáo sư       |
|------------------|-------------------------------|-----------|-------------------|------------------|-------------------|-----------------|-------------------|----------------|-------------------|
| <b>2014-2015</b> |                               | <b>67</b> | <b>22</b>         | <b>3</b>         | <b>3</b>          | <b>6</b>        | <b>1</b>          |                | <b>2</b>          |
| <b>1</b>         | BM + PTN<br>Động cơ đốt trong | <b>15</b> | <b>3</b>          | <b>1</b>         |                   | <b>2</b>        |                   |                |                   |
|                  |                               |           | Lê Anh Tuấn       | Phạm Hữu Tuyển   |                   | Khổng Vũ Quảng  |                   |                |                   |
|                  |                               |           | Khổng Vũ Quảng    |                  |                   | Phạm Hữu Tuyển  |                   |                |                   |
|                  |                               |           | Phạm Hữu Tuyển    |                  |                   |                 |                   |                |                   |
| <b>2</b>         | BM Ô tô và Xe CD              | <b>12</b> | <b>4</b>          | <b>1</b>         |                   | <b>1</b>        | <b>1</b>          |                |                   |
|                  |                               |           | Dương Ngọc Khánh  | Dương Ngọc Khánh |                   | Đàm Hoàng Phúc  | Nguyễn Trọng Hoan |                |                   |
|                  |                               |           | Đàm Hoàng Phúc    |                  |                   |                 |                   |                |                   |
|                  |                               |           | Hồ Hữu Hải        |                  |                   |                 |                   |                |                   |
|                  |                               |           | Hoàng Thăng Bình  |                  |                   |                 |                   |                |                   |
| <b>3</b>         | BM Máy & TĐTK                 | <b>12</b> | <b>5</b>          |                  |                   |                 |                   |                | <b>1</b>          |
|                  |                               |           | Bùi Quốc Thái     |                  |                   |                 |                   |                | Hoàng Sinh Trường |
|                  |                               |           | Hoàng Sinh Trường |                  |                   |                 |                   |                |                   |
|                  |                               |           | Trương Việt Anh   |                  |                   |                 |                   |                |                   |
|                  |                               |           | Trần Khánh Dương  |                  |                   |                 |                   |                |                   |
|                  | Đỗ Thành Công                 |           |                   |                  |                   |                 |                   |                |                   |
| <b>4</b>         | BM KTTK & TT                  | <b>13</b> | <b>5</b>          | <b>1</b>         | <b>2</b>          | <b>1</b>        |                   |                |                   |
|                  |                               |           | Lương Ngọc Lợi    | Lê Thị Thái      | Lê Quang          | Hoàng Công Liêm |                   |                |                   |
|                  |                               |           | Lê Thanh Tùng     |                  | Lê Thanh Tùng*    |                 |                   |                |                   |
|                  |                               |           | Hoàng Công Liêm   |                  |                   |                 |                   |                |                   |
|                  |                               |           | Lê Thị Thái       |                  |                   |                 |                   |                |                   |
|                  | Phan Anh Tuấn                 |           |                   |                  |                   |                 |                   |                |                   |
| <b>5</b>         | BM KT Hàng không & VT         | <b>11</b> | <b>5</b>          |                  | <b>1</b>          | <b>2</b>        |                   |                | <b>1</b>          |
|                  |                               |           | Tạ Thành Liêm     |                  | Nguyễn Phú Khánh* | Đình Tấn Hưng   |                   |                | Nguyễn Phú Khánh  |
|                  |                               |           | Đình Tấn Hưng     |                  |                   | Vũ Đình Quý     |                   |                |                   |
|                  |                               |           | Nguyễn Phú Khánh  |                  |                   |                 |                   |                |                   |
|                  |                               |           | Vũ Quốc Huy       |                  |                   |                 |                   |                |                   |
|                  | Vũ Đình Quý                   |           |                   |                  |                   |                 |                   |                |                   |
| <b>6</b>         | VP Viện                       | <b>4</b>  |                   |                  |                   |                 |                   |                |                   |

*Ghi chú: (\*) đã được cấp trường thông qua, đang chờ cấp trên xét duyệt*



| TT               | Năm học                       | LĐTT      | CSTĐ              | CSTĐ cấp Bộ      | BK TTCP           | BK Bộ GD&ĐT       | KNC vì sự nghiệp GD | KNC vì sự nghiệp KHCN | Phó giáo sư     |
|------------------|-------------------------------|-----------|-------------------|------------------|-------------------|-------------------|---------------------|-----------------------|-----------------|
| <b>2015-2016</b> |                               | <b>68</b> | <b>14</b>         | <b>2</b>         | <b>1</b>          | <b>1</b>          | <b>3</b>            | <b>7</b>              | <b>4</b>        |
| <b>1</b>         | BM + PTN<br>Động cơ đốt trong | <b>15</b> | <b>3</b>          |                  |                   |                   |                     |                       | <b>3</b>        |
|                  |                               |           | Lê Anh Tuấn       |                  |                   |                   |                     |                       | Phạm Hữu Tuyển  |
|                  |                               |           | Khổng Vũ Quảng    |                  |                   |                   |                     |                       | Trần.T.T. Hương |
|                  |                               |           | Trần Đăng Quốc    |                  |                   |                   |                     |                       | Trần Quang Vinh |
| <b>2</b>         | BM Ô tô và Xe CD              | <b>13</b> | <b>2</b>          | <b>1</b>         |                   |                   |                     |                       |                 |
|                  |                               |           | Dương Ngọc Khánh  | Đàm Hoàng Phúc*  |                   |                   |                     |                       |                 |
|                  |                               |           | Đàm Hoàng Phúc    |                  |                   |                   |                     |                       |                 |
| <b>3</b>         | BM Máy & TĐTK                 | <b>13</b> | <b>3</b>          | <b>1</b>         |                   | <b>1</b>          |                     | <b>4</b>              |                 |
|                  |                               |           | Bùi Quốc Thái     | Trương Việt Anh* |                   | Trần Khánh Dương* |                     | Nguyễn Thế Mịch       |                 |
|                  |                               |           | Trương Việt Anh   |                  |                   |                   |                     | Hoàng Sinh Trường     |                 |
|                  |                               |           | Trần Khánh Dương  |                  |                   |                   |                     | Hoàng .T. Bích Ngọc   |                 |
|                  |                               |           |                   |                  |                   |                   | Trương Việt Anh     |                       |                 |
| <b>4</b>         | BM KTTK & TT                  | <b>12</b> | <b>2</b>          |                  |                   |                   | <b>2</b>            | <b>3</b>              | <b>1</b>        |
|                  |                               |           | Nghiêm Xuân Giang |                  |                   |                   | Phạm.T.T. Hương     | Lê Quang              | Phan Anh Tuấn   |
|                  |                               |           | Ngô Văn Hệ        |                  |                   |                   | Lê Thị Thái         | Lương Ngọc Lợi        |                 |
|                  |                               |           |                   |                  |                   |                   | Ngô Văn Hiền        |                       |                 |
| <b>5</b>         | BM KT Hàng không & VT         | <b>11</b> | <b>4</b>          |                  | <b>1</b>          |                   | <b>1</b>            |                       |                 |
|                  |                               |           | Tạ Thành Liêm     |                  | Nguyễn Phú Khánh* |                   | Tạ Thành Liêm       |                       |                 |
|                  |                               |           | Nguyễn Phú Khánh  |                  |                   |                   |                     |                       |                 |
|                  |                               |           | Vũ Quốc Huy       |                  |                   |                   |                     |                       |                 |
|                  |                               |           | Hoàng.T. Kim Dung |                  |                   |                   |                     |                       |                 |
| <b>6</b>         | VP Viện                       | <b>4</b>  |                   |                  |                   |                   |                     |                       |                 |

*Ghi chú: (\*) đã được cấp trường thông qua, đang chờ cấp trên xét duyệt*

## 11.2. TẬP THỂ

| TT | Năm học                            | Lao động tiên tiến | Lao động XS cấp Bộ | Cờ thi đua Bộ GD&ĐT | BK Bộ GD&ĐT |
|----|------------------------------------|--------------------|--------------------|---------------------|-------------|
|    | <b>2012 - 2013</b>                 | <b>6</b>           | <b>1</b>           |                     |             |
| 1  | Bộ môn Động cơ đốt trong           | x                  |                    |                     |             |
| 2  | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng      | x                  | x                  |                     |             |
| 3  | Bộ môn Máy & TĐTK                  | x                  |                    |                     |             |
| 4  | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy      | x                  |                    |                     |             |
| 5  | BM KT Hàng không & VT              | x                  |                    |                     |             |
| 6  | Phòng thí nghiệm Động cơ đốt trong | x                  |                    |                     |             |
|    | <b>2013 - 2014</b>                 | <b>5</b>           | <b>2</b>           |                     | <b>1</b>    |
| 1  | Bộ môn Động cơ đốt trong           | x                  | x                  |                     |             |
| 2  | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng      | x                  |                    |                     | x           |
| 3  | Bộ môn Máy & TĐTK                  | x                  |                    |                     |             |
| 4  | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy      | x                  | x                  |                     |             |
| 5  | Phòng thí nghiệm Động cơ đốt trong | x                  |                    |                     |             |
|    | <b>2014 - 2015</b>                 | <b>8</b>           | <b>1</b>           |                     |             |
| 1  | Viện Cơ khí Động lực               | x                  | x                  |                     |             |
| 2  | Bộ môn Động cơ đốt trong           | x                  |                    |                     |             |
| 3  | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng      | x                  |                    |                     |             |
| 4  | Bộ môn Máy & TĐTK                  | x                  |                    |                     |             |
| 5  | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy      | x                  |                    |                     |             |
| 6  | BM KT Hàng không & VT              | x                  |                    |                     |             |
| 7  | Phòng thí nghiệm Động cơ đốt trong | x                  |                    |                     |             |
| 8  | Văn phòng Viện                     | x                  |                    |                     |             |
|    | <b>2015-2016</b>                   | <b>1</b>           | <b>1</b>           |                     |             |
| 1  | Viện Cơ khí Động lực               | x                  | x*                 |                     |             |

*Ghi chú: (\*) đã được cấp trường thông qua, đang chờ cấp trên xét duyệt*

Số: 367 /BC-CKDL

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO CÔNG TÁC CỦA BAN GIÁM ĐỐC VIỆN**  
tại Hội nghị CB-VC, 12-2011

Thực hiện thông báo của Ban chỉ đạo Hội nghị CBVC Trường ĐHBK Hà Nội lần thứ 23, Ban giám đốc Viện Cơ khí Động lực xây dựng bản Báo cáo công tác để trình bày trước Hội nghị cán bộ viên chức Viện sẽ tổ chức vào tháng 12/2011.

**1. Báo cáo công tác nhiệm kỳ qua**

**1.1 Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ (xem Phụ lục I, II)**

Về cơ cấu tổ chức, Viện gồm 7 đơn vị thành viên là:

1. Bộ môn Ô-tô và Xe chuyên dụng
2. Bộ môn Động cơ đốt trong
3. Bộ môn Máy và Tự động thủy khí
4. Bộ môn Kỹ thuật Thủy khí và Tàu thủy
5. Bộ môn Kỹ thuật Hàng không và Vũ trụ
6. Trung tâm Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Cơ khí Động lực
7. Phòng thí nghiệm Động cơ đốt trong.

Do nhu cầu phát triển, Bộ môn Kỹ thuật Hàng không và Máy & Tự động thủy khí đã được lãnh đạo Viện và lãnh đạo Trường ủng hộ tách thành hai bộ môn: Kỹ thuật Hàng không và Vũ trụ; Máy và Tự động Thủy khí. Ngày 27/04/2009 việc tách này được Trường chính thức phê duyệt và thành lập mới bộ môn KT Hàng không và Vũ trụ. Hiện nay, Bộ môn đã và đang đi vào hoạt động ổn định được hơn 2 năm.

Về mặt đội ngũ hiện nay Viện có tổng số 81 CBVC trong đó 61CBGD, 15 PVGD, 5 HCSN, 2 GS, 14 PGS, 21 TS, 30 ThS, 2 Hợp đồng ngắn hạn với Viện. Để đào tạo đội ngũ chuyên môn, Viện chú trọng đưa các cán bộ trẻ đi đào tạo ThS. và TS. ở nước ngoài, hiện có 16 cán bộ tính tại thời điểm 12/2011. Một đặc điểm của đội ngũ cán bộ Viện là tỷ lệ cán bộ trẻ khá lớn, đóng vai trò quan trọng trong mọi hoạt động của Viện. Nhận thức rõ điều đó, ban lãnh đạo Viện đã chú trọng bồi dưỡng cán bộ trẻ, ví dụ: 03 Phó Viện trưởng và 03 Trưởng đơn vị nhiệm kỳ 2008-2013 dưới 40 tuổi.

Kiến toàn công tác nhân sự tại Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng, Bộ môn Động cơ đốt trong và Phòng thí nghiệm Động cơ đốt trong tiếp tục nhiệm kỳ 2008-2013: Trưởng đơn vị mới: PGS Hồ Hữu Hải, PGS Lê Anh Tuấn và TS Phạm Hữu Tuyển.

Hiện nay Viện rất thiếu cán bộ cần phải gấp rút bổ sung. Năm 2009 được Trường phân 9 chỉ tiêu và đã tuyển được 9 (2 đợt) sau đó ThS Nguyễn Quốc Thắng (BM KT Hàng Không và Vũ trụ) đã xin chuyển công tác do mức lương không đáp ứng. Năm 2010 Trường cho 4 chỉ tiêu nhưng chỉ tuyển được 1. Năm 2011 Trường cho 2 chỉ tiêu nhưng mới chỉ tuyển được 1. Lý do của việc các bộ môn không tuyển được người là vị trí không hấp dẫn và yêu cầu đặt ra khá cao. Đề nghị Trường có thể linh hoạt hạ thấp tiêu chuẩn đối với một số trường hợp cụ thể, mặt khác các đơn vị thiếu cán bộ cũng phải chủ động tìm nguồn ứng viên và thuyết minh rõ để Trường giúp đỡ.

## 1.2. Đào tạo (xem Phụ lục III, IV, V)

Mặc dù số lượng sinh viên chuyên ngành của Viện không nhiều như một số Khoa, Viện khác trong Trường, nhưng công tác đào tạo của Viện luôn được chú trọng là một công tác trọng tâm của Viện. Mọi nội qui và qui định trong đào tạo đều được thực hiện nghiêm chỉnh. Một số công việc chính đã được thực hiện xin được trình bày dưới đây.

- Theo yêu cầu của Trường, Viện đã hoàn thành việc chủ trì xây dựng Chương trình đào tạo thuộc các chuyên ngành Cử nhân Kỹ thuật cơ khí động lực, Cử nhân Kỹ thuật hàng không, Cử nhân Kỹ thuật tàu thủy và Cử nhân Công nghệ Kỹ thuật Ô tô.

- Công tác viết giáo trình của Viện cũng được chú trọng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Sinh viên và giảng viên có giáo trình trong quá trình giảng dạy và học tập, qua đó đáp ứng từng bước yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy: lấy người học làm trung tâm, tăng thời lượng tự đọc... Mặt khác đây là một trong những điều kiện cần thiết để thực hiện tốt việc đào tạo theo tín chỉ. Trong hơn hai năm qua các cán bộ của Viện đã viết mới và cập nhật tái bản 10 giáo trình.

- Quản lý sinh viên được chú trọng, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Viện đã thành lập Hội đồng Giáo viên chủ nhiệm (GVCN) và Cố vấn học tập (CVHT) do Phó Viện trưởng phụ trách sinh viên làm Chủ tịch với sự tham gia của đại diện Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên. Hội đồng thường xuyên hoạt động, thông qua GVCN và CVHT liên hệ với gia đình sinh viên để kết hợp giáo dục giữa nhà trường và gia đình. Như vậy các GVCN và CVHT phải nắm chắc tình hình của SV và xác định được mức độ xử lý cần thiết, khi cần có thể mời gia đình tới Viện để trao đổi và hợp tác giáo dục sinh viên. Các thầy, cô đứng lớp kiểm tra thường xuyên sĩ số sinh viên và xử lý theo đúng qui chế.

- Tổ chức dự giờ và đánh giá chất lượng bài giảng, bài thực hành của cán bộ. Thực hiện kế hoạch công tác từng năm học, Viện tổ chức một đợt dự giờ của cán bộ trẻ. Mỗi bộ môn chỉ định 01 cán bộ. Thành phần đoàn kiểm tra bao gồm đại diện lãnh đạo Viện và đại diện của lãnh đạo các bộ môn. Ngoài ra, Viện phối hợp tích cực với Trung tâm đảm bảo chất lượng tham gia các buổi dự giờ của các CBGD của Viện.

- Tiến hành ra đề và thi chung đối với các môn học cho nhiều lớp sinh viên như Kỹ thuật thủy khí, Động cơ đốt trong, Nhập môn kỹ thuật cơ khí động lực. Cụ thể, thống nhất cách thức tổ chức thi như vấn đáp hay thi viết, những qui định khi coi thi, sử dụng giấy thi và giấy nháp chung... theo quy định của nhà trường như thi đại học. Đề thi cho mỗi đợt thi cụ thể do Trưởng bộ môn duyệt và lựa chọn giao cho cán bộ coi thi trước khi sinh viên thi. Bộ môn tổ chức phân người chấm, qui định chi tiết về chấm bài và vào điểm.

- Với những biện pháp nêu trên, tình hình đào tạo của Viện từ khi thành lập đến nay đã có những tín hiệu đáng mừng. Hiện tại tổng số sinh viên do Viện quản lý (4 khóa) là 676, số học viên cao học là 236 và số NCS là 37.

- Ngoài đào tạo chính qui, Viện còn đảm nhiệm một khối lượng khá lớn đào tạo Đại học Tại chức ngành Ô tô do Bộ môn Ô tô & xe chuyên dụng và Động cơ đốt trong đảm nhiệm với 173 sinh viên tốt nghiệp trong hai năm qua và hiện còn 275 sinh viên đang học những môn chuyên ngành tại các cơ sở đào tạo liên kết, chi tiết xin xem Phụ lục V. Như vậy, khối lượng thực hiện là rất lớn. Trong khi các loại hình đào tạo này đều do Trường tổ chức & quản lý và đóng góp ngân sách cho Trường nhưng theo qui định cho đến nay không được tính giờ để trừ giờ chuẩn là một điều bất hợp lý. Vì vậy, tỷ lệ giờ thực hiện trên/1CBGD của Viện khá thấp, ảnh hưởng đến chỉ tiêu tuyển dụng phân bổ cho Viện hàng năm.

Ngoài những thành tựu và những thông tin đáng mừng ở trên, trong đào tạo còn một số tồn tại dưới đây.

- Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo còn thiếu: mô hình học cụ, trang thiết bị thí nghiệm, thực hành. Do đó kỹ năng thực hành của kỹ sư ra trường còn yếu.

- Phương tiện giảng dạy cho các lớp học chuyên ngành thiếu, ví dụ: trường không đáp ứng đủ máy chiếu nên các bộ môn phải tự lo.

- Nội dung, chương trình đào tạo đổi mới còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu của sản xuất và sự phát triển KHCN.

- Giáo trình, tài liệu tham khảo thiếu, quá cũ và chậm đổi mới.

- Cách thức kiểm tra, đánh giá chất lượng (thi, kiểm tra) chưa thống nhất, chưa đảm bảo tính khách quan.

Hy vọng rằng, với sự nỗ lực cố gắng của tập thể và mỗi cá nhân trong điều kiện đào tạo theo tín chỉ sắp tới, những tồn tại trên sẽ dần dần được khắc phục.

### 1.3. Nghiên cứu khoa học (xem Phụ lục VI)

Với đặc thù của một viện đào tạo và nghiên cứu, công tác nghiên cứu khoa học được đặc biệt quan tâm. Các cán bộ của Viện đã chủ động hơn trong việc tìm kiếm và xây dựng các đề tài từ cấp Trường, cấp Bộ, cấp Thành phố và cấp nhà nước. Hoạt động khoa học công nghệ bước đầu đã gặt hái được một số thành công đáng khích lệ, đối tác trong và ngoài nước liên quan đến lĩnh vực này liên tục tăng lên. Tổng số đề tài, dự án do Viện thực hiện từ 12/2008 đến nay là 51, bao gồm 2 đề tài Nhà nước, 13 đề tài cấp Bộ, 3 đề tài cấp Thành phố và 33 đề tài cấp Trường với tổng kinh phí **6,499 tỷ đồng**.

Năm 2011 là một năm thành công trong hoạt động đăng ký đề tài các cấp của cán bộ thuộc Viện. **05** đề tài cấp nhà nước đã đăng ký và bảo vệ thành công đề cương: **03** đề tài trọng điểm cấp nhà nước dành cho cán bộ trẻ dưới 45 tuổi do TS Ngô Văn Hiền, TS Nguyễn Phú Hùng và PGS Lê Anh Tuấn chủ trì (giai đoạn 12/2011 – 11/2012); **02** đề tài cấp nhà nước khác do PGS Hồ Hữu Hải (hệ thống ABS cho phanh khí nén) và GS Nguyễn Thế Mịch (tuốc bin gió trục ngang công suất 15-20 kW) chủ trì hiện cũng đang chờ Bộ KH-CN phê duyệt. Ngoài ra, **01** đề tài cấp Thành phố Hà Nội khác của TS Nguyễn Phú Hùng cũng đang chờ phê duyệt. Tổng kinh phí dành cho 06 đề tài này dự kiến sẽ lên tới **10,5 tỷ đồng**.

**Chương trình nghiên cứu** tàu ngầm mini do TS Trương Việt Anh làm chủ nhiệm được Nhà trường đánh giá tốt và hiện đang trong giai đoạn triển khai mạnh mẽ. Cán bộ của Viện cũng tích cực tham gia các **Chương trình nghiên cứu khác** như: Năng lượng sạch, Sản xuất các thiết bị phụ trợ cho tàu thủy, Tiết kiệm năng lượng.

Cán bộ của Viện **tham gia** vào nhiều **Chương trình và Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước khác** như: Đề tài ô tô điện (PGS Hồ Hữu Hải, PGS Lê Anh Tuấn); tham gia **Đề tài nghị định thư** về khí hóa sinh khối (PGS Lê Anh Tuấn); tham gia **Dự án nội địa hóa ô tô** con thương hiệu Việt Nam (GS Phạm Minh Tuấn, PGS Lê Anh Tuấn)...

Phòng thí nghiệm Động cơ đốt trong **phối hợp thực hiện 02 đề tài cấp Nhà nước** khác với: Phòng thí nghiệm trọng điểm về lọc hóa dầu và Viện Hóa học công nghiệp Việt Nam (đề tài nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị xúc tác giảm phát thải độc hại cho động cơ diesel); Trường Đại học Hàng hải Việt Nam (đề tài nghiên cứu sử dụng hỗn hợp dầu jatropa và DO cho động cơ tàu thủy). 02 đề tài nghiên cứu cấp ngành dầu khí cũng đang được Phòng thí nghiệm Động cơ đốt trong phối hợp với Viện Dầu khí Việt Nam thực hiện.

Từ các đề tài này, các cán bộ của Viện đã viết báo đăng trên các tạp chí, tham gia các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước, qua đó nâng cao được uy tín của cá nhân các cán bộ tham gia cũng như của Viện, đồng thời tạo ra một không khí thi đua nghiên cứu khoa học trong toàn Viện. Từ 12/2008 đến 12/2011, các cán bộ của Viện đã chủ trì và tham gia xuất bản 1 quyển sách ở nước ngoài, 4 bài báo trên tạp chí quốc tế, 34 bài báo trên tạp chí trong nước, 88 bài báo trên kỷ yếu của các hội nghị trong nước và quốc tế; tham gia 26 hội nghị trong nước và quốc tế; tổ chức 4 hội thảo/hội nghị trong nước và quốc tế.

Công tác nghiên cứu khoa học sinh viên được lãnh đạo Viện cũng như các cán bộ, giảng viên rất quan tâm và tạo điều kiện. Nhiều sinh viên đã tham gia nghiên cứu khoa học từ năm thứ ba, thứ tư. Năm học 2009-2010, Viện được giải Nhì và năm học 2010-2011 Viện được giải Nhất tuần sinh viên nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, sinh viên của Viện luôn được động viên và tạo điều kiện tham gia các cuộc thi olympic các môn học. Đặc biệt, sinh viên ngành Tàu thủy nhiều năm liền đạt giải nhất đồng đội olympic toàn quốc môn Thủy lực.

Tiếp nối thành công của cuộc thi Robocar năm 2008, năm 2010, Viện với nòng cốt là Bộ môn Kỹ thuật thủy khí và tàu thủy đã tổ chức thành công cuộc thi đua tàu thủy mô hình Shipcom. Cuộc thi đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của nhiều sinh viên thuộc Viện và sinh viên đến từ trường Đại học Sao đỏ.

Đội đua Ô tô tiết kiệm nhiên liệu của Viện (STE-HUST) đã tham gia 2 năm liền cuộc thi Honda Eco milleage challenge do Honda tổ chức (2010 và 2011) và cuộc thi Shell Eco marathon tại Malaysia (năm 2011). Kết quả đạt được rất đáng khích lệ và được nhà trường biểu dương trong lễ tổng kết hoạt động NCKH sinh viên năm 2010. Năm 2011, đội đua ô tô tiết kiệm nhiên liệu thứ 2 của Viện (đội BK-Auto) đã xuất sắc đoạt giải Nhì cuộc thi Honda Eco milleage challenge. Hai đội đua này sẽ tiếp tục tham gia các cuộc thi năm 2012 của Honda và Shell.

#### **1.4. Phục vụ sản xuất và chuyển giao công nghệ**

Do chuyển đổi cơ chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ trong toàn trường, từ 1/1/2010, Viện không còn được phép xuất hóa đơn mà các hoạt động khoa học công nghệ phải được thực hiện thông qua hệ thống doanh nghiệp của trường (BK-Holding). Vì thế, Trung tâm Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Cơ khí Động lực gần như chỉ giải quyết những hợp đồng còn tồn đọng của Viện từ 1/1/2010 đến nay. Các hoạt động thâm định đã được Trung tâm TV&CGCN đẩy mạnh trong năm 2009 thì đến năm 2010 đã phải dừng hoàn toàn.

Tổng số các Hợp đồng đã thực hiện trong giai đoạn 2009-2011 là 52 với tổng kinh phí là **6,9 tỷ đồng**. Trong đó hầu hết các hợp đồng lớn đều được thực hiện tại Phòng thí nghiệm Động cơ đốt trong. 01 hợp đồng khác chuẩn bị được ký với Viện Dầu khí Việt Nam có trị giá 609 triệu đồng.

#### **1.5. Quan hệ đối ngoại**

Viện có quan hệ với các đối tác truyền thống trong nước, phục vụ cho thực tập của sinh viên, hợp tác trong đào tạo đại học và sau đại học cũng như trong nghiên cứu khoa học như: VietnamAirline, Viện Hóa học công nghiệp Việt Nam, Vinamotor, Xuân Kiên Vinaxuki, Trường Hải, ĐHBK Đà Nẵng, ĐHBK TPHCM, ĐH Hàng Hải, ĐH Giao thông, HV Kỹ thuật quân sự... Nhiều đề tài nghiên cứu với các đối tác trên đã được thực hiện thông qua các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và một số NCS đã bảo vệ thành công luận án TS trên cơ sở hợp tác hai bên. Qua đó, nhiều bài báo chung đã được công bố trên các tạp chí, hay tuyển tập hội nghị chuyên ngành.

Song song với tăng cường quan hệ với các đối tác trong nước, Viện cũng hết sức chú trọng tranh thủ và mở rộng quan hệ quốc tế, qua đó tăng cường trao đổi kinh nghiệm trong đào tạo và nghiên cứu.

- Hợp tác với Mitsubishi Heavy Industries (MHI) và trường Đại học Nagoya, Nhật Bản đã mang lại nhiều thành quả và hứa hẹn sẽ tiếp tục phát triển trong những năm tiếp theo. Năm 2010-2011, các hội thảo trao đổi học thuật đã được tổ chức đều đặn tại Việt Nam cũng như ở Nhật Bản. Tất cả cán bộ và một số sinh viên của BM. KTHK&VT đã được sang học tập ngắn hạn tại trường ĐH Nagoya. 10 học bổng của MHI cho sinh viên chuyên ngành Hàng không và Máy thủy khí hàng năm đã có tác động mạnh trong việc khuyến khích sinh viên trong các chuyên ngành này. Cũng trong hợp tác này, phía trường Nagoya cũng đã gửi 05 sinh viên cao học sang thực tập ngắn hạn tại bộ môn KTHK&VT tháng 11/2011.

- Chương trình chất lượng cao về Kỹ thuật Hàng không cũng mang lại nhiều thành quả về hoạt động đối ngoại và bồi dưỡng cán bộ cũng như đào tạo sinh viên chuyên ngành KTHK.
- Hoạt động trong khuôn khổ mạng lưới AUN/Seed-Net cũng gặt hái được nhiều kết quả đáng khích lệ: Nhiều cán bộ của Viện đã được mời sang thăm các Trường trong mạng lưới các Trường ĐH Đông Nam Á, và nhiều GS từ các trường này cũng như các trường ĐH của Nhật Bản đã được Viện mời sang giảng bài tại BM và PTN Động cơ đốt trong, BM KT Thủy khí và Tàu thủy, BM KTHK&VT, PTN ĐCĐT còn tiếp nhận giảng viên từ trường Đại học kỹ thuật Magway, Myanmar sang học tập và nghiên cứu trong thời gian 1 tháng. Cán bộ của Viện cũng đã tham gia nhiều Hội thảo vùng, trong khuôn khổ của chương trình, tổ chức tại Việt Nam cũng như các nước ASEAN. PGS Lê Anh Tuấn còn tham gia Ban biên tập tạp chí ASEAN Engineering Journal.
- Phòng thí nghiệm Động cơ đốt trong còn tiếp nhận ông Pryantha đến từ Sri Lanka sang thực tập và nghiên cứu trong thời gian từ 18/01/2011 đến 30/06/2011 trong khuôn khổ Chương trình "Clean Air and Blue Sky for Asian Cities" và đề nghị của mạng lưới không khí sạch Việt Nam (VCAP).
- Các hoạt động hợp tác khác cũng không ngừng được đẩy mạnh như hợp tác với hãng AVL của Cộng hòa Áo, hợp tác với Tập đoàn Hàng không Châu Âu (EADS), hợp tác với Viện nghiên cứu Ô tô Nhật Bản (JARI)... Các hợp tác khác với các trường đại học của Nhật Bản, Thái Lan, Indonesia và một số trường của Châu Âu cũng đang nhận được sự quan tâm lớn của cả hai bên.

#### **1.6. Xây dựng cơ sở vật chất**

Với đặc thù của Viện là các bộ môn nằm rải rác ở nhiều nơi, nên việc đồng bộ hóa cơ sở vật chất là tương đối phức tạp và khó khăn. Văn phòng Viện hiện vẫn nằm tại P102-C6, trước đây là phòng thí nghiệm của bộ môn KT Thủy khí và Tàu thủy và được bộ môn cho mượn đến nay. Hiện Viện vẫn chưa được nhà Trường xem xét và bố trí cho địa điểm mới để trả lại bộ môn cơ sở này.

Trong giai đoạn 2009-2011, với việc tách Bộ môn Kỹ thuật Hàng không và Máy tự động Thủy khí thành 2 bộ môn: KT Hàng không & Vũ trụ; Máy & Tự động Thủy khí, bộ môn KTHKVT đã được nhà trường cấp cho hai phòng mới tại P205 và 206 C8 với tổng diện tích là 150m<sup>2</sup>. Trên cơ sở đó, Trường đã cải tạo và trang bị cho hai phòng trở thành Văn phòng khá khang trang và tiện nghi cho bộ môn.

Bộ môn Máy&Tự động thủy khí tranh thủ sự giúp đỡ về về trang thiết bị khí nén của hãng Fusheng đã được nhà Trường cấp kinh phí 173 triệu cho việc cải tạo lại phòng thí nghiệm tại P108 nhà T trở thành một phòng thí nghiệm khang trang.

Được sự giúp đỡ của Trường, các đơn vị bộ môn Ô tô và xe chuyên dụng, bộ môn Động cơ đốt trong, phòng học chuyên ngành bộ môn Ô tô đã xây dựng đề án sửa chữa, tu bổ lại với tổng kinh phí khoảng 394 triệu.

Một số đơn vị bằng kinh phí tự có hoặc tranh thủ kết hợp từ đề tài cấp Trường, cấp Bộ đã xây dựng được các thiết bị, mô hình, thí nghiệm, phục vụ cho đào tạo như Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng, BM Động cơ đốt trong, BM Kỹ thuật Hàng không, BM Máy tự động thủy khí và Phòng thí nghiệm Động cơ đốt trong cũng đã chủ động sửa chữa phòng ốc, sơn tường, mua sắm vật tư (nhiên liệu, khí mẫu), phụ tùng thay thế, bảo dưỡng thiết bị... bằng kinh phí tự có.

Thông qua chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao, từ năm 2009 đến nay bộ môn KT Hàng không và Vũ trụ được trang bị các thiết bị phục vụ thí nghiệm và thực hành với tổng trị giá khoảng 927 triệu.

#### **1.7 Quản lý tài chính (xem Phụ lục VII)**

Quĩ Viện được hình thành chủ yếu từ các nguồn thu như kinh phí quản lý từ các Hợp đồng, kinh phí điều hành từ trường cấp. Tuy nhiên, từ khi Qui chế chi tiêu nội bộ được thực thi thì kinh phí quản lý do Trường cấp rất ít. Từ 01/01/2010, quyết định chuyển tất cả các hoạt động chuyên giao công nghệ về Công ty Bách khoa đã cắt đứt hoàn toàn hoạt động giám định ô tô đang được triển khai ở giai đoạn ổn định với tổng số 14 hợp đồng thực hiện trong giai đoạn 01/07/2009 đến 31/12/2009.

Do xuất phát từ đặc điểm của ngành Cơ khí nói chung cũng như của ngành Cơ khí Động lực nói riêng là rất khó trong việc tìm kiếm hợp đồng và giá trị các hợp đồng không lớn, nên quĩ Viện rất hạn hẹp. Để có thể đáp ứng các nhu cầu chi tối thiểu của Viện về văn phòng phẩm, tel, fax, hỗ trợ sinh viên, công đoàn, phong trào văn thể... lãnh đạo Viện thống nhất chính sách chi hết sức tiết kiệm. Việc quản lý tài chính được thực hiện theo đúng nguyên tắc hiện hành. Viện trưởng trực tiếp phụ trách công tác tài chính, cô Đào Chung Hải làm kế toán, cô Nguyễn Thị Thanh Hà làm thủ quĩ.

**Tổng kinh phí thu từ 12/2008 đến 07/12/2011: 367.423.600đ, trong đó từ hợp đồng 166.431.100đ, từ đề tài 80.484.400đ, từ điều hành 74.086.700đ**

**Tổng chi cho mọi hoạt động của Viện: 311.539.600đ, trong đó chi cho văn phòng phẩm, điện thoại, fax...: 36.781.200 đ; phúc lợi, hiếu hỷ: 198.554.300 đ; hỗ trợ các đoàn thể và phong trào: 48.160.600 đ.**

Tính đến ngày 07/12/2011, quĩ Viện có **55.884.300 đ.**

### **1.8. Tổ chức quản lý và điều hành Viện**

Trong tổ chức, quản lý và điều hành Viện, sự thống nhất vai trò lãnh đạo của Đảng ủy là nguyên tắc xuyên suốt. Ngoài ra, vai trò của Công đoàn, Đoàn thanh niên luôn luôn được đề cao và phát huy. Đó chính là nguyên nhân cho sự thành công trong việc xây dựng mối đoàn kết, phát huy dân chủ, động viên mọi CBVC tham gia xây dựng Viện và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Ban giám đốc Viện có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng trong lãnh đạo cũng như đối với các nhân viên Văn phòng Viện. Ngoài ra, lịch trực lãnh đạo trong tuần được tuân thủ nghiêm chỉnh. Vì vậy, công tác hành chính, sự vụ đối với nhà trường như báo cáo, hội họp... được thực hiện nghiêm chỉnh, đúng hạn. Qua đó, sự chỉ đạo của cấp trên được thông suốt đến cơ sở và đến từng CBVC.

Trong điều hành, lãnh đạo Viện thường xuyên có sự trao đổi, hội ý ngắn gọn nên giải quyết tốt những vấn đề sự vụ phát sinh.

Về công việc hành chính, Viện đã đưa vào áp dụng tốt theo ISO do nhà Trường qui định.

### **1.9. Công tác đoàn thể, phong trào, thi đua & đời sống (xem Phụ lục VIII)**

Bí thư Đảng ủy viện, đồng chí Phạm Vy đã về hưu tháng 2/2009. Đảng ủy Viện đã đề nghị đồng chí Lê Thanh Tùng là Bí thư Đảng ủy Viện và Đảng ủy Trường đã chuẩn y. Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ mới diễn ra vào ngày 15/4/2010 đã thành công tốt đẹp. Đại hội tiếp tục đề nghị đồng chí Lê Thanh Tùng là Bí thư và đã được Đảng ủy Trường chuẩn y. Song song với việc xây dựng đội ngũ về chuyên môn, Đảng ủy cùng các Chi bộ đã tích cực phát triển Đảng. Từ năm 2009 đến nay, toàn Đảng bộ đã kết nạp được 6 đảng viên mới là các cán bộ trẻ, bổ sung một lực lượng đáng kể cho Đảng bộ. Đồng thời, Đảng bộ cũng chú trọng bồi dưỡng đối tượng kết nạp. Hiện nay, toàn Đảng bộ có 16 đối tượng được kết nạp.

Đại hội Công đoàn Viện diễn ra vào 1/10/2009 cũng đã thành công tốt đẹp. Ban chấp hành Công đoàn mới do đồng chí Phạm Huy Hoàng làm chủ tịch. Trong mọi hoạt động đời sống và phong trào, Công đoàn Viện luôn đóng vai trò quan trọng.



Công đoàn đã tổ chức được các buổi tham quan dã ngoại, thăm các địa danh, di tích lịch sử như Đền Hùng (11/2009), Đền Côn Sơn, Kiếp Bạc (3/2010), Đầm Đa, Chùa Tiên - Hòa Bình (3/2011) đã đáp ứng được phần nào nguyện vọng và yêu cầu của các đoàn viên. Qua những chuyến tham quan này không những làm tăng thêm sự hiểu biết về danh lam thắng cảnh mà còn là dịp để mọi người có cơ hội được giao lưu với nhau nhiều hơn. Một trong nhân tố tạo nên sự thành công trong các đợt tham quan dã ngoại đó là sự ủng hộ, tham gia nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm và tính xây dựng cao, tinh đoàn kết, thống nhất của từng đoàn viên công đoàn trong Viện.

Hàng năm Công đoàn còn đứng ra tổ chức liên hoan cho các cháu thiếu nhi là con của cán bộ CNVC trong Viện nhân dịp Tết thiếu nhi 1/6. Đây chính là ngày hội của các cháu và các bậc phụ huynh. Các cháu có dịp được biết nơi cha, mẹ mình đang làm việc, được làm quen với nhiều bạn, được hát, chơi các trò chơi và được nhận quà.

Ngoài ra Công đoàn đã tổ chức các buổi gặp mặt chúc mừng chị em phụ nữ trong Viện nhân ngày 20/10 và 8/3 hàng năm. Đây cũng là dịp để tôn vinh những đóng góp to lớn của chị em trong phong trào xây dựng tập thể vững mạnh.

Tuy cơ sở vật chất còn thiếu thốn, song với sự nhiệt tình cùng với tinh thần đoàn kết gắn bó tập thể của các đoàn viên công đoàn nên đã làm cho phong trào thể dục thể thao trong tập thể rất sôi nổi và duy trì đều đặn. Đặc biệt Công đoàn kết hợp cùng với chính quyền đã động viên CBVC trong Viện tham gia văn nghệ nhân dịp 20/11/2010 và đã đạt được giải cao cho các tiết mục tham gia hội diễn cấp Trường.

Với tinh cảm "một miếng khi đói bằng một gói khi no", "lá lành đùm lá rách" Công đoàn đã vận động các CBVC nhiệt tình tham gia các đợt phát động của Trường giúp đỡ đồng bào vùng thiên tai, xây dựng quỹ vì người nghèo, quỹ bảo trợ trẻ em, quỹ tấm lòng vàng, quỹ đền ơn đáp nghĩa v.v.

Đề động viên sinh viên trong phong trào học tập, văn nghệ, thể dục, thể thao, ngoài việc trích quỹ phúc lợi của tập thể các CBVC đã tự nguyện đóng góp thêm để ủng hộ cho phong trào sinh viên, và việc này đã trở thành truyền thống.

Công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên của Viện luôn là một trong những điểm sáng trong các hoạt động của Viện. Phong trào đoàn hội trong những năm vừa qua được duy trì và phát huy một cách tích cực từ các năm trước. Nhiều phong trào về đoàn hội được tổ chức thành công (chi tiết xin xem Phụ lục IX) và qua đó có nhiều thành tích được ghi nhận từ các cấp trên: Cờ thi đua do thành đoàn thành phố trao tặng cho hội sinh viên Viện (2009-2010); Bằng khen Thành Đoàn Hà Nội tặng LCD Viện CKĐL về phong trào Đoàn năm 2010-2011; Bằng khen Thành Đoàn cho cá nhân đồng chí Phan Anh Tuấn, Bí thư LCD về phong trào Đoàn năm 2010-2011; Bằng khen Hội sinh viên Hà Nội tặng LCH Viện CKĐL về phong trào Hội năm học 2010-2011; Bằng khen Hội sinh viên Hà Nội cho cá nhân đ/c Nguyễn Bá Dũng, LCH trưởng Viện CKĐL; Giải nhì toàn trường về triển lãm sản phẩm SV NCKH 2009-2010; Giải nhất toàn trường về triển lãm sản phẩm SV NCKH 2010-2011; Giải ba hội trại BK 2010; Xếp thứ hai trong tổng kết các hoạt động đoàn hội năm học 2009-2010... Những thành tích của phong trào đoàn và thanh niên gắn liền với những đóng góp to lớn của các đồng chí cán bộ đoàn như ThS Hà Mạnh Tuấn, TS Nguyễn Mạnh Hưng, TS Phan Anh Tuấn, TS Vũ Quốc Huy... dưới sự quan tâm của Đảng ủy cùng ban lãnh đạo Viện. Những thành tích đó của phong trào đoàn thanh niên đã góp phần đáng kể nâng cao uy tín của Viện ở trong và ngoài Trường.

Công tác thi đua được lãnh đạo Viện rất chú trọng và thực hiện nghiêm chỉnh những qui định, hướng dẫn của Trường để bảo đảm quyền lợi chính đáng cho các thành viên của Viện. Trong ba năm qua, nhiều cá nhân và tập thể được tặng những phần thưởng cao quý: Năm 2009 CSTĐ cấp Bộ cho PGS Bùi Quốc Thái, PGS Phạm Minh Tuấn, PGS Ngô Sỹ Lộc, PGS Nguyễn Thế Mịch, ThS Tạ Thành Liêm, Bằng khen Bộ trưởng TS Hoàng Đình Long, TS Hồ

Hữu Hải, ThS Phạm Thị Thanh Hương, Huân chương LĐ Hạng Ba ThS Phạm Vy. Năm 2010: TT LĐXS cấp Bộ cho BM Động cơ đốt trong, BM Ô tô và XCD, BM KT Thủy khí và TT, CSTĐ cấp Bộ cho PGS Nguyễn Trọng Hoan, TS Nguyễn Phú Khánh, TS Lương Ngọc Lợi, PGS Lê Anh Tuấn, PGS Phạm Hữu Nam, Bằng khen Bộ trưởng TS Lê Thanh Tùng, PGS Lê Anh Tuấn. Đặc biệt, trong dịp 20/11 vừa qua, Viện có PGS Ngô Sỹ Lộc và PGS Bùi Quốc Thái là 2 trong 4 người của Trường được nhận Huân chương lao động Hạng Ba.

Về mặt chăm lo đời sống, những hoạt động thăm hỏi, viếng, mừng... đều do quỹ Viện đảm nhiệm. Ngoài ra, vào dịp Tết Nguyên đán, Viện đều có phúc lợi cho cán bộ của Viện với mức khá so với các đơn vị trong Trường.

## **2. Phương hướng nhiệm kỳ 23**

Là một Viện thuộc Trường, những hoạt động đào tạo, nhân sự, tổ chức, kinh phí sự nghiệp... thống nhất theo sự lãnh đạo của Trường với tinh thần chung của nhà Trường là tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Tiếp theo, Viện cần phát huy hơn nữa những thành tích đã đạt được trong ba năm qua, đặc biệt là những khởi sắc về lĩnh vực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phong trào sinh viên. Đồng thời cần khắc phục những tồn tại để xây dựng Viện ngày càng vững mạnh.

Bên cạnh đó, với đặc thù là một Viện đào tạo và nghiên cứu kết hợp với thực tiễn sản xuất, Ban lãnh đạo Viện đưa ra một số phương hướng hoạt động cụ thể trong nhiệm kỳ tới như sau.

### **2.1. Đào tạo**

- Ổn định đào tạo tín chỉ đại học và sau đại học, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo
- Cần đẩy mạnh hơn nữa công tác viết giáo trình, bài giảng để phục vụ cho việc đào tạo theo tín chỉ. Song song, cần xây dựng giáo trình, bài giảng điện tử để trước hết sử dụng nội bộ cho cán bộ và sinh viên của Viện. Phần đầu trong ba năm tới có từ 5 đến 10 giáo trình của Viện được đưa vào hệ thống giáo trình điện tử của Bộ.
- Với cơ sở vật chất hiện có, mỗi chuyên ngành cần tăng cường các bài thí nghiệm, giờ thực hành cho sinh viên. Ngoài ra, cần tăng cường hơn nữa tổ chức thăm quan và thực tập cho sinh viên nhằm tăng cường kiến thức thực tế, qua đó góp phần nâng cao từng bước chất lượng đào tạo.
- Tăng cường quảng bá chiêu sinh để có thể mở thêm ba lớp cao học tại Sơn Tây, TP HCM và Vĩnh Yên.
- Tăng cường quản lý tiến độ học tập và nghiên cứu của NCS và học viên ThS khoa học.

### **2.2. Hoạt động khoa học - công nghệ**

- Thành lập các nhóm nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực thời sự của khối Cơ khí Động lực dựa trên nền tảng các Chương trình và các đề tài nghiên cứu tiềm năng, cũng như cơ sở vật chất, con người và hợp tác hiện có của các đơn vị.
- Tăng cường và khuyến khích hợp tác trong nội bộ Viện để hình thành những dự án, đề tài hoặc hợp đồng chung. Mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, qua đó tăng được số lượng các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như các hợp đồng dịch vụ, lao động sản xuất.
- Khuyến khích đội ngũ nghiên cứu trẻ của Viện khai thác các nguồn kinh phí của nước ngoài, đặc biệt là các nguồn kinh phí nghiên cứu từ Nhật Bản (trong khuôn khổ chương trình AUN/Seed-Net; nguồn JICA, JST...) và các nguồn kinh phí từ dự án Erasmus Mondus của Châu Âu.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu cho đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ trẻ, thông qua các hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và phổ biến định hướng nghiên cứu.
- Chú trọng đến cơ sở vật chất phục vụ cho công tác nghiên cứu trong khuôn khổ và khả năng của Viện và của Trường cũng như khai thác nguồn hợp tác với doanh nghiệp.
- Tổ chức lại mô hình hoạt động khoa học công nghệ sau khi Nhà trường có quyết định chính thức về sự tồn tại của Trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ.

### **2.3 Tăng cường quản lý và khai thác cơ sở vật chất**

- Xây dựng dự án trình nhà Trường nhằm quy tụ các đơn vị thuộc Viện về gần nhau.
- Xây dựng chỉ tiêu phấn đấu nghiên cứu tại từng đơn vị nhằm đưa trang thiết bị hiện có vào hoạt động một cách có hiệu quả.
- Xây dựng các dự án mới nhằm kêu gọi sự hỗ trợ đầu tư trang thiết bị cho các hướng nghiên cứu mũi nhọn của Viện.
- Qui hoạch phòng thí nghiệm của Viện đảm bảo tính đồng bộ, hiện đại và phù hợp với nhu cầu đào tạo.

### **2.4 Tổ chức, quản lý**

- Các đơn vị và toàn Viện có kế hoạch xây dựng đội ngũ và bồi dưỡng cán bộ về chuyên môn và tu dưỡng, chủ động tìm nguồn tuyển dụng để bổ sung đội ngũ.
- Tiếp tục chuẩn hóa và duy trì công tác quản lý cùng với các văn bản theo tiêu chuẩn ISO chung của Trường.
- Giải quyết việc tổ chức của Trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ trên cơ sở chỉ đạo của Trường.
- Quản lý chặt chẽ hơn nữa mọi hoạt động về hành chính, tài chính và quản lý cơ sở vật chất. Có theo dõi, đôn đốc thường xuyên đối với cá nhân và tập thể và coi đây là một trong những tiêu chí đánh giá thi đua.
- Động viên mọi nguồn lực để xây dựng quỹ Viện ngày càng lớn mạnh, coi đây là một trong những tiêu chí bình xét thi đua đối với cá nhân và tập thể. Quỹ Viện có mạnh mới có thể tăng mức hỗ trợ cho các phong trào của Viện và tăng phúc lợi cho CBVC.

Trên đây là toàn bộ bản cáo cáo của lãnh đạo Viện trước Hội nghị toàn thể CBVC. Trên cơ sở những thành tích đã đạt được trong ba năm qua, Ban lãnh đạo Viện kêu gọi toàn thể CBVC tăng cường đoàn kết, nhất trí, dưới sự lãnh đạo thống nhất của một Đảng bộ vững mạnh hãy ra sức phấn đấu thực hiện tốt những nghị quyết của Hội nghị CBVC lần thứ 23 và nhiệm vụ của Trường giao cho, nhằm xây dựng Viện Cơ khí Động lực ngày càng vững mạnh, góp phần tăng cường vai trò của Trường ĐHBK thân yêu của chúng ta trong sự nghiệp CNH & HĐH, sớm hội nhập trong khu vực cũng như trên thế giới.

#### **Nơi nhận:**

- như trên;
- lưu VP.

**VIỆN TRƯỞNG**

*GS.TS. Phạm Minh Tuấn*



**Phụ lục II. PHÂN BỐ ĐỘ TUỔI, TRÌNH ĐỘ CBGD VÀ TÌNH HÌNH BỒI DƯỠNG CÁN BỘ TRẺ**

| TT | Năm  | Phân bố độ tuổi           |         |     | Học vị |     |    | Học hàm |     | Cán bộ trẻ đang được đào tạo |    |     |    |
|----|------|---------------------------|---------|-----|--------|-----|----|---------|-----|------------------------------|----|-----|----|
|    |      | >55                       | 35 - 55 | <35 | TS     | ThS | ĐH | GS      | PGS | NCS                          | CH | NCS | CH |
| 1  | 2009 | 8                         | 29      | 41  | 17     | 27  | 20 | 1       | 11  | 17                           | 3  | 2   | 6  |
|    |      | - BM Ôtô & xe chuyên dụng |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - BM Động cơ đốt trong    |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - BM Máy & TĐTK           |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - BM KTTK & Tàu thủy      |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - BM KTHK & VT            |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - PTN Động cơ đốt trong   |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - VP Viện Cơ khí Động lực |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - TT Tư vấn & CGCN        |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - PTN Động cơ đốt trong   |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
| 2  | 2010 | 8                         | 29      | 41  | 17     | 26  | 21 | 2       | 13  | 15                           | 3  | 2   | 8  |
|    |      | - BM Ôtô & xe chuyên dụng |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - BM Động cơ đốt trong    |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - BM Máy & TĐTK           |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - BM KTTK & Tàu thủy      |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - BM KTHK & VT            |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - PTN Động cơ đốt trong   |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - VP Viện Cơ khí Động lực |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - TT Tư vấn & CGCN        |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - PTN Động cơ đốt trong   |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
| 3  | 2011 | 12                        | 30      | 39  | 21     | 30  | 14 | 2       | 14  | 13                           | 3  | 4   | 4  |
|    |      | - BM Ôtô & xe chuyên dụng |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - BM Động cơ đốt trong    |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - BM Máy & TĐTK           |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - BM KTTK & Tàu thủy      |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - BM KTHK & VT            |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - PTN Động cơ đốt trong   |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - VP Viện Cơ khí Động lực |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - TT Tư vấn & CGCN        |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |
|    |      | - PTN Động cơ đốt trong   |         |     |        |     |    |         |     |                              |    |     |    |

**Phụ lục III. GIÁO TRÌNH BÀI GIẢNG TỪ NĂM 2008 - 2011**

| TT | Đơn vị                               | Tên giáo trình                        | Năm xuất bản |
|----|--------------------------------------|---------------------------------------|--------------|
| 1  | Bộ môn Máy và Tự động thủy khí       | Cơ học vật bay 1                      | 2009         |
|    |                                      | Máy bay trực thăng                    | 2009         |
|    |                                      | Máy thể tích                          | 2009         |
|    |                                      | Cơ học ứng dụng                       | 2008         |
| 2  | Bộ môn Kỹ thuật thủy khí và tàu thủy | Máy nén khí                           | 2008         |
|    |                                      | Thủy khí kỹ thuật ứng dụng            | 2009         |
|    |                                      | Lý thuyết tàu thủy                    | 2009         |
|    |                                      | Cơ học thủy khí ứng dụng              | 2009         |
| 3  | Bộ môn Động cơ đốt trong             | Sửa chữa động cơ                      | 2008         |
|    |                                      | Lý thuyết động cơ                     | 2008         |
|    |                                      | Khí thải động cơ & ô nhiễm môi trường | 2008         |
|    |                                      | Cấu tạo ô tô                          | 2010         |
| 4  | Bộ môn Ô tô và xe chuyên dụng        |                                       |              |

Phụ lục IV. SỐ LƯỢNG SINH VIÊN VÀ HỌC VIÊN

| TT | Loại hình       | Năm học | 2008-2009          |         |            | 2009-2010 |         |            | 2010-2011 |         |            | 2011 - 2012 |         |            |                 |
|----|-----------------|---------|--------------------|---------|------------|-----------|---------|------------|-----------|---------|------------|-------------|---------|------------|-----------------|
|    |                 |         | Đầu vào            | Tổng số | Tốt nghiệp | Đầu vào   | Tổng số | Tốt nghiệp | Đầu vào   | Tổng số | Tốt nghiệp | Đầu vào     | Tổng số | Tốt nghiệp |                 |
| 1  | Nghiên cứu sinh |         | 9                  | 12      | 1          | 7         | 15      | 1          | 10        | 24      |            | 8           | 39      |            |                 |
|    |                 |         | - Ôtô              | 5       | 7          |           | 5       | 12         |           | 5       | 17         |             | 3       | 20         |                 |
|    |                 |         | - Động cơ          |         | 1          |           | 2       | 3          |           | 4       | 7          |             | 2       | 9          | chưa tốt nghiệp |
|    |                 |         | - Máy thủy khí     | 2       | 2          | 1         | 0       |            | 1         | 1       |            |             | 2       | 7          |                 |
|    |                 |         | - Cơ học chất lỏng | 2       | 2          |           |         |            |           |         |            |             | 1       | 3          |                 |
| 2  | Cao học         |         | 27                 | 55      | 25         | 44        | 99      | 18         | 75        | 46      | 5          | 132         | 236     |            |                 |
|    |                 |         | - Ôtô              | 6       | 17         | 15        | 22      | 39         |           | 48      |            |             | 58      | 121        | 7               |
|    |                 |         | - Động cơ          | 4       | 7          | 5         | 8       | 12         | 3         | 16      | 21         | 5           | 10      | 31         | 5               |
|    |                 |         | - Máy thủy khí     | 12      | 20         | 5         | 14      | 22         | 15        | 11      | 25         |             |         | 20         | 5               |
|    |                 |         | - Cơ khí động lực  |         |            |           |         |            |           |         |            |             | 64      | 64         | chưa tốt nghiệp |
| 3  | Đại học         |         | 275                | 734     | 145        | 106       | 687     | 153        | 254       | 664     | 171        | 234         | 676     |            |                 |
|    |                 |         | - Ôtô              | 86      | 254        | 58        |         | 188        | 66        | 30      | 154        | 64          | 32      | 135        |                 |
|    |                 |         | - Động cơ          | 46      | 141        | 27        |         | 115        | 26        | 15      | 93         | 37          |         | 44         |                 |
|    |                 |         | - KT Hàng không    | 48      | 116        | 19        |         | 97         | 19        | 46      | 113        | 30          | 39      | 117        | Chưa tốt nghiệp |
|    |                 |         | - KT Tàu thủy      | 47      | 115        | 19        |         | 95         | 20        | 41      | 113        | 23          | 42      | 107        |                 |
| 4  | Kỹ sư 2         |         | 48                 | 108     | 22         |           | 86      | 22         | 17        | 86      | 17         |             | 45      |            |                 |
|    |                 |         | - Cơ khí động lực  |         |            |           | 106     | 106        |           | 105     | 105        |             | 121     | 228        |                 |
|    |                 |         | - Ôtô              | 2       | 3          | 1         | 2       | 2          | 1         | 3       | 2          |             |         | 2          |                 |
|    |                 |         | - Động cơ          | 0       | 1          |           |         |            | 1         | 2       |            |             |         |            |                 |
|    |                 |         | - Hàng không       | 2       | 2          | 2         | 1       | 1          | 2         |         |            |             |         |            | Chưa tốt nghiệp |
|    | Máy thủy khí    |         |                    |         |            | 1         | 1       |            | 1         | 1       |            | 1           | 1       |            |                 |
|    |                 |         |                    |         |            |           |         |            | 1         | 1       |            |             |         |            |                 |

**Phụ lục V. SỐ LƯỢNG SINH VIÊN ĐẠI HỌC TẠI CHỨC**

| TT              | Trường, cơ sở liên kết đào tạo      | Số lượng SV đã tốt nghiệp giai đoạn<br>2008 - 2011 |        |            | Số lượng SV đang đào tạo |            |
|-----------------|-------------------------------------|--|--------|------------|--------------------------|------------|
|                 |                                     | Lớp  | Năm TN | Số lượng   | Lớp                      | Số lượng   |
| 1               | Trường Cao đẳng Công nghiệp Cẩm Phả |  |        |            | K10<br>K11               | 74<br>50   |
| 2               | Trường Cao đẳng Công nghiệp Uông Bí | K7   | 2010   | 58         | K9                       | 63         |
| 3               | Cục Đường Bộ, Bộ Giao thông Vận tải | K1   | 2010   | 28         |                          |            |
| 4               | Trường Cao đẳng nghề Mỏ Hồng Cẩm    |  |        |            | K10<br>K11               | 58<br>30   |
| <b>Tổng số:</b> |                                     |  |        | <b>114</b> |                          | <b>275</b> |



**Phụ lục VI. BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ TÀI DỰ ÁN CÁC CẤP TỪ NĂM 2009-2011**

Đơn vị kinh phí: Triệu đồng

| TT | Đơn vị                               | Trang thiết bị, PTN, sửa chữa nhỏ |      | Đề tài, dự án hợp tác Q tế |      | Đề tài cấp Nhà nước |      |    |      | Đề tài nhánh cấp Nhà nước |      | Đề tài cấp bộ |      | ĐT cấp Thành phố, Tỉnh, Sở, Viện |      | Đề tài cấp trường |      | Ghi chú |  |
|----|--------------------------------------|-----------------------------------|------|----------------------------|------|---------------------|------|----|------|---------------------------|------|---------------|------|----------------------------------|------|-------------------|------|---------|--|
|    |                                      | SL                                | KPhí | SL                         | KPhí | SL                  | KPhí | SL | KPhí | SL                        | KPhí | SL            | KPhí | SL                               | KPhí | SL                | KPhí |         |  |
| 1  | BM. Động cơ và PTN Động cơ đốt trong |                                   |      |                            |      | 1                   | 2600 |    |      | 1                         | 273  | 2             | 120  | 2                                | 1466 | 7                 | 70   |         |  |
| 2  | BM. Ôtô và xe chuyên dụng            |                                   |      |                            |      |                     |      |    |      |                           |      | 2             | 120  |                                  |      | 8                 | 80   |         |  |
| 3  | BM. Máy và tự động thủy khí          |                                   |      |                            |      |                     |      |    |      |                           |      | 3             | 520  |                                  |      | 3                 | 30   |         |  |
| 4  | BM. KT thủy khí và tàu thủy          |                                   |      |                            |      |                     |      |    |      |                           |      | 5             | 300  |                                  |      | 9                 | 90   |         |  |
| 5  | BM. KT Hàng không và vũ trụ          |                                   |      |                            |      |                     |      |    |      |                           |      | 2             | 120  |                                  |      | 6                 | 60   |         |  |
| 6  | TT Tư vấn và CGCN                    |                                   |      |                            |      |                     |      |    |      |                           |      |               |      |                                  | 1    | 650               |      |         |  |
|    | <b>Cộng</b>                          | 0                                 | 0    | 0                          | 0    | 0                   | 0    | 0  | 0    | 1                         | 2600 | 1             | 273  | 14                               | 1180 | 33                | 330  |         |  |

**Phụ lục VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

|            | <b>Hạng mục</b>   | <b>Năm 2008</b>   | <b>Năm 2009</b>   | <b>Năm 2010</b>    | <b>Năm 2011</b>    |
|------------|---|-------------------|-------------------|--------------------|--------------------|
| <b>THU</b> | Số dư đầu kỳ  | <b>8,121,700</b>  | <b>14,419,300</b> | <b>37,818,600</b>  | <b>69,406,900</b>  |
|            | 1. Trích từ điều hành (Viện, tại chức, cao đẳng, ITP, SDH, CVHT)                      | 10,650,000        | 15,596,000        | 25,445,000         | 22,395,700         |
|            | 2. Từ nguồn đào tạo (thi lại, tin chỉ, sao bảng điểm, hồ sơ cao học...)               | 8,261,700         | 5,407,000         | 10,305,000         | 14,326,000         |
|            | 3. Hợp đồng, đề tài   | 31,468,300        | 38,282,400        | 60,130,900         | 36,549,500         |
|            | 4. Thu khác (2,5% đề tài, khung chương trình HK, TT,...)                              | 15,338,300        | 24,823,000        | 21,961,100         | 18,362,000         |
|            | <b>Tổng số</b>  | <b>73,840,000</b> | <b>98,527,700</b> | <b>155,660,600</b> | <b>161,040,100</b> |
| <b>CHI</b> | 1. Văn phòng (Tel, Fax, Vpp, nước, đồ dùng, đồ dùng, thiết bị, vệ sinh, sửa chữa,...) | 11,606,400        | 9,072,100         | 6,363,200          | 9,739,500          |
|            | 2. Phúc lợi   | 25,052,800        | 27,680,000        | 53,416,500         | 73,810,000         |
|            | 3. Hiếu hỷ, thăm hỏi, ốm đau, hưu, ....   | 4,866,000         | 6,054,000         | 2,215,000          | 5,460,000          |
|            | 4. Hỗ trợ các đoàn thể, phong trào, sinh viên,....                                    | 11,891,000        | 10,508,000        | 13,075,000         | 12,686,600         |
|            | 5. Đối ngoại  | 5,748,500         | 7,395,000         | 6,124,000          | 3,440,000          |
|            | 6. Chi khác (Web Viện: 4tr, công chứng giấy phép HD: 256k)                            | 256,000           | -                 | 5,060,000          | 20,000             |
|            | <b>Tổng số</b>  | <b>59,420,700</b> | <b>60,709,100</b> | <b>86,253,700</b>  | <b>105,156,110</b> |
| <b>TÒN</b> |   | <b>14,419,300</b> | <b>37,818,600</b> | <b>69,406,900</b>  | <b>55,884,000</b>  |
|            | <b>Tính đến ngày 07/12 tồn</b>  |                   |                   |                    |                    |

**Mục VIII. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THANH NIÊN, HỘI SINH VIÊN 2009-2011**

| STT | Tên hoạt động   | Thời gian |
|-----|---|-----------|
| 1   | Tổ chức triển khai đại hội Đoàn các cấp đầu năm học đúng theo lịch của Đoàn Trường.   | 2009-2010 |
| 2   | Phát hành 2 tờ tin chào mừng 20/11/2009 và 26/3/2010.   | 2009-2010 |
| 3   | Tổ chức giải bóng đá Viện CKDL tháng 9/2009.  | 2009-2010 |
| 4   | Giải bóng đá K53, tháng 11/2009.  | 2009-2010 |
| 5   | Tổ chức hội thảo sinh viên NCKH, 25/11/2009 tại C7B.  | 2009-2010 |
| 6   | Tổ chức Tọa Đàm “Đảng với Thanh niên - Thanh niên với Đảng, Hướng tới kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam” cho Chi Đoàn Cán Bộ và sinh viên Viện CKDL. | 2009-2010 |
| 7   | Phát động cuộc thi thiết kế và đua tàu mô hình lần thứ Nhất.  | 2009-2010 |
| 8   | Tổ chức giải thể thao liên hợp, tháng 3/2010, sân vận động BK, sân trường ĐH Y.   | 2009-2010 |
| 9   | Tổ chức buổi giới thiệu ngành nghề, 21/4/2010, KTX BK.  | 2009-2010 |
| 10  | Tham gia Hội trại Bách Khoa 2010 và đoạt giải Ba.   | 2009-2010 |
| 11  | Tham gia phong trào sinh viên NCKH và đoạt giải Nhì cấp trường, tháng 5/2010.   | 2009-2010 |
| 12  | Giải bóng đá ngành Động cơ đốt trong tháng 9/2010.  | 2009-2010 |
| 13  | Tổ chức thành công giải siêu cúp Viện CKDL lần thứ 2 vào tháng 10/2010 chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11.  | 2009-2010 |
| 14  | Tham gia chương trình “Tôi là đoàn viên” do Đoàn trường tổ chức.  | 2009-2010 |
| 15  | Tổ chức Đại hội Đoàn các cấp, nhiệm kỳ 2010-2012.   | 2010-2011 |
| 16  | Hoạt động tình nguyện gây dựng “Tủ sách cho em” ở Bắc Giang.  | 2010-2011 |
| 17  | Phối hợp với Viện tổ chức buổi giới thiệu ngành nghề.   | 2010-2011 |
| 18  | Tham gia Hội trại chào mừng kỉ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội (đạt giải Ba).   | 2010-2011 |
| 19  | Phát hành tờ tin truyền thống viện CKDL chào mừng ngày 20/11/2010.  | 2010-2011 |
| 20  | Tổ chức thành công cuộc thi Thiết kế và đua tàu thủy mô hình lần thứ nhất (ShipCom 2010).   | 2010-2011 |

|    |  |           |
|----|--|-----------|
| 21 | Tổ chức giải thể thao liên hợp viện CKDL lần thứ V (tháng 3,4/2011).                             | 2010-2011 |
| 22 | Tham gia tích cực tuần SV NCKH và triển lãm sản phẩm sinh viên NCKH (đứng thứ Nhất toàn trường). | 2010-2011 |
| 23 | Tham gia Hội trại kỷ niệm 55 năm thành lập trường (đạt Giải Nhì).                                | 2011-2012 |
| 24 | Phát hành tờ tin truyền thống kỉ niệm ngày NGVN, 55 năm thành lập trường.                        | 2011-2012 |
| 25 | Tham gia giải bóng đá cán bộ trẻ (15-30/12/2011).  | 2011-2012 |

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**HỘI NGHỊ CÁN BỘ VIÊN CHỨC**  
**VIỆN CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC NĂM 2018**  
*Ngày 03/01/2019*

8:15 - 8:30: Đón tiếp đại biểu

8:30 - 11:00: Hội nghị tại PTN Động cơ đốt trong

1. Chào cờ
2. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu
3. Bầu chủ tịch và thư ký Hội nghị
4. Thông qua chương trình Hội nghị
5. Báo cáo của Ban Lãnh đạo Viện về tình hình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2018 và Phương hướng hoạt động năm 2019
6. Tổng hợp ý kiến góp ý cho Dự thảo Báo cáo của Hiệu trưởng tại HN CBVC Trường và Dự thảo Báo cáo của Ban Lãnh đạo Viện
7. Thảo luận
8. Phát biểu của đại biểu cấp trên
9. Bầu Đại biểu đi dự Hội nghị CBVC Trường
10. Thông qua Nghị quyết của Hội nghị
11. Bế mạc

11:00 - 13:00: Tiệc đứng tại địa điểm tổ chức Hội nghị

**BTC Hội nghị**

DỰ THẢO

**BÁO CÁO CÔNG TÁC CỦA BAN LÃNH ĐẠO VIỆN**

tại Hội nghị Cán bộ viên chức năm 2018

Thực hiện thông báo số 1018/TB-ĐHBK-HCTH, ngày 07/12/2018 của Ban chỉ đạo Hội nghị Cán bộ viên chức (CBVC) Trường ĐHBK Hà Nội năm 2018, Ban Lãnh đạo Viện Cơ khí Động lực xây dựng bản Báo cáo công tác trình bày trước Hội nghị CBVC Viện năm 2018, tổ chức vào ngày 03/01/2019 gồm các nội dung sau:

**1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ CBVC NĂM 2017****1.1. Công tác tổ chức - cán bộ và điều hành quản lý**

Viện Cơ khí Động lực hiện có 71 CBVC, trong đó 61 CBGD, 7 PVGD, 3 HCSN. Về cơ cấu độ tuổi, số lượng cán bộ thuộc độ tuổi trên 55 tuổi/từ 35 đến 55 tuổi/dưới 35 tuổi lần lượt là 11/46/14. Về học hàm, học vị, Viện hiện có 3GS, 20PGS, 27TS, 20 ThS, 1ĐH, trong đó 12 cán bộ đang học tập và nghiên cứu ở nước ngoài (Phụ lục 1, 2).

Hiệu trưởng đã ký quyết định thành lập Hội đồng Viện Cơ khí Động lực, làm tiền đề cho việc triển khai xây dựng các quy chế, quy định theo chỉ đạo của Nhà trường. Các văn bản như Định hướng phát triển chuyên môn, Quy chế Tổ chức & hoạt động đã được xây dựng, thông qua tại Viện và đang trình Hiệu trưởng phê duyệt, Phụ lục Quy chế Thu chi nội bộ của Viện đã được ban hành.

Viện nghiêm túc thực hiện việc quản lý văn bản theo ISO và phần mềm eOffice và được đánh giá cao qua các đợt kiểm tra đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài. Hệ thống quản lý, điều hành hoạt động giảng dạy, NCKH trên nền công cụ tin học đã được lãnh đạo Viện chuyển giao từ Viện CNTT&TT, và đưa vào vận hành chính thức.

Hoạt động thu hút cán bộ, chuyên gia giỏi đến Viện chỉ mới được tiến hành một cách tự phát, còn thiếu chiến lược và giải pháp lâu dài, bền vững. Cơ chế đánh giá năng lực việc làm của cán bộ chưa được triển khai do chậm kế hoạch chung của toàn trường.

**1.2. Công tác Đào tạo và công tác sinh viên**

Hiện nay, Viện có khoảng 1900 sinh viên hệ chính quy thuộc 04 ngành đào tạo ở bậc đại học gồm Kỹ thuật Cơ khí động lực, Kỹ thuật Ô tô, Kỹ thuật Hàng không, Kỹ thuật Tàu thủy, Chương trình tiên tiến Kỹ thuật Ô tô và 1 chương trình đào tạo chất lượng cao hợp tác với Pháp; 97 học viên cao học và 52 nghiên cứu sinh (Phụ lục 3). Số lượng sinh viên đại học lựa chọn các chuyên ngành đại học của toàn Viện các khóa gần đây là K63 (398 sinh viên), K62 (377 sinh viên). Tuy nhiên ngành đào tạo Kỹ thuật tàu thủy khó tuyển sinh, chỉ tuyển được 8 sinh viên K63.

Viện hoàn thành tốt các nhiệm vụ liên quan đến đào tạo đại học và sau đại học. Mặc dù số lượng học viên cao học đang có xu hướng giảm theo tình hình chung của toàn Trường nhưng quy mô đào tạo nghiên cứu sinh của Viện vẫn giữ ở mức khá cao. Các tồn đọng liên

quan đến NCS quá hạn đã và đang được Lãnh đạo Viện phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý một cách đúng hướng và hiệu quả.

Viện đã triển khai và thực hiện đúng tiến độ viết báo cáo kiểm định các chương trình đào tạo theo chuẩn AUN/QA. Chương trình “Kỹ thuật Cơ khí động lực” sẽ thực hiện kiểm định theo tiêu chuẩn AUN/QA trong năm 2019, 2 chương trình còn lại “KT. Hàng không” và “KT. Tàu thủy” dự kiến cũng sẽ thực hiện kiểm định trong các đợt tới theo lịch chung của Nhà trường.

Các chương trình đào tạo tích hợp cử nhân – thạc sĩ đang được vận hành theo đúng yêu cầu chung của Nhà trường. Năm 2018, Viện cũng đã xây dựng chương trình đào tạo tiên tiến về kỹ thuật ô tô (chương trình Elitech) và đợt tuyển sinh năm 2018 đã đạt kết quả rất tốt, vượt chỉ tiêu dự kiến.

Công tác cố vấn học tập, hỗ trợ sinh viên được thực hiện một cách thực chất hơn, nhiều giải pháp tin học hóa đã được triển khai như sử dụng mạng xã hội, trang web, thành lập câu lạc bộ hỗ trợ học tập, câu lạc bộ tiếng Anh, câu lạc bộ bóng đá, câu lạc bộ sinh viên NCKH. Công tác đón tiếp sinh viên K63 nhập Viện được thực hiện chu đáo và để lại ấn tượng, màu sắc đậm chất Cơ khí động lực. Hoạt động tuyển sinh K63 cũng được Viện thực hiện hiệu quả theo chỉ đạo chung của Nhà trường.

Viện đã phát huy tối đa khả năng hợp tác để tạo cơ hội cho sinh viên nhận học bổng từ doanh nghiệp, tham gia các khóa internship tại doanh nghiệp nước ngoài, tiếp nhận sinh viên nước ngoài thực tập, nghiên cứu tại Viện, và giới thiệu việc làm cho sinh viên, cựu sinh viên. Viện phối hợp với Học viện Công nghệ Tokyo tổ chức Chương trình giao lưu sinh viên quốc tế 2018 (AYSEAS 2018) từ ngày 29/8-8/9/2018. Chương trình có sự tham gia của 27 sinh viên đến từ Việt Nam, Nhật Bản, Philippines, Indonesia của các trường ĐH gồm ĐHBK Hà Nội, học Viện CN Tokyo, ĐH De La Salle và ĐH Philippines Diliman. Trong năm 2018 số lượng sinh viên nước ngoài đến thực tập tại Viện là 01; 45 sinh viên được nhận học bổng từ doanh nghiệp thông qua hợp tác của Viện, Hội cựu sinh viên chuyên ngành và của Trường với tổng kinh phí 366 triệu VNĐ, trong đó có 18 suất học bổng từ doanh nghiệp hợp tác trực tiếp với Viện; 01 sinh viên được nhận học bổng hỗ trợ học tập của Trường trị giá 50% giá trị của 01 năm học phí; 08 sinh viên được cử đi internship ở nước ngoài (Phụ lục 4).

CBVC của Viện hoàn thành tốt và vượt định mức khối lượng giảng dạy hàng năm (Phụ lục 5). Công tác dự giờ và đánh giá chất lượng bài giảng, bài thực hành được Viện quan tâm và phối hợp tích cực với Trung tâm Đảm bảo chất lượng. Việc phân công khối lượng đã được thực hiện một cách thống nhất, trên cơ sở cân đối khối lượng giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ trong toàn Viện, dựa trên công cụ tin học hóa.

Công tác cựu sinh viên hiện đang được thực hiện một cách rời rạc, theo chỉ đạo chung của Nhà trường. Viện đã phát triển một số kênh liên lạc với cựu sinh viên nhưng chưa mang lại hiệu quả như mong muốn.

### **1.3. Công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ**

Là một Viện được Nhà trường phân cấp tự chủ trong thực hiện các đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, các cán bộ khoa học luôn được động viên, khuyến khích, tạo điều kiện tham gia và chủ trì các công trình NCKH. Hiện cán bộ của Viện đang chủ trì 01 đề tài cấp Nhà nước, 01 đề tài Nghị định thư cấp Nhà nước với LB Nga (đang chờ phê duyệt), 07 đề tài cấp

Bộ Giáo dục, 04 đề tài Nafosted, 02 đề tài hợp tác quốc tế, 12 đề tài cấp Trường; tổng kinh phí của các đề tài NCKH là 14.873 tỷ VNĐ (Phụ lục 6).

Hoạt động hợp tác nghiên cứu, thử nghiệm chuyên giao công nghệ được duy trì và phát triển. 06 hợp đồng thử nghiệm khí thải xe máy với Công ty TNHH Piaggio Việt Nam tại PTN Động cơ đốt trong với tổng kinh phí là 3.7 tỷ VNĐ.

Năm 2018 là một năm thành công của các cán bộ của Viện về công bố khoa học. 01 bằng sáng chế được cấp bởi Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ KH-CN. 73 bài báo đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội nghị trong nước và quốc tế, trong đó có 26 bài đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISI/Scopus (Phụ lục 6.2). TS Vũ Văn Trường được vinh dự nhận Giải thưởng Nguyễn Văn Đạo của Hội Cơ học Việt Nam năm 2018. Mặc dù đây là thành tích rất nổi bật của đội ngũ cán bộ của Viện, đặc biệt là cán bộ trẻ, nhưng con số ở trên vẫn đang ở mức khiêm tốn về số lượng cán bộ chủ trì và tham gia viết bài. Trong số 26 bài báo ISI/Scopus xuất bản năm 2018, có 10 cán bộ của Viện là tác giả chính (trong đó có 2 cán bộ đang công tác ở nước ngoài), 17 cán bộ tham gia (trong đó có 3 cán bộ đã chuyển công tác).

Tháng 10/2018 Viện phối hợp với Hội Khoa học Kỹ thuật Máy thủy khí Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị Khoa học quốc tế về Máy thủy khí và Hệ thống tự động hóa với sự tham gia của nhiều nhà khoa học lớn trong và ngoài nước.

Mục tiêu xây dựng các định hướng nghiên cứu thế mạnh của toàn Viện đã được tiến hành nhưng giải pháp triển khai còn chậm nên các hoạt động nghiên cứu tại một số đơn vị còn mờ nhạt do khối lượng đào tạo lớn hoặc cán bộ chưa chủ động trong triển khai thực hiện hoạt động này.

Công tác Nghiên cứu khoa học sinh viên của Viện được đánh giá cao với khá nhiều thành tích nổi bật. Năm học 2017-2018, sinh viên của Viện đạt 1 giải Nhất đồng đội, 1 giải Nhất cá nhân, 04 giải Nhì cá nhân, 02 giải Ba cá nhân và 02 giải Khuyến khích cá nhân kỳ thi Olympic cơ học chất lỏng toàn quốc; 2 nhóm sinh viên của Viện đạt giải Nhất và giải Ba triển lãm Ngày hội sáng tạo khoa học trẻ Bách khoa 2018 trong đó đề tài đạt giải Nhất đang được đề xuất xét giải thưởng SV NCKH cấp Bộ.

#### **1.4. Quan hệ đối ngoại - Hợp tác quốc tế**

Hoạt động hợp tác quốc tế của Viện liên tục được đẩy mạnh, trong đó điển hình là những hoạt động trao đổi cán bộ nghiên cứu và thực hiện dự án hợp tác quốc tế trong mạng lưới AUN/Seed-Net, mạng lưới AOTULE, MHI, Eco-Red 2015-2018, JSPS Core-to-Core 2015-2018, ERIA Energy 2016-2018, Denso-TokyoTech. Các chuyên gia của Viện cũng tích cực tham gia trong các dự án hợp tác quốc tế và trong nước như Dự án do tổ chức hợp tác quốc tế Đức (GIZ) điều phối, dự án hợp tác với các giáo sư trường MIT.

Viện cũng luôn khuyến khích cán bộ tham dự các Hội nghị khoa học quốc tế tổ chức ở nước ngoài cũng như tổ chức đón tiếp và trao đổi về cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài. Hoạt động này có ý nghĩa quan trọng trong việc mở rộng tầm nhìn và nâng cao cơ hội hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu.

#### **1.5. Xây dựng cơ sở vật chất**

Công tác giải ngân kinh phí phân cấp tự chủ liên quan đến cơ sở vật chất, thiết bị và vật tư hóa chất được Viện chỉ đạo thực hiện kịp thời và đầy đủ theo đúng quy định của Nhà trường. Dự án hợp tác Eco-Red đã mang lại một số thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo các học phần về năng lượng tái tạo. Tổng kinh phí thiết bị của dự án mang lại là 887 triệu VNĐ (Phụ lục 7.1).



Dự án nâng cấp PTN ô tô trị giá 30 tỷ từ kinh phí của Nhà nước là một trong 2 dự án đã được Nhà trường ưu tiên thực hiện trong năm 2018. Về cơ bản, dự án đang trong quá trình hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tổng kinh phí thiết bị chính của dự án trị giá 26.7 tỷ (Phụ lục 7.2).

Năm 2019, khi dự án WB sẽ khởi công, nhiều cơ sở vật chất như phòng thí nghiệm, văn phòng sẽ bị ảnh hưởng. Phương án di dời một số văn phòng Bộ môn và phòng thí nghiệm sang nhà T đã và đang được lãnh đạo Viện và các Bộ môn tích cực thực hiện theo tiến độ và yêu cầu chung của Nhà trường.

Trang web thông tin của Viện được quan tâm cập nhật nội dung đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin cho cán bộ, sinh viên, các đối tác trong và ngoài nước. Hoạt động công bố khoa học của cán bộ được cập nhật và thông báo tới toàn thể cán bộ của Viện mỗi khi có công bố mới. Tuy nhiên một số thông tin ít hoặc chậm cập nhật như lý lịch khoa học của cán bộ, hoạt động của sinh viên, đoàn, hội...

### **1.6. Quản lý tài chính**

Viện đã triển khai nhiều hoạt động tích cực trong quản lý tài chính theo hướng minh bạch và đảm bảo đúng các quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ. Lập dự toán chi tiết theo hạn mức kinh phí được Nhà trường giao, phối hợp chặt chẽ với các phòng liên quan triển khai tốt chủ trương phân cấp quản lý tài chính.

Hoạt động giải ngân tài chính đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước do Viện là đơn vị chủ trì được thực hiện tốt, hỗ trợ kịp thời cho chủ nhiệm đề tài.

Tài chính của Viện năm 2018 được thực hiện theo 2 quy chế thu chi nội bộ: Quy chế cũ (đối với 8 tháng đầu năm) và Quy chế mới (đối với 4 tháng cuối năm). Theo quy chế thu chi nội bộ mới, các khoản kinh phí điều hành của Viện và các đơn vị sẽ không còn, các khoản chi được thực hiện theo vị trí công việc và các hoạt động.

### **1.7. Hoạt động của tổ chức Đảng, Đoàn thể, thi đua và đời sống**

Đảng bộ Viện luôn giữ vai trò lãnh đạo toàn diện mọi mặt hoạt động của Viện và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Trong năm qua, Đảng bộ Viện đã kết nạp được 03 đảng viên mới, 2 quần chúng ưu tú khác đã được Đảng ủy Viện đề nghị đảng ủy cấp trên xem xét kết nạp. Tổng số đảng viên của Viện hiện nay là 43. Đảng bộ Viện đạt tiêu chuẩn “Đảng bộ bộ phận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” (Phụ lục 9).

Công đoàn thường xuyên làm tốt các hoạt động phong trào tăng tình đoàn kết, gắn bó và hiểu biết giữa các công đoàn viên và đã đạt được các thành tích đáng khích lệ như Giải Nhất giải Bóng bàn CLB Cơ khí động lực, Giải Ba toàn đoàn giải Tennis cán bộ trẻ, Giải Nhất, Giải Ba ngày hội Sáng tạo khoa học trẻ Bách khoa, Giải Ba Giải đi bộ thể thao. Trong năm qua Công đoàn Viện là một trong những Công đoàn bộ phận xuất sắc và đã được tặng Bằng khen (Phụ lục 10). Các hoạt động hiếu hỷ, thăm hỏi các CBVC, tư thân phụ mẫu ốm đau được thực hiện một cách kịp thời; chuyến du xuân 2018 phối hợp với Công đoàn Viện Điện được tổ chức thành công.

Công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên được Đảng ủy và Lãnh đạo Viện định hướng, quan tâm và ủng hộ cả về vật chất lẫn tinh thần. Nhiều hoạt động của Liên chi đoàn, Liên chi Hội đã gặt hái được nhiều thành công, được cấp trên ghi nhận và khen thưởng (Phụ lục 11, 12). Các hoạt động đó cung cấp cho sinh viên nhiều kiến thức mềm, kiến thức xã hội, bên cạnh việc thúc đẩy phong trào học tập và rèn luyện.

Công tác thi đua, khen thưởng: Trong năm 2018, 13 CB đạt danh hiệu CSTĐ, 02 CB được đề nghị tặng CSTĐ cấp Bộ, 01 CB được đề nghị tặng Bằng khen Bộ trưởng, 01 CB được đề nghị tặng huân chương Lao động hạng 3, 01 CB được phong hàm GS và 04 CB được phong hàm PGS (Phụ lục 13).

Chăm lo đời sống CBVC: Những khoản chi cho hoạt động thăm hỏi, hiếu hỷ, chăm lo đời sống CBVC... đều do quỹ Viện đảm nhiệm. Vào dịp Tết Nguyên đán, Viện đều có phúc lợi cho CBVC. Nhiều CBVC đã tự nguyện đóng góp để ủng hộ cho các hoạt động, phong trào sinh viên và các hoạt động Công đoàn.

## **2. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019**

Phương hướng hoạt động của Viện năm 2019 được định hướng theo chủ trương chung của Nhà trường là “Đẩy mạnh áp dụng mô hình quản trị theo chiến lược và ứng dụng công nghệ thông tin, chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ, đổi mới đồng bộ để nâng cao chất lượng và hiệu quả các mặt hoạt động, tiếp tục nâng cao thu nhập cho cán bộ”. Lãnh đạo Viện tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm cho năm 2019 cụ thể như sau:

### **2.1. Nâng cao chất lượng tuyển sinh, tăng quy mô tuyển sinh sau đại học**

- Phân tích thị trường, tăng cường quảng bá và tư vấn định hướng cho các chương trình đào tạo của Viện
- Đẩy mạnh số lượng sinh viên theo chương trình Elitech, số lượng sinh viên học chương trình tích hợp cử nhân – thạc sĩ
- Lựa chọn và định hướng cho các sinh viên giỏi sớm tham gia các nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài
- Ưu tiên đề tài cấp cơ sở cho các nhóm nghiên cứu có học viên sau đại học
- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp và đối tác quốc tế.

### **2.2. Đổi mới phương pháp và công nghệ nâng cao hiệu quả dạy và học**

- Xây dựng và triển khai đề án hỗ trợ áp dụng phương pháp CDIO, ưu tiên cho ELITECH
- Tiếp tục đầu tư có hiệu quả các phòng thí nghiệm giảng dạy, tạo dựng môi trường học tập trải nghiệm
- Tăng cường cho sinh viên làm đồ án liên ngành, thực tập và làm đồ án ngoài công nghiệp
- Tăng cường hỗ trợ ứng dụng CNTT trong dạy và học, thúc đẩy khai thác sử dụng học liệu mở và triển khai Blended learning
- Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên về ngoại ngữ, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, công nghệ dạy học.

### **2.3. Cải thiện chất lượng dịch vụ hỗ trợ, nâng cao thành công của người học**

- Đổi mới sâu sắc nhận thức, thực sự coi người học là trung tâm, chủ thể của các hoạt động
- Phối hợp tốt giữa các tổ chức, đơn vị để tư vấn, hỗ trợ, tuyên truyền tới người học về mọi mặt
- Xây dựng môi trường đại học thân thiện, cởi mở, phát huy các giá trị cốt lõi
- Ứng dụng mạnh mẽ CNTT, đơn giản hóa các quy trình, thủ tục hỗ trợ người học
- Tăng cường các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng; hỗ trợ các câu lạc bộ sinh viên.

#### **2.4. Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực cho đào tạo và nghiên cứu**

- Rà soát, quy hoạch, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng và phân công lại cán bộ
- Kiểm kê toàn bộ tài sản và diện tích sử dụng, đánh giá hiệu quả khai thác tại các đơn vị
- Quy hoạch hệ thống phòng thí nghiệm, chú trọng hiệu quả trong các dự án đầu tư mới
- Thúc đẩy các hình thức hợp tác, liên minh, chia sẻ khai thác nguồn lực giữa các đơn vị
- Sử dụng hiệu quả hình thức trợ giảng, mời thỉnh giảng.

#### **2.5. Nâng cao năng lực và uy tín KHCN**

- Hoàn thiện hệ thống văn bản, hệ thống thông tin quản lý và hỗ trợ hoạt động KHCN
- Xây dựng và triển khai mạnh mẽ các chính sách thu hút, nuôi dưỡng và phát triển tài năng
- Quy hoạch, xây dựng đề án, thúc đẩy thành lập các phòng thí nghiệm nghiên cứu (Lab.)
- Đánh giá hiệu quả hoạt động, củng cố tổ chức và tăng cường hợp lực của hệ thống các đơn vị nghiên cứu
- Phát triển và chăm sóc quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế.

*Chi tiết về chi tiêu và giải pháp thực hiện được trình bày tại Phụ lục 14.*

### **3. KẾT LUẬN**

Ban lãnh đạo Viện kêu gọi toàn thể CBVC tiếp tục tăng cường đoàn kết, nhất trí, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng bộ Viện, tập trung thực hiện tốt các giải pháp trong các mảng công tác đã nêu nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả các mặt hoạt động, làm cơ sở cho việc tăng thu nhập và tạo động lực làm việc cho cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ trẻ.

Kiên định mục tiêu năng động đổi mới, phát triển bền vững trong toàn Viện; thúc đẩy các hoạt động mũi nhọn, tranh thủ mọi cơ hội và tạo mọi điều kiện tốt nhất để các cá nhân, đơn vị trong Viện cùng phát triển.

**VIỆN TRƯỞNG**

*Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2019*

## **BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ ĐÓNG GÓP CHO DỰ THẢO BÁO CÁO CỦA HIỆU TRƯỞNG TẠI HỘI NGHỊ CÁN BỘ VIÊN CHỨC TRƯỜNG NĂM 2018**

Theo thông báo số 1018/TB-ĐHBK-HCTH, ngày 07/12/2018 của Ban chỉ đạo Hội nghị Cán bộ viên chức (CBVC) Trường ĐHBK Hà Nội năm 2018, các đơn vị trong Viện Cơ khí Động lực đã tổ chức họp, thảo luận và đóng góp ý kiến cho dự thảo báo cáo của Hiệu trưởng.

Đa số các ý kiến đồng tình với những nội dung chi tiết, cụ thể của báo cáo về việc đánh giá tình hình hoạt động của Trường trong năm 2018, thực hiện 10 nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Hội nghị CBVC Trường năm 2017. Báo cáo ghi nhận những kết quả/thành tích mà Trường đã đạt được trong năm đầu tiên thực hiện tự chủ tài chính và thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2017-2025, chỉ ra những hạn chế/tồn tại, phân tích nguyên nhân trên các hoạt động như: đổi mới tổ chức và quản trị; phát triển đội ngũ cán bộ; nâng cao chất lượng đào tạo và công tác sinh viên; nâng cao chỉ số năng lực khoa học và công nghệ; xây dựng hệ thống tài chính vững mạnh; quản lý và phát triển cơ sở vật chất, hạ tầng khuôn viên; công tác truyền thông và đối ngoại. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2019 đã được cụ thể hóa phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng/Nhà nước và đáp ứng tình hình đổi mới của một Trường thực hiện cơ chế tự chủ toàn diện, quản trị theo chiến lược.

Ngoài ra, các ý kiến đóng góp tập trung vào một số nội dung cụ thể như sau:

### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ CBVC NĂM 2018**

- **Đổi mới tổ chức và quản trị, nâng cao hiệu quả bộ máy**
  - Hệ thống chỉ số hoạt động chỉ mới được xây dựng chung cho Trường nhưng chưa triển khai xuống các đơn vị và từng cán bộ. Đây là nội dung cần được chú trọng trong năm 2019 nhằm phân công công việc và đánh giá cán bộ một cách thực chất.
- **Phát triển khuôn viên, hiện đại hóa cơ sở vật chất**
  - Cần thông tin cụ thể hơn về tình hình tiến độ, vướng mắc khó khăn trong xây dựng khuôn viên 2 và bổ sung thông tin dự án xây dựng nhà C7- dự án WB (trang 4, Mục 3 Phát triển khuôn viên, hiện đại hóa cơ sở vật chất).
  - Trong mục 6 “Nâng cao hiệu quả cơ sở vật chất...” trang 20 cần cụ thể hơn kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả khai thác sử dụng cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và NCKH của Nhà trường, ví dụ: có kế hoạch và sớm triển khai xây dựng và đưa vào sử dụng các Nhà giữ xe thông minh trong khuôn viên Trường để cải thiện công tác phục vụ trông giữ xe cho CBVC và Sinh viên trong toàn Trường (khu giảng đường Nhà D, T và TC); Tu sửa nâng cấp nhà vệ sinh khu nhà T.
- **Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển hợp tác - đối ngoại**

- Trang 16, Mục 8 sửa thành mục 9

## II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

- **Đổi mới quản trị, nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý**
  - Nhà trường cần chấn chỉnh lại công tác trông giữ xe, tránh tình trạng ùn tắc, mất thời gian chờ gửi xe của sinh viên đầu giờ học ca sáng, chiều đã có cải thiện nhưng vẫn còn nhiều bất cập cần sớm được quy hoạch và triển khai đồng bộ.
  - Trường nên xem xét chế độ và điều chỉnh phù hợp cách tính lương 2 giữa các khối cán bộ, giữa các Khoa/Viện trong toàn Trường. Trong đó chú trọng đến quyền lợi của các đơn vị quản lý người học nhưng có nhiều học phần do các đơn vị chuyên môn khác phụ trách. Tỷ lệ phân bổ học phí 10% cho đơn vị quản lý người học là mức thấp và có thể dẫn tới khả năng đa ngành trong các chương trình đào tạo khó triển khai.
- **Thu hút cán bộ giỏi và tối ưu hóa sử dụng đội ngũ cán bộ**
  - Ngoài chính sách thu hút cán bộ giỏi ngoài Trường nên bổ sung thêm chính sách bồi dưỡng cho cán bộ giỏi hiện đang công tác tại Trường để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong Trường.
  - Cần có giải pháp nâng cao thu nhập và tạo môi trường thu hút cán bộ giỏi để khắc phục hiện tượng cán bộ chuyển Trường nhiều trong năm 2018 và thực hiện nhiệm vụ thu hút cán bộ trong năm 2019.
- **Nâng cao chất lượng tuyển sinh, tăng cường quy mô tuyển sinh sau đại học**
  - Cần có cơ chế khuyến khích, học bổng để thu hút học viên cao học và NCS.
  - Hoạt động giới thiệu tuyển sinh chương trình tích hợp cử nhân – thạc sĩ cần được tiến hành đồng bộ, có bộ tờ rơi/hồ sơ giới thiệu cụ thể lợi ích của việc học chương trình này thông qua tất cả các kênh và đến với sinh viên muộn nhất vào năm thứ 3.
- **Đổi mới phương pháp và công nghệ, nâng cao hiệu quả dạy và học**
  - Cần sớm đưa ra các quy chế, quy định, hướng dẫn phục vụ cho việc phát triển và triển khai hệ thống blended learning cũng như các hệ thống đào tạo trực tuyến khác thay vì chỉ hô hào các đơn vị triển khai.
- **Cải thiện chất lượng dịch vụ hỗ trợ, nâng cao thành công của người học**
  - Nhà trường đã thành lập các CLB Nghiên cứu Sáng tạo sinh viên và có kinh phí hỗ trợ hoạt động (tuy còn ít và chậm). Tuy nhiên hiện tại các CLB chưa có không gian sinh hoạt. Trường nên có chiến lược rõ ràng trong việc phát triển các CLB bao gồm cả việc bố trí không gian sinh hoạt chung cho các CLB trong Trường, đánh giá tính hiệu quả của các CLB hàng năm...
- **Nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất cho đào tạo và nghiên cứu**
  - Các nguồn lực cơ sở vật chất dùng chung cần được thông báo rộng rãi đến cán bộ toàn trường kèm theo các quy định trong việc sử dụng, khai thác, bảo trì bảo dưỡng cơ sở vật chất dùng chung.
  - Trường cần đưa ra quy định/quy chế về việc thành lập các Lab/Nhóm nghiên cứu trong đó quy định rõ các quy định về việc sử dụng điện tích, điện/nước... để làm cơ sở cho các nhóm nghiên cứu viết các đề án.

▪ **Nâng cao năng lực và uy tín KHCN**

- Nhà trường cần sớm xây dựng Quy chế sử dụng tài sản trong đó quy định rõ về khấu hao thiết bị, chi phí sử dụng các tài sản dùng chung... phục vụ cho các hoạt động hợp tác giữa các đơn vị trong và ngoài trường.
- Hoạt động chuyển giao công nghệ cần có định hướng và giải pháp, có đơn vị chức năng phụ trách để nâng cao tính hiệu quả, tạo điều kiện và khuyến khích cán bộ.

▪ **Các góp ý khác**

- Việc tính chi phí sử dụng cơ sở vật chất trong nguồn kinh phí phân cấp cho các đơn vị là một cách làm thông minh và nâng cao hiệu năng sử dụng cơ sở vật chất. Tuy nhiên, Nhà trường cần để ý tới các đơn vị đặc thù về trang thiết bị, cần diện tích lớn phục vụ các hoạt động thí nghiệm, thực hành. Nếu trường hợp các đơn vị dồn ghép thiết bị để giảm diện tích thì công năng sử dụng có thể không được đảm bảo.
- Nên tách bảng biểu ra phần phụ lục để giảm độ dày của báo cáo. Ngoài ra, báo cáo còn một số lỗi chính tả, đánh máy.

**KẾT LUẬN**

Trên đây là toàn bộ ý kiến của CBVC Viện Cơ khí Động lực đóng góp cho bản Dự thảo Báo cáo của Hiệu trưởng tại hội nghị CBVC năm 2018. Hy vọng rằng những ý kiến này sẽ góp phần tạo nên những thành công vượt trội của Nhà trường trong năm 2019.

**BAN TỔ CHỨC HỘI NGHỊ**



*Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2019*

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ  
ĐÓNG GÓP CHO DỰ THẢO BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO VIỆN  
TẠI HỘI NGHỊ CÁN BỘ VIÊN CHỨC VIỆN NĂM 2018**

Theo thông báo số 1018/TB-ĐHBK-HCTH, ngày 07/12/2018 của Ban chỉ đạo Hội nghị Cán bộ viên chức (CBVC) Trường ĐHBK Hà Nội năm 2018, các đơn vị trong Viện Cơ khí Động lực đã tổ chức họp, thảo luận và đóng góp ý kiến cho dự thảo báo cáo của BLĐ Viện tại hội nghị CBVC Viện năm 2018.

Đa số các ý kiến đồng tình với những nội dung chi tiết, cụ thể của báo cáo về việc đánh giá tình hình hoạt động của Viện năm 2018, thực hiện Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện năm 2017: ghi nhận những thành tích, công tác đã làm tốt và chưa làm tốt trong tổ chức - cán bộ và điều hành quản lý, đào tạo và công tác sinh viên, nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ (CGCN), quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất - trang thiết bị, quản lý tài chính, công tác đoàn thể - phong trào - thi đua và đời sống... Các kết quả đạt được của Viện trong năm 2018 là khá toàn diện, là sự nỗ lực lớn của Lãnh đạo Viện và tập thể cán bộ viên chức. Vai trò của Viện đối với hoạt động trong Trường được đánh giá cao. CBVC hoàn toàn tin tưởng vào nội dung phương hướng hoạt động của Viện trong năm 2019.

Ngoài ra, các ý kiến đóng góp tập trung vào một số nội dung cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ CBVC VIỆN NĂM 2017**

▪ **Công tác tổ chức - cán bộ và quản lý điều hành**

- Viện nên có cơ chế, chính sách hỗ trợ cũng như khuyến khích các đơn vị thực hiện tốt các nội dung công việc. Khuyến khích các đơn vị phát huy điểm mạnh của mình, tránh tình trạng cào bằng, san đều vì như vậy sẽ làm mất động lực của các đơn vị.

- Viện cũng nên có chính sách khuyến khích thu hút nhân tài từ bên ngoài về. Bên cạnh đó, cũng cần có chính sách bồi dưỡng tạo điều kiện tốt hơn cho cán bộ hiện nay của Viện đặc biệt là các cán bộ trẻ.

▪ **Công tác Đào tạo và công tác sinh viên**

- Cần đổi mới công tác quản lý lớp sinh viên để công việc hiệu quả hơn, giảm tình trạng sinh viên bị nhận các hình thức kỷ luật theo quy chế.

- Bổ sung thông tin về quỹ học bổng của Hội cựu sinh viên cho SV Viện, cụ thể: “45 sinh viên được nhận học bổng từ doanh nghiệp, Hội cựu sinh viên chuyên ngành thông qua hợp tác của Viện và của Trường với tổng kinh phí 366 triệu VNĐ”.



▪ **Hoạt động của tổ chức Đảng, Đoàn thể, thi đua và đời sống**

- Phần chăm lo đời sống CBVC, nên bổ sung thông tin chuyên du xuân đầu năm 2018 do Chính quyền và Công đoàn Viện đã tổ chức thành công, cũng như đề cập đến kế hoạch dự kiến năm tới.

▪ **Góp ý khác**

- Viện nên bổ sung đánh giá nội dung kế hoạch đã thực hiện theo kế hoạch của năm 2018, nếu đã hoàn thành hết các mục tiêu đề ra thì cũng nên có nhận định vào báo cáo, đưa ra các giải pháp khắc phục những tồn tại để làm phương hướng thực hiện cho năm 2019.

**II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019**

▪ **Nâng cao chất lượng tuyển sinh, tăng quy mô tuyển sinh sau đại học**

- Bổ sung nội dung đổi mới/hiệu chỉnh Chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu, định hướng việc làm của xã hội, đáp ứng quy mô tuyển sinh năm 2019.

▪ **Đổi mới phương pháp và công nghệ nâng cao hiệu quả dạy và học**

- Kiến nghị Viện trích một khoản kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị cấp 3 trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học sinh viên.

▪ **Nâng cao năng lực và uy tín KHCN**

- Cán bộ trẻ của Viện muốn thành lập Lab và các nhóm nghiên cứu thì Viện có các chính sách hỗ trợ về diện tích không? Nên có phòng riêng cho các Giáo sư.

▪ **Góp ý khác**

- Viện xem xét điều chỉnh lương 2 đối với những trường hợp lương quá thấp (đặc biệt khối phục vụ giảng dạy) do yếu tố khách quan về giờ giảng dạy giao kết thấp, đề động viên toàn thể CBVC của Viện.

**III. KẾT LUẬN**

Trên đây là toàn bộ tổng hợp ý kiến của CBVC Viện Cơ khí Động lực đóng góp cho bản Báo cáo của BLĐ Viện tại hội nghị CBVC năm 2018.

**BAN TỔ CHỨC HỘI NGHỊ**

**BẢN ĐĂNG KÝ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2019**

| Nhiệm vụ, giải pháp, hoạt động  | Thời gian triển khai | Mục tiêu   | Chỉ tiêu, kết quả dự kiến  | Kiến nghị  | Khả năng, cách thức triển khai   |
|---|----------------------|--|--|--|--|
| <b>1. Nâng cao chất lượng tuyển sinh, tăng quy mô tuyển sinh sau đại học</b>  | 1-12/2019            | Tăng quy mô tuyển sinh sau đại học.  | Số hv cao học và NCS tuyển mới tăng 5% - 10%.                              |  | Lớp cao học Ô tô - Ninh bình   |
|   |                      | Tăng tỉ lệ thí sinh điểm cao vào ngành/trường.   | Điểm tuyển sinh đầu vào bằng hoặc cao hơn năm trước.                       |  | Tăng cường hoạt động truyền thông tuyển sinh   |
| 1.1. Phân tích thị trường, tăng cường quảng bá và tư vấn định hướng mục tiêu  |                      |  |  |  |  |
| 1.1.1. Phân tích số liệu học viên, nghiên cứu sinh  | 4/2019               | Xác định nhóm đối tượng tiềm năng (ngành nghề lĩnh vực) trong vòng 5 năm.  | Đưa ra bảng thống kê theo nhóm đối tượng.                                  | Phòng đào tạo hỗ trợ số liệu.  | Bảng thống kê từ dữ liệu Phòng ĐT  |
| 1.1.2. Phân tích nguyên nhân số lượng học viên giảm   | 4/2019               | Xác định nguyên nhân để đề xuất giải pháp.   | Đưa ra được giải pháp nâng cao số lượng học viên.                          |  |  |
| 1.1.3 Đẩy mạnh hoạt động quảng bá và tư vấn (Đội ngũ giảng viên, website, fanpage, mạng lưới cựu sinh viên, quảng cáo, ngày hội tư vấn, hướng nghiệp) | 4/2019               | Tăng cường truyền thông nâng cao hình ảnh, tính hiệu quả các ngành đào tạo.  | Đưa được thông tin tới người có nhu cầu đặc biệt nhóm đối tượng tiềm năng. | Tập trung vào nhóm đối tượng học tích hợp và nhóm ưu tiên cao trong mục 1.1.1. | Tăng cường hoạt động truyền thông tuyển sinh, thiết kế bổ sung nội dung tờ rơi quảng bá các chương trình đào tạo.  |
| 1.2. Đẩy mạnh số lượng sinh viên theo chương trình Elitech  |                      |  |  |  | Quảng bá các chương trình Elitech thông qua số liệu thống kê tích cực từ chương trình CLC HK   |
| 1.2.1. Đẩy mạnh hoạt động quảng bá và tư vấn  | 6/2019               | Tăng cường truyền thông nâng cao hình ảnh, tính hiệu quả các ngành đào tạo. Đưa được thông tin tới người có nhu cầu. | Số lượng tuyển sinh tăng 20% so với năm trước.                             | Phối hợp với phòng tuyển sinh  | Truyền thông qua kênh của nhà trường, Ph. Tuyển sinh.<br>Truyền thông qua kênh của Viện<br>Truyền thông qua các phương tiện media công cộng (báo điện tử)<br>Truyền thông qua mạng lưới cựu SV |
| 1.2.2. Xây dựng các đồ án tốt nghiệp ở bậc đại học theo hướng có thể phát triển tiếp tục thành đề tài cao học   | 6/2019               | Hình thành động lực cho SV tiếp tục theo học chương trình cao học.   | 70% số đề tài cao học được phát triển từ đồ án tốt nghiệp.                 |  | Phổ biến tinh thần tới cán bộ các Bm, đặc biệt những Bm nhiều học viên SDH tiềm năng.  |

|  |           |  |  |  |  |
|--|-----------|--|--|--|--|
| 1.3. Lựa chọn và định hướng cho các sinh viên giỏi sớm tham gia các nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài     | 1-12/2019 | Tuyển chọn được các SV giỏi, có đam mê NCKH vào các nhóm thực hiện đề tài.         | 10% sinh viên có đề tài tốt nghiệp gắn với đề tài NC của giảng viên.                   |  | Phổ biến tới các Bộ môn , triển khai tại từng bộ môn |
| 1.3.1. Triển khai các hoạt động SV NCKH  | 1-12/2019 | Tạo cơ hội cho SV tiếp xúc dần với hoạt động NCKH.                                 | 25% sinh viên năm 4, 5 tham gia NCKH.  |  | Phổ biến tới các Bộ môn , triển khai tại từng bộ môn |
| 1.3.2. Phân thầy hướng dẫn cho sinh viên năm 2   | 11/2019   | Sớm định hướng cho SV.   | 100% SV được phân thầy hướng dẫn từ năm 2.   |  | Thực hiện như những năm trước                        |
| 1.4. Ưu tiên đề tài cấp cơ sở cho các nhóm nghiên cứu có học viên sau đại học                            | 8/2019    | Khuyến khích học viên SĐH tham gia nhóm Nghiên cứu.                                | 30% đề tài cấp cơ sở có hỗ trợ học viên SĐH.   |  | Áp dụng trong xét duyệt đề tài cơ sở tại Viện        |
| 1.5. Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp và đối tác quốc tế  |           |  |  |  |  |
| 1.5.1. Đào tạo theo địa chỉ, lớp mở riêng cho doanh nghiệp   | 1-12/2019 | Đào tạo lớp mở cho Doanh nghiệp.   | Mở 01 lớp đào tạo theo đặt hàng của đối tác.   | Phối hợp với viện ĐTLT, Phòng Đào tạo, Phòng Tuyển sinh. |  |
| 1.5.2. Hội thảo phát triển chương trình đào tạo và cung cấp nhân lực                                     | 1-12/2019 | Phát triển chương trình đào tạo và cung cấp nhân lực.                              | Phối hợp tổ chức ít nhất 01 hội thảo.  |  | Tổ chức cho Nhật bản                                 |
| 1.5.2. Khuyến khích các hình thức internship   | 1-12/2019 | Tăng số lượng SV đi internship trong và ngoài nước.                                | Phối hợp tổ chức cho 02-03 đoàn SV internship có học bổng.                             |  | Internship hàng năm                                  |
| <b>2. Đổi mới phương pháp và công nghệ nâng cao hiệu quả dạy và học</b>                                  |           |  |  |  |  |
| 2.1. Xây dựng và triển khai đề án hỗ trợ áp dụng phương pháp CDIO, ưu tiên cho ELITECH                   |           |  |  |  |  |
| 2.1.1. Tiến hành kiểm định các CTĐT như đã đăng ký   | 7/2019    | Đạt kiểm định CTĐT   | Tối thiểu đạt 4.5  | Cần sự hỗ trợ của Nhà trường và các đơn vị chức năng     | Kiểm định CT CKĐL                                    |
| 2.1.2. Hoàn thiện các CTĐT 2017 đặc biệt là Chương trình Elitech   | 4/2019    | Hoàn thiện CTĐT Kỹ thuật Ô tô, Cơ khí động lực, Tiên tiến Kỹ thuật ô tô.           | - Được Hội đồng KHĐT thông qua.<br>- Ký kết ít nhất 01 hợp tác với đối tác nước ngoài. |  | Hợp tác đào tạo với Nagoya Univerisity               |
| 2.2. Tiếp tục đầu tư có hiệu quả các phòng thí nghiệm giảng dạy, tạo dựng môi trường học tập trải nghiệm |           |  |  |  |  |
| 2.2.1. Rà soát, quy hoạch các PTN phục vụ đào tạo, bám sát CTĐT 2017                                     | 6/2019    | Đánh giá thực trạng, đề xuất đầu tư các PTN. Đảm bảo đáp ứng yêu cầu CDR của CTĐT. | Bản quy hoạch chi tiết các phòng thí nghiệm theo yêu cầu của CTĐT 2017.                |  | Đã có ý tưởng thực hiện tổng hợp từ các Bộ môn       |

|  |           |   |   |  |  |
|--|-----------|---|---|--|--|
| 2.2.2. Xây dựng đề án các PTN cơ sở, cơ bản bám sát CTĐT 2017  | 12/2019   | Đề án chi tiết các PTN chuẩn.   | Danh mục, yêu cầu cụ thể của các phòng thí nghiệm chuẩn đáp ứng theo yêu cầu của CTĐT 2017.   | Nhà trường có lộ trình cụ thể và sớm triển khai di dời khu C7, C8 để Viện ổn định và quy hoạch các PTN hợp lý theo yêu cầu của CTĐT. |  |
| 2.2.3. Tiếp nhận và triển khai Dự án nâng cao năng lực PTN ô tô  | 6/2019    | Tiếp nhận và đưa PTN vào hoạt động.   | - Làm chủ vận hành, khai thác thiết bị.<br>- Phục vụ thực hành, TN cho 3-5 học phần.  | Kiến nghị Nhà trường hỗ trợ hoàn thành Dự án theo đúng tiến độ.  | Phòng thí nghiệm Ô tô đã được phê duyệt. Lập bài thí nghiệm cho các học phần sử dụng PTN này                                       |
| 2.3. Tăng cường cho sinh viên làm đồ án liên ngành, thực tập và làm đồ án ngoài công nghiệp  |           |   |   |  |  |
| 2.3.1. Tăng cường trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp nhằm nắm bắt nhu cầu doanh nghiệp để triển khai cho sinh viên làm đồ án giải quyết các vấn đề cụ thể của doanh nghiệp | 1-12/2019 | Hiểu, nắm rõ nhu cầu doanh nghiệp.  | Số lượng đề tài giải quyết vấn đề của doanh nghiệp: 5%-10%.   |  |  |
| 2.4. Tăng cường hỗ trợ ứng dụng CNTT trong dạy và học, thúc đẩy khai thác sử dụng học liệu mở và triển khai Blended learning.  | 1-12/2019 | Tăng cường ứng dụng CNTT trong dạy và học.                                  | - Vận hành 01 học phần sử dụng B-learning.<br>- Xây dựng mới 01 học phần B-Learning.  |  | - Vận hành học phần TE3600<br>- Xây dựng 01 học phần trong chương trình KT Ô tô<br>- Soạn thảo bản hướng dẫn sử dụng phần mềm qltd |
| 2.5. Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên về ngoại ngữ, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, công nghệ dạy học  | 1-12/2019 | Đào tạo bồi dưỡng giảng viên.   | - Tổ chức 01 khóa đào tạo cho cán bộ sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo.<br>- Tổ chức 01 khóa đào tạo viết đề cương chi tiết theo CDIO.   |  |  |
| <b>3. Cải thiện chất lượng dịch vụ hỗ trợ, nâng cao thành công của người học</b>   |           |   |   |  |  |
| 3.1. Đổi mới sâu sắc nhận thức, thực sự coi người học là trung tâm, chủ thể của các hoạt động  | 1-12/2019 | Cải thiện thái độ phục vụ của các cán bộ liên quan trực tiếp tới người học. | - Hơn 80% người học hài lòng về chất lượng dịch vụ căn cứ trên khảo sát của Phòng QLCL.<br>- 100% yêu cầu bằng văn bản của sinh viên được giải quyết đúng hạn và đúng quy định.   |  |  |
| 3.2. Phối hợp tốt giữa các tổ chức, đơn vị để tư vấn, hỗ trợ, tuyên truyền tới người học về mọi mặt  | 1-12/2019 | Nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ sinh viên.                               | - 100% câu hỏi của sinh viên được giải đáp.<br>- Xây dựng và vận hành 1 kênh giao tiếp hiệu quả cho công tác cố vấn học tập và quản lý lớp.<br>- Tổ chức 1-2 hội thảo giữa Lãnh đạo Viện, Cố vấn học tập, Quản lý lớp với SV. |  | - Tổ chức kênh giao tiếp online<br>- Tổ chức tiếp xúc với SV trước mỗi kỳ  |

|  |           |  |   |   |  |
|--|-----------|--|---|---|--|
| 3.3. Xây dựng môi trường đại học thân thiện, cởi mở, phát huy các giá trị cốt lõi.                                   | 1-12/2019 | Xây dựng môi trường khuyến khích sinh viên học tập, NCKH.  | - Hơn 80% người học hài lòng về chất lượng dịch vụ căn cứ trên khảo sát của Phòng QLCL.<br>- 100% SV Ban chấp hành LCD, LCH tham gia công tác hỗ trợ học tập.<br>- Kiện toàn CLB học tập. | Phát triển các kênh phản hồi về các vấn đề mà người học quan tâm. | - Yêu cầu ban chấp hành LCD SV tham gia các hoạt động hỗ trợ                           |
| 3.4. Ứng dụng mạnh mẽ CNTT, đơn giản hóa các quy trình, thủ tục hỗ trợ người học                                     | 1-12/2019 | Ứng dụng phần mềm QLĐT để người học đăng ký dịch vụ online, hạn chế đi lại nhiều.  | -100% sinh viên biết sử dụng phần mềm QLĐT.<br>- 50% Sinh viên đăng ký các dịch vụ hỗ trợ theo form biểu online.  |   | Soạn thảo hướng dẫn sử dụng phần mềm và triển khai tới toàn bộ SV                      |
| 3.5. Tăng cường các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng; hỗ trợ các câu lạc bộ sinh viên                            | 1-12/2019 | - Phối hợp tổ chức các khóa học về kỹ năng mềm, tiếng Anh... cho sinh viên.<br>- Rà soát tính hiệu quả của các CLB sinh viên đang hoạt động.   | Tổ chức 3-4 Câu lạc bộ SV hoạt động hiệu quả.   |   | - 02 Câu lạc bộ mô hình<br>- 01 Câu lạc bộ tiếng anh<br>- 01 Câu lạc bộ hỗ trợ học tập |
| <b>4. Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực cho đào tạo và nghiên cứu</b>  |           |  |   |   |  |
| 4.1. Rà soát, quy hoạch, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng và phân công lại cán bộ   | 7/2019    | - Hoàn thành công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài theo nhiệm kỳ mới của Viện trưởng<br>- Thực hiện quy trình bổ nhiệm mới Trưởng BM MTK thay PGS Trương Việt Anh (chuyển sang làm Trưởng phòng QLCL)<br>- Bổ sung nhân sự phó trưởng BM ĐCĐT (thay thế cho PGS Trần Quang Vinh đã chuyển công tác) | - Nhân sự quản lý Viện nhiệm kỳ 2019-2024<br>- Nhân sự quản lý BM MTK<br>- Phó Trưởng BM ĐCĐT.  |   |  |
| 4.2. Kiểm kê toàn bộ tài sản và diện tích sử dụng, đánh giá hiệu quả khai thác tại các đơn vị.                       | 6/2019    | - Kiểm kê tài sản, diện tích.<br>- Đánh giá hiệu quả.  | Bảng báo cáo.   |   | Thực hiện kiểm kê định kỳ hàng năm   |
| 4.3. Quy hoạch hệ thống phòng thí nghiệm, chú trọng hiệu quả trong các dự án đầu tư mới (đặc biệt trong dự án SAHEP) | 12/2019   | Quy hoạch chi tiết các PTN.  | Bản quy hoạch chi tiết các phòng thí nghiệm.  |   |  |
| 4.4. Thúc đẩy các hình thức hợp tác, liên minh, chia sẻ khai thác nguồn lực giữa các đơn vị.                         | 12/2019   | Tăng cường hợp tác chia sẻ nguồn lực.  | Bản quy định, quy chế hợp tác dựa theo các Quy định, quy chế của Nhà trường.  | Trường cần có văn bản khung hướng dẫn.                            | Hợp tác với Viện Điện, Viện ĐTVT   |

|  |           |   |  |  |   |
|--|-----------|---|--|--|---|
| 4.5. Sử dụng hiệu quả hình thức trợ giảng, mời thỉnh giảng.  | 1-12/2019 | Nâng cao chất lượng đào tạo, số lượng học viên sau đại học. | - Mời 1-2 GS nước ngoài giảng dạy cho chương trình Elitech.<br>- Mời 1-2 GS ngoài trường tham gia đồng HD SDH. | Trường cần có chính sách và hướng dẫn cụ thể, hỗ trợ (tài chính, thủ tục, ...) và khuyến khích các đơn vị mời giảng đặc biệt cho CTĐT Elitech. | Mời GS Pháp giảng dạy cho CLC HK<br>Mời SG Nhật giảng dạy cho CT TT KTOTO |
| <b>5. Nâng cao năng lực và uy tín KHCN</b>   |           |   |  |  |   |
| 5.1. Hoàn thiện hệ thống văn bản, hệ thống thông tin quản lý và hỗ trợ hoạt động KHCN                      | 1-12/2019 | Tin học hóa dữ liệu KHCN.                                   | Lưu trữ 100% ấn phẩm NCKH trên cloud.  |  | Kê khai và lưu trữ dữ liệu NCKH trên hệ thống như năm trước               |
| 5.2. Xây dựng và triển khai mạnh mẽ các chính sách thu hút, nuôi dưỡng và phát triển tài năng              | 1-12/2019 | Thu hút, khuyến khích tài năng.                             | Xếp hạng năng lực NC theo Knc và đề xuất khen thưởng.  |  |   |
| 5.3. Quy hoạch, xây dựng đề án, thúc đẩy thành lập các phòng thí nghiệm nghiên cứu (Lab.)                  | 1-12/2019 | Thúc đẩy thành lập các PTN nghiên cứu.                      | - Bản quy hoạch các PTN nghiên cứu<br>- Đề xuất 1-2 PTN nghiên cứu   |  |   |
| 5.4. Đánh giá hiệu quả hoạt động, củng cố tổ chức và tăng cường hợp lực của hệ thống các đơn vị nghiên cứu | 1-12/2019 | Đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị nghiên cứu.      | Báo cáo kết quả hoạt động KHCN của các tổ chức và cá nhân trực thuộc.  |  |   |
| 5.5. Phát triển và chăm sóc quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế.                                       | 1-12/2019 | Phát triển quan hệ hợp tác với đối tác quốc tế.             | Ký mới 1-2 MOU với đối tác nước ngoài.   |  | MOU với NB  |

**Phụ lục 8. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

|            | <b>Hạng mục</b>  | <b>Năm 2016</b>           | <b>Năm 2017</b>           | <b>Năm 2018</b>           |
|------------|--|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>THU</b> | Số dư đầu kỳ   | <b>245.660.128</b>        | <b>247.893.632</b>        | <b>251.086.582</b>        |
|            | 1. Trích từ điều hành (Viện, SĐH, KP tự chủ)                                 | 127.305.584               | 141.835.750               | 30.483.000                |
|            | 2. Hợp đồng, đề tài  | 55.872.000                | 194.670.000               | 293.974.900               |
|            | 3. Tài trợ/biếu tặng cho các hoạt động 60 năm thành lập trường               | 232.000.000               | -                         | -                         |
|            | 4. Học bổng, hỗ trợ sinh viên  | -                         | 84.000.000                | 50.000.000                |
|            | 5. Thu khác  | 126.444.000               | 36.311.000                | 54.040.000                |
|            | <b><u>Tổng số</u></b>  | <b>787.281.712</b>        | <b>704.710.382</b>        | <b>679.584.482</b>        |
| <b>CHI</b> | 1. Văn phòng (Tel, Fax, Vpp, nước, đồ dùng, thiết bị, vệ sinh, sửa chữa,...) | 13.113.000                | 18.452.600                | 20,334,000                |
|            | 2. Phúc lợi  | 198.782.000               | 192.124.000               | 222,525,000               |
|            | 3. Hiếu hỷ, thăm hỏi, ốm đau, hưu, ....                                      | 7.261.000                 | 7.258.000                 | 6,300,000                 |
|            | 4. Hỗ trợ các đoàn thể, phong trào, sinh viên,...                            | 97.254.000                | 80.045.000                | 35,263,000                |
|            | 5. Đối ngoại   | 9.100.000                 | 31.326.000                | 25,596,000                |
|            | 6. Chi phí cho các hoạt động 60 năm thành lập Trường                         | 145.765.000               | -                         | -                         |
|            | 7. Học bổng, hỗ trợ sinh viên  | -                         | 120.000.000               | 50.000.000                |
|            | 8. Chi khác  | 68.113.080                | 4.418.200                 | 29.768.000                |
|            |  | <b><u>Tổng số</u></b>     | <b>539.388.080</b>        | <b>453.623.800</b>        |
| <b>TỔN</b> | <b>Kinh phí tính đến ngày 28/12</b>  | <b><u>247.893.632</u></b> | <b><u>251.086.582</u></b> | <b><u>289.798.482</u></b> |

**Phụ lục 1. Tình hình đội ngũ Cán bộ viên chức Viện (Tính từ 01/2017 - 12/2018)**

| TT       | Năm                       | Tổng số CBVC<br>(trong biên chế + HĐ) |              |          | Giải quyết chế độ<br>(hưu, chuyển đi, mất) |              |          | Tuyển mới<br>(bao gồm cả chuyển đến) |              |          | Hợp đồng<br>(với Viện) |          |
|----------|---------------------------|---------------------------------------|--------------|----------|--|--------------|----------|--------------------------------------|--------------|----------|------------------------|----------|
|          |                           | CBGD                                  | PVGD<br>NCKH | HCSN     | CBGD                                       | PVGD<br>NCKH | HCSN     | CBGD                                 | PVGD<br>NCKH | HCSN     | Dài hạn                | Ngắn hạn |
| <b>1</b> | <b>2018</b>               | <b>61</b>                             | <b>7</b>     | <b>3</b> | <b>3</b>                                   | <b>1</b>     |          | <b>1</b>                             |              |          |                        |          |
|          | - BM Ôtô & Xe chuyên dụng | 13                                    | 2            |          | 1  |              |          |                                      |              |          |                        |          |
|          | - BM Động cơ đốt trong    | 12                                    |              |          | 2  |              |          |                                      |              |          |                        |          |
|          | - BM Máy & TĐTK           | 12                                    | 1            |          |  |              |          |                                      |              |          |                        |          |
|          | - BM KTTK & Tàu thủy      | 12                                    | 2            |          |  |              |          |                                      |              |          |                        |          |
|          | - BM KT Hàng không & VT   | 12                                    | 1            |          |  |              |          | 1                                    |              |          |                        |          |
|          | - PTN Động cơ đốt trong   |                                       | 1            |          |  | 1            |          |                                      |              |          |                        |          |
|          | - VP Viện Cơ khí Động lực |                                       |              | 3        |  |              |          |                                      |              |          |                        |          |
| <b>2</b> | <b>2017</b>               | <b>62</b>                             | <b>9</b>     | <b>3</b> | <b>3</b>                                   | <b>1</b>     | <b>2</b> | <b>1</b>                             |              | <b>1</b> |                        |          |
|          | - BM Ôtô & Xe chuyên dụng | 14                                    | 2            |          |  |              |          | 1                                    |              |          |                        |          |
|          | - BM Động cơ đốt trong    | 14                                    |              |          |  |              |          |                                      |              |          |                        |          |
|          | - BM Máy & TĐTK           | 12                                    | 1            |          | 1  |              |          |                                      |              |          |                        |          |
|          | - BM KTTK & Tàu thủy      | 12                                    | 2            |          |  |              |          |                                      |              |          |                        |          |
|          | - BM KT Hàng không & VT   | 10                                    | 2            |          | 2  |              |          |                                      |              |          |                        |          |
|          | - PTN Động cơ đốt trong   |                                       | 2            |          |  | 1            |          |                                      |              |          |                        |          |
|          | - VP Viện Cơ khí Động lực |                                       |              | 3        |  |              | 2        |                                      |              | 1        |                        |          |



**Phụ lục 2. Phân bố độ tuổi và tình hình bồi dưỡng Cán bộ**

| TT       | Năm                       | Phân bố độ tuổi |           |           | Học vị    |           |          | Học hàm  |           | Cán bộ trẻ đang được đào tạo |    |            |    |
|----------|---------------------------|-----------------|-----------|-----------|-----------|-----------|----------|----------|-----------|------------------------------|----|------------|----|
|          |                           | >55             | 35 - 55   | <35       | TS        | ThS       | ĐH       | GS       | PGS       | Nước ngoài                   |    | Trong nước |    |
|          |                           |                 |           |           |           |           |          |          |           | NCS                          | CH | NCS        | CH |
| <b>1</b> | <b>2018</b>               | <b>11</b>       | <b>46</b> | <b>14</b> | <b>27</b> | <b>20</b> | <b>1</b> | <b>3</b> | <b>20</b> | <b>12</b>                    |    | <b>3</b>   |    |
|          | - BM Ôtô & Xe chuyên dụng | 3               | 9         | 3         | 4         | 6         |          |          | 5         | 2                            |    | 1          |    |
|          | - BM Động cơ đốt trong    | 2               | 8         | 2         | 3         | 4         |          | 2        | 3         | 2                            |    | 1          |    |
|          | - BM Máy & TĐTK           | 4               | 5         | 4         | 6         | 2         |          | 1        | 4         | 1                            |    | 1          |    |
|          | - BM KTTK & Tàu thủy      | 2               | 11        | 1         | 6         | 2         |          |          | 6         | 2                            |    |            |    |
|          | - BM KTHK & VT            |                 | 10        | 3         | 7         | 4         |          |          | 2         | 4                            |    |            |    |
|          | - PTN Động cơ đốt trong   |                 |           | 1         | 1         |           |          |          |           | 1                            |    |            |    |
|          | - VP Viện Cơ khí Động lực |                 | 3         |           |           | 2         | 1        |          |           |                              |    |            |    |
| <b>2</b> | <b>2017</b>               | <b>12</b>       | <b>40</b> | <b>21</b> | <b>29</b> | <b>20</b> | <b>2</b> | <b>2</b> | <b>20</b> | <b>11</b>                    |    | <b>4</b>   |    |
|          | - BM Ôtô & Xe chuyên dụng | 4               | 9         | 3         | 5         | 7         |          |          | 4         | 2                            |    | 2          |    |
|          | - BM Động cơ đốt trong    | 2               | 9         | 3         | 3         | 4         |          | 1        | 6         | 1                            |    | 1          |    |
|          | - BM Máy & TĐTK           | 4               | 3         | 6         | 6         | 2         |          | 1        | 4         | 1                            |    | 1          |    |
|          | - BM KTTK & Tàu thủy      | 2               | 10        | 2         | 7         | 1         | 1        |          | 5         | 2                            |    |            |    |
|          | - BM KTHK & VT            |                 | 7         | 5         | 7         | 4         |          |          | 1         | 4                            |    |            |    |
|          | - PTN Động cơ đốt trong   |                 |           | 1         | 1         |           |          |          |           | 1                            |    |            |    |
|          | - VP Viện Cơ khí Động lực |                 | 2         | 1         |           | 2         | 1        |          |           |                              |    |            |    |

**Phụ lục 3. Quy mô đào tạo Hệ đại học và Sau đại học**

| <b>Năm học</b>   | <b>Quy mô</b> | <b>Tổng</b> | <b>NCS</b> | <b>CH</b> | <b>ĐHCQ</b>   |
|------------------|---------------|-------------|------------|-----------|---------------|
| <b>2015-2016</b> | Tổng số       | 1415        | 57         | 109       | 1249          |
|                  | Tuyển mới     | 440         | 12         | 50        | 378           |
|                  | Tốt nghiệp    | 191         | 6          | 33        | 152           |
| <b>2016-2017</b> | Tổng số       | 1609        | 56         | 124       | 1429          |
|                  | Tuyển mới     | 394         | 7          | 48        | 339           |
|                  | Tốt nghiệp    | 265         | 11         | 42        | 212           |
| <b>2017-2018</b> | Tổng số       | 2024        | 52         | 97        | 1875          |
|                  | Tuyển mới     | 698         | 9          | 31        | 658 (K61+K62) |
|                  | Tốt nghiệp    | 324         | 8          | 22        | 294           |

**Phụ lục 3.1 Số sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh hiện tại theo năm nhập học**

| <b>Năm nhập học</b> | <b>ĐHCQ</b> | <b>CH</b> | <b>NCS</b> |
|---------------------|-------------|-----------|------------|
| <b>2018</b>         | 398         | 28        | 1          |
| <b>2017</b>         | 377         | 51        | 9          |
| <b>2016</b>         | 339         | 40        | 7          |
| <b>2015</b>         | 378         | 38        | 12         |
| <b>2014</b>         | 381         | 30        | 11         |
| <b>2013</b>         | 306         | 38        | 8          |
| <b>2012</b>         | 308         | 115       | 9          |
| <b>2011</b>         | 234         | 126       | 8          |

#### Phụ lục 4. Học bổng tài trợ cho Sinh viên 2018

##### 4.1. Từ Doanh nghiệp thông qua hợp tác của Viện

| STT                      | Đơn vị tài trợ  | Số lượng         | Số tiền         | Ghi chú  |
|--------------------------|---|------------------|-----------------|----------|
| 1                        | Công ty Cổ phần dầu nhớt và hóa chất Việt Nam (Motul) | 05               | 5.000.000 (VNĐ) | Hàng năm |
| 2                        | Công ty cổ phần Tập đoàn FLC                          | 05               | 5.000.000 (VNĐ) | Hàng năm |
| 3                        | Cựu sinh viên ngành Kỹ thuật Thủy khí và Tàu thủy     | 08               | 3.000.000 (VNĐ) | Hàng năm |
| <b><u>Tổng cộng:</u></b> |   | <b><u>18</u></b> | 74.000.000 VNĐ  |          |

##### 4.2. Từ Doanh nghiệp thông qua Trường

| STT                      | Tên đơn vị/ học bổng                            | Số lượng         | Số tiền   | Ghi chú  |
|--------------------------|---|------------------|---|----------|
| 1                        | Học bổng MHI (Mitsubishi Heavy Industries Ltd.) | 12               | 500 (USD)   | Hàng năm |
| 2                        | Học bổng Lawrence S.ting                        | 01               | 10.000.000 (VNĐ)                                    |          |
| 3                        | Học bổng Daizo Tech                             | 02               | 600 (USD)/1SV                                       | Hàng năm |
| 4                        | Học bổng Nhật Minh                              | 01               | 10.000.000 (VNĐ)                                    |          |
| 5                        | Học bổng Lê Mộng Đào                            | 01               | 5.000.000 (VNĐ)                                     |          |
| 6                        | Học bổng Vallet                                 | 01               | 17.000.000 (VNĐ)                                    |          |
| 7                        | Học bổng VNSTEEL                                | 01               | 5.000.000 (VNĐ)                                     |          |
| 8                        | Học bổng Sumitomo                               | 01               | 10.000.000 (VNĐ)                                    | Hàng năm |
| 9                        | Học bổng Toyota                                 | 04               | 6.000.000 (VNĐ)/1SV                                 | Hàng năm |
| 10                       | Học bổng Vietinbank                             | 01               | 5.000.000 (VNĐ) /1SV                                | Hàng năm |
| 11                       | Học bổng BIDV                                   | 02               | Học phí 1 năm học<br>(đang xét – KQ trong tháng 12) |          |
| <b><u>Tổng cộng:</u></b> |   | <b><u>27</u></b> |   |          |

### 4.3. Internship tại nước ngoài

| STT | Chương trình | Nơi đến                            | Thời gian                | Số lượng         |
|-----|--------------|------------------------------------|--------------------------|------------------|
| 1   | DAIZO TECH   | Nhà máy đóng tàu Oshima - Nhật Bản | 1 tháng                  | 02               |
| 2   | ECORED       | Ý, Ba Lan Đảo SÍP                  | 5 tuần                   | 02               |
| 3   | ITM          | Công ty Sakura - Nhật Bản          | 2,5 tháng                | 04               |
|     |              |                                    | <b><u>Tổng cộng:</u></b> | <b><u>08</u></b> |

### Phụ lục 4.4. Tổng hợp học bổng sinh viên năm 2018

Đơn vị tính: triệu đồng

| Nội dung  | Năm 2018               |                       | Ghi chú |
|---|------------------------|-----------------------|---------|
|   | Số lượng suất học bổng | Tổng giá trị học bổng |         |
| Số học bổng của Trường                                    | 01                     | 50% (1 năm học phí)   |         |
| Học bổng của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp cho SV      | 45                     | 366                   |         |
| Học bổng cho sinh viên đi thực tập, trao đổi ở nước ngoài | 08                     |                       |         |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>58</b>              |                       |         |

**Phụ lục 5. Thống kê khối lượng giảng dạy**

| TT                       | Đơn vị                              | Số lượng cán bộ | Giờ định mức    | Giờ giảng dạy ĐH quy đổi | Giờ giảng dạy SDH quy đổi | Tổng giờ quy đổi |
|--------------------------|-------------------------------------|-----------------|-----------------|--------------------------|---------------------------|------------------|
| <b>Năm học 2017-2018</b> |                                     | <b>63</b>       | <b>13.257</b>   | <b>17.504</b>            | <b>6.602</b>              | <b>24.106</b>    |
| 1                        | Bộ môn Động cơ đốt trong + PTN ĐCĐT | 13              | 2.821,5         | 3.300,9                  | 2.124                     | 5.424,9          |
| 2                        | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng       | 14              | 3.132           | 4.905,9                  | 2.664                     | 7.569,9          |
| 3                        | Bộ môn Máy & TĐTK                   | 12              | 2.592           | 3.299,9                  | 818                       | 4.117,9          |
| 4                        | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy       | 12              | 2.794,5         | 2.622,4                  | 502                       | 3.124,4          |
| 5                        | BM KT Hàng không & VT               | 9               | 1.917           | 3.374,9                  | 494                       | 3.868,9          |
| 6                        | Văn phòng Viện                      | 3               |                 |                          |                           |                  |
| <b>Năm học 2016-2017</b> |                                     | <b>66</b>       | <b>13.918,5</b> | <b>16.525,1</b>          | <b>7.734</b>              | <b>24.259,1</b>  |
| 1                        | Bộ môn Động cơ đốt trong + PTN ĐCĐT | 13              | 3.186           | 2.966,5                  | 1.984                     | 4.950,5          |
| 2                        | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng       | 14              | 3.186           | 4.676                    | 3.540                     | 8.216            |
| 3                        | Bộ môn Máy & TĐTK                   | 13              | 2.727           | 3.401,3                  | 1.266                     | 4.667,3          |
| 4                        | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy       | 12              | 2.862           | 2.354,8                  | 370                       | 2.724,8          |
| 5                        | BM KT Hàng không & VT               | 10              | 1.957,5         | 3.126,5                  | 574                       | 3.700,5          |
| 6                        | Văn phòng Viện                      | 3               |                 |                          |                           |                  |

**Phụ lục 5.1. Giao kết khối lượng 4 tháng cuối năm 2018**

| TT             | Họ tên                 | Chức danh | Chức vụ | ĐM GD        | Hệ số GD (k_CD) | ĐM NCKH | ĐM phục vụ | Hệ số vị trí (k_VT) | k_NC (TB 3 năm 15-16, 16-17, 17-18) | Điểm KL NCKH cần đạt/năm | GD+NC +PV | Ghi chú  |
|----------------|------------------------|-----------|---------|--------------|-----------------|---------|------------|---------------------|-------------------------------------|--------------------------|-----------|--|
| <b>BM Ô tó</b> |                        |           |         |              |                 |         |            |                     |                                     |                          |           |  |
| 1              | Dương Ngọc Khánh       | GV.PGS    | PVT     | 16.0         | 1.6             | 10.0    | 14.0       | 1.0                 | 0.318                               | 0.24                     | 40.00     |  |
| 2              | Hồ Hữu Hải             | GV.PGS    |         | 22.0         | 1.6             | 14.0    | 4.0        | -                   | 0.037                               | 0.36                     | 40.00     |  |
| 3              | Trịnh Minh Hoàng       | GV.TS     | PBM     | 24.0         | 1.4             | 10.0    | 6.0        | 0.5                 | 0.153                               | 0.21                     | 40.00     |  |
| 4              | Đàm Hoàng Phúc         | GV.PGS    | PBM     | 24.0         | 1.6             | 10.0    | 6.0        | 0.5                 | 0.190                               | 0.24                     | 40.00     |  |
| 5              | Võ Văn Hường           | GV.PGS    |         | 4.0          | 1.6             | 32.0    | -          | -                   | 0.272                               | 0.90                     | 36.00     | Nghỉ theo chế độ từ 11/2018  |
| 6              | Lưu Văn Tuấn           | GV.PGS    |         | 24.0         | 1.6             | 12.0    | 4.0        | -                   | 0.017                               | 0.30                     | 40.00     |  |
| 7              | Nguyễn Trọng Hoan      | GV.PGS    |         | 24.0         | 1.6             | 12.0    | 4.0        | -                   | 0.163                               | 0.30                     | 40.00     |  |
| 8              | Phạm Ngọc Toàn         | CBKT      |         | 12.0         | 1.0             | 10.0    | 18.0       | -                   |                                     | 0.15                     | 40.00     | Xin giảm KL GD. Bù tổng 40 giờ bằng giờ NC (nghiên cứu, phát triển, CGCN...) |
| 9              | Nguyễn Tiến Dũng       | GV.TS     |         | 22.0         | 1.4             | 12.0    | 6.0        | -                   | 0.070                               | 0.26                     | 40.00     |  |
| 10             | Trương Đặng Việt Thắng | GV.ThS    |         | 16.0         | 1.0             | 20.0    | 4.0        | -                   | 0.065                               | 0.34                     | 40.00     |  |
| 11             | Dư Tuấn Đạt            | CBKT      |         | 2.0          | 1.0             | 20.0    | 18.0       | -                   |                                     | 0.34                     | 40.00     | Xin giảm KL GD. Bù tổng 40 giờ bằng giờ NC (nghiên cứu, phát triển, CGCN...) |
| 12             | Trần Thanh Tùng        | GV.TS     |         | 26.0         | 1.4             | 10.0    | 4.0        | -                   | 0.220                               | 0.21                     | 40.00     |  |
| 13             | Hoàng Thăng Bình       | GV.TS     |         | 26.0         | 1.4             | 10.0    | 4.0        | -                   | 0.015                               | 0.21                     | 40.00     |  |
| 15             | Trần Trọng Đạt         | GV.ThS    |         | 20.0         | 0.8             | 16.0    | 4.0        | -                   | 0.000                               | 0.21                     | 40.00     |  |
|                |                        |           |         | <b>262.0</b> |                 |         |            |                     |                                     | -                        |           |  |
| <b>BM ĐCDT</b> |                        |           |         |              |                 |         |            |                     |                                     |                          |           |  |
| 1              | Lê Anh Tuấn            | GV.GS     | VT      | 8.0          | 1.8             | 12.0    | 20.0       | 1.5                 | 0.662                               | 0.34                     | 40.00     | Chỉ tính PV tại Viện. Giờ PV kiêm nhiệm Thư ký HĐT không được tính           |
| 2              | Khổng Vũ Quảng         | GV.PGS    | TBM     | 20.0         | 1.6             | 10.0    | 10.0       | 0.8                 | 0.079                               | 0.24                     | 40.00     |  |
| 3              | Phạm Hữu Tuyển         | GV.PGS    | TBM     | 20.0         | 1.6             | 12.0    | 8.0        | 0.8                 | 0.082                               | 0.30                     | 40.00     |  |
| 5              | Nguyễn Thế Lương       | GV.TS     | PBM     | 20.0         | 1.4             | 14.0    | 6.0        | 0.5                 | 0.228                               | 0.32                     | 40.00     |  |
| 6              | Phạm Minh Tuấn         | GV.GS     |         | 18.0         | 1.8             | 18.0    | 4.0        | -                   | 0.118                               | 0.54                     | 40.00     |  |

|                |                      |        |      |              |     |      |      |     |       |      |       |  |  |
|----------------|----------------------|--------|------|--------------|-----|------|------|-----|-------|------|-------|--|--|
| 7              | Hoàng Đình Long      | GV.PGS |      | 18.0         | 1.6 | 18.0 | 4.0  | -   | 0.262 | 0.48 | 40.00 |  |  |
| 8              | Trần Anh Trung       | GV.TS  |      | 22.0         | 1.4 | 14.0 | 4.0  | -   | 0.197 | 0.32 | 40.00 |  |  |
| 10             | Trần Đăng Quốc       | GV.TS  |      | 20.0         | 1.4 | 14.0 | 6.0  | -   | 0.133 | 0.32 | 40.00 |  |  |
| 11             | Nguyễn Duy Tiến      | GV.ThS |      | 8.0          | 1.0 | 28.0 | 4.0  | -   | 0.049 | 0.49 | 40.00 |  |  |
| 15             | Nguyễn Đức Khánh     | GV.ThS | TLCM | 18.0         | 1.0 | 14.0 | 8.0  | 0.2 | 0.498 | 0.23 | 40.00 |  |  |
|                |                      |        |      | <b>172.0</b> |     |      |      |     |       | -    |       |  |  |
| <b>BM KTTT</b> |                      |        |      |              |     |      |      |     |       |      | -     |  |  |
| 1              | Phạm Thị Thanh Hương | GV.TS  | TBM  | 8.0          | 1.4 | 22.0 | 10.0 | 0.8 | 0.042 | 0.53 | 40.00 |  |  |
| 2              | Lê Thị Thái          | GV.PGS |      | 6.0          | 1.6 | 8.0  | -    | -   | 0.061 | 0.18 | 14.00 | Kiểm nhiệm 32 giờ PV phòng ban   |  |
| 3              | Phan Anh Tuấn        | GV.PGS | PBM  | 10.0         | 1.6 | 22.0 | 8.0  | 0.5 | 0.128 | 0.60 | 40.00 |  |  |
| 4              | Phạm Văn Sáng        | GV.TS  | PVT  | 8.0          | 1.4 | 16.0 | 16.0 | 1.0 | 0.896 | 0.37 | 40.00 |  |  |
| 5              | Lê Quang             | GV.PGS |      | 12.0         | 1.6 | 24.0 | 4.0  | -   | 0.126 | 0.66 | 40.00 |  |  |
| 6              | Lương Ngọc Lợi       | GV.PGS |      | 12.0         | 1.6 | 24.0 | 4.0  | -   | 0.062 | 0.66 | 40.00 |  |  |
| 7              | Ngô Văn Hiền         | GV.PGS |      | 12.0         | 1.6 | 24.0 | 4.0  | -   | 0.372 | 0.66 | 40.00 |  |  |
| 8              | Lê Thanh Tùng        | GV.PGS |      | 10.0         | 1.6 | 24.0 | 6.0  | -   | 0.312 | 0.66 | 40.00 |  |  |
| 9              | Nghiêm Xuân Giang    | CBKT   |      | 10.0         | 1.0 | 10.0 | 20.0 | -   |       | 0.15 | 40.00 | Thiếu 8 giờ GD. Bù bằng giờ NC (nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ...)  |  |
| 10             | Hoàng Công Liêm      | GV.TS  | TLCM | 12.0         | 1.4 | 20.0 | 8.0  | 0.2 | 0.045 | 0.47 | 40.00 |  |  |
| 11             | Nguyễn Đông          | CBKT   |      | 10.0         | 1.0 | 12.0 | 18.0 | -   | 0.020 | 0.19 | 40.00 | Thiếu 10 giờ GD. Bù bằng giờ NC (nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ...) |  |
| 12             | Ngô Văn Hệ           | GV.TS  |      | 12.0         | 1.4 | 24.0 | 4.0  | -   | 0.806 | 0.58 | 40.00 |  |  |
|                |                      |        |      | <b>122.0</b> |     |      |      |     |       | -    |       |  |  |
| <b>BM KTHK</b> |                      |        |      |              |     |      |      |     |       |      |       |  |  |
| 2              | Nguyễn Phú Khánh     | GV.PGS |      | 8.0          | 1.6 | 8.0  | -    | -   | 0.242 | 0.18 | 16.00 | Kiểm nhiệm 32 giờ PV phòng ban   |  |
| 4              | Đình Tấn Hưng        | GV.TS  |      | 14.0         | 1.4 | 18.0 | -    | -   | 0.056 | 0.42 | 32.00 | Kiểm nhiệm 8 giờ PV - Viện NC  |  |
| 5              | Vũ Đình Quý          | GV.TS  | TBM  | 18.0         | 1.4 | 12.0 | 10.0 | 0.8 | 0.516 | 0.26 | 40.00 |  |  |
| 6              | Lê Xuân Trường       | GV.TS  |      | 16.0         | 1.4 | 20.0 | 4.0  | -   | 0.007 | 0.47 | 40.00 |  |  |
| 7              | Phạm Gia Diễm        | GV.TS  |      | 12.0         | 1.4 | 24.0 | 4.0  | -   | 0.008 | 0.58 | 40.00 |  |  |
| 9              | Hoàng Thị Kim Dung   | GV.PGS | PBM  | 18.0         | 1.6 | 14.0 | 8.0  | 0.5 | 0.528 | 0.36 | 40.00 |  |  |

|                |                     |        |         |              |           |      |      |     |              |              |       |   |
|----------------|---------------------|--------|---------|--------------|-----------|------|------|-----|--------------|--------------|-------|---|
| 10             | Lê Thị Tuyết Nhung  | GV.TS  |         | 18.0         | 1.4       | 18.0 | 4.0  | -   | 0.055        | 0.42         | 40.00 |   |
| 13             | Lưu Hồng Quân       | GV.TS  | TLCM    | 14.0         | 1.4       | 14.0 | 2.0  | -   | 0.257        | 0.32         | 30.00 | Kiểm nhiệm 12 giờ PV - UVTV Đoàn trường   |
| 14             | Đình Công Trường    | GV.TS  |         | 12.0         | 1.4       | 24.0 | 4.0  | -   | 0.200        | 0.58         | 40.00 |   |
|                |                     |        |         | <b>130.0</b> |           |      |      |     |              | -            |       |   |
| <b>BM MTK</b>  |                     |        |         |              |           |      |      |     |              |              |       |   |
| 1              | Trương Việt Anh     | GV.PGS | TBM     | 8.0          | 1.6       | 4.0  | 4.0  | 0.8 | 0.372        | 0.06         | 16.00 | Kiểm nhiệm 32 giờ PV phòng ban  |
| 2              | Trần Khánh Dương    | GV.TS  | PBM     | 14.0         | 1.4       | 18.0 | 8.0  | 0.5 | 0.398        | 0.42         | 40.00 |   |
| 3              | Trần Xuân Bộ        | GV.TS  | PBM     | 14.0         | 1.4       | 18.0 | 8.0  | 0.5 | 0.478        | 0.42         | 40.00 |   |
| 4              | Nguyễn Thế Mịch     | GV.GS  |         | 16.0         | 1.8       | 20.0 | 4.0  | -   | 0.167        | 0.61         | 40.00 |   |
| 5              | Hoàng Sinh Trường   | GV.PGS |         | 14.0         | 1.6       | 22.0 | 4.0  | -   | 0.000        | 0.60         | 40.00 |   |
| 7              | Bùi Quốc Thái       | GV.PGS |         | 10.0         | 1.6       | 18.0 | -    | -   | 0.082        | 0.48         | 28.00 | Kiểm nhiệm 12 giờ PV - CT Hội CCB   |
| 8              | Hoàng Thị Bích Ngọc | GV.PGS |         | 14.0         | 1.6       | 22.0 | 4.0  | -   | 0.213        | 0.60         | 40.00 |   |
| 9              | Đỗ Huy Cương        | GV.TS  |         | 14.0         | 1.4       | 20.0 | 6.0  | -   | 0.030        | 0.47         | 40.00 |   |
| 10             | Đỗ Thành Công       | CBKT   |         | 12.0         | 1.0       | 10.0 | 18.0 | -   |              | 0.15         | 40.00 | Thiếu 8 giờ GD. Bù bằng giờ NC (nghiên cứu, phát triển, chuyên giao công nghệ...) |
| 11             | Đỗ Việt Long        | GV.ThS |         | 12.0         | 1.0       | 24.0 | 4.0  | -   | 0.018        | 0.41         | 40.00 |   |
| 13             | Vũ Văn Trường       | GV.TS  | TLCM    | 12.0         | 1.4       | 20.0 | 8.0  | 0.2 | 2.000        | 0.47         | 40.00 |   |
| 14             | Trương Văn Thuận    | GV.TS  |         | 14.0         | 1.4       | 20.0 | 6.0  | -   | 0.328        | 0.47         | 40.00 |   |
|                |                     |        |         | <b>154.0</b> |           |      |      |     |              |              |       |   |
| <b>VP Viện</b> |                     |        |         |              |           |      |      |     |              |              |       |   |
| 1              | Vũ Hồng Minh        | CBHC   | TLCM    | -            | 1.0       | 2.0  | 42.0 | 0.2 |              |              | 44.00 |   |
| 3              | Đào Chung Hải       | CBHC   | KT      | -            | 1.0       | 2.0  | 42.0 | 0.3 |              |              | 44.00 |   |
| 4              | Nguyễn Thị Thanh Hà | CBHC   | Giáo vụ | -            | 1.0       | 2.0  | 42.0 | 0.1 |              |              | 44.00 |   |
|                |                     |        |         |              |           |      |      |     |              |              |       |   |
|                |                     |        |         | <b>886</b>   | <b>84</b> |      |      |     | <b>9.066</b> | <b>21.15</b> |       |   |



**Phụ lục 6. Thống kê khối lượng nghiên cứu khoa học**

| TT                       | Đơn vị                              | Số lượng cán bộ | Giờ định mức  | Giờ quy đổi từ bài báo | Giờ quy đổi từ đề tài | Tổng giờ quy đổi |
|--------------------------|-------------------------------------|-----------------|---------------|------------------------|-----------------------|------------------|
| <b>Năm học 2017-2018</b> |                                     | <b>63</b>       | <b>26.520</b> | <b>40.331</b>          | <b>9.241</b>          | <b>49.572</b>    |
| 1                        | Bộ môn Động cơ đốt trong + PTN ĐCĐT | 13              | 6.270         | 12,315                 | 3.958                 | 16.273           |
| 2                        | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng       | 14              | 5.760         | 7.567                  | 0                     | 7.567            |
| 3                        | Bộ môn Máy & TĐTK                   | 12              | 5.160         | 9.158                  | 2.583                 | 11.741           |
| 4                        | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy       | 12              | 5.070         | 7.223                  | 900                   | 8.123            |
| 5                        | BM KT Hàng không & VT               | 9               | 4.260         | 4.068                  | 1.800                 | 5.868            |
| 6                        | Văn phòng Viện                      | 3               |               |                        |                       |                  |
| <b>Năm học 2016-2017</b> |                                     | <b>66</b>       | <b>26.279</b> | <b>51.479</b>          | <b>14.600</b>         | <b>66.079</b>    |
| 1                        | Bộ môn Động cơ đốt trong + PTN ĐCĐT | 13              | 6.480         | 13.151                 | 5.000                 | 18.151           |
| 2                        | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng       | 14              | 5.880         | 8.264                  | 2.000                 | 10.264           |
| 3                        | Bộ môn Máy & TĐTK                   | 13              | 5.460         | 13.009                 | 3.250                 | 16.259           |
| 4                        | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy       | 12              | 5.220         | 8.352                  | 1.700                 | 10.052           |
| 5                        | BM KT Hàng không & VT               | 10              | 3.750         | 8.703                  | 2.650                 | 11.353           |
| 6                        | Văn phòng Viện                      | 04              |               |                        |                       |                  |

**Phụ lục 6.1. Thống kê nhiệm vụ NCKH**

| TT | Đề tài NCKH                     | 2018      |                      | Tình trạng      |                     |                    | Ghi chú  |
|----|---------------------------------|-----------|----------------------|-----------------|---------------------|--------------------|--|
|    |                                 | Số lượng  | Kinh phí (Triệu VNĐ) | Đang triển khai | Đã/ đang nghiệm thu | Quá hạn phải xử lý |  |
| 1  | Cấp Nhà nước                    | 1         | 5370                 | 1               | -                   | -                  |  |
| 2  | ĐT Nafosted                     | 4         | 2243                 | 3               | 1                   | -                  |  |
| 3  | ĐT cấp Bộ                       | 7         | 3100                 | 3               | 4                   | -                  |  |
| 4  | ĐT Trường                       | 12        | 495                  | 6               | 6                   | -                  |  |
| 5  | ĐT địa phương (Sở, ngành)       | -         | -                    | -               | -                   | -                  |  |
| 6  | Đề tài HTQT                     | 2         | 3530                 | 1               | 1                   | -                  |  |
| 7  | Đề tài hợp tác với Doanh nghiệp | 1         | 135                  |                 | 1                   | -                  |  |
| 8  | Số hợp đồng tư vấn KHCN         | 6         | 3787                 |                 | 6                   | -                  | Thực hiện thử nghiệm khí thải xe máy trong khuôn khổ 06 Hợp đồng ký giữa Công ty Cổ phần nghiên cứu kỹ thuật cơ khí chính xác (thuộc BK Holding) và Công ty TNHH Piaggio Việt Nam. |
| 9  | Số hợp đồng chuyên giao KHCN    | -         | -                    | -               | -                   | -                  |  |
| 10 | Khác                            | -         | -                    | -               | -                   | -                  |  |
|    | <b>Tổng cộng</b>                | <b>33</b> | <b>18660</b>         | <b>14</b>       | <b>19</b>           | <b>-</b>           |  |

**Phụ lục 6.2. Thống kê xuất bản (Công bố NCKH và giáo trình) năm 2018**

| TT | Loại công trình   | Số lượng | Tính trung bình/CBGD |
|----|---|----------|----------------------|
| 1  | Tạp chí ISI   | 22       | 0.36                 |
| 2  | Tạp chí Scopus  | 4        | 0.065                |
| 3  | Tạp chí quốc tế khác                                      | 1        | 0.016                |
| 4  | Tạp chí trong nước  | 19       | 0.31                 |
| 5  | Hội thảo quốc tế  | 14       | 0.229                |
| 6  | Hội thảo trong nước                                       | 12       | 0.196                |
| 7  | SC/GPHI (nộp)<br>Chấp nhận đơn hợp lệ<br>Được cấp SC/GPHI | 1        | 0.016                |
| 8  | Sách, giáo trình  | 1        | 0.016                |

## Phụ lục 7. Dự án đầu tư và thiết bị PTN 2017-2018

### Phụ lục 7.1. Danh mục thiết bị dự án ECORED (2017-2018)

| STT               | Tên thiết bị                                 | Tính năng chính   | Nước sản xuất | Giá thành (VND)    | Đơn vị tài trợ | ĐV. thụ hưởng                  |
|-------------------|--|---|---------------|--------------------|----------------|--------------------------------|
| 1                 | Bộ Module điều khiển động cơ                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tín hiệu vào: 30 tín hiệu tương tự; 4 tín hiệu số tần số thấp; 2 tín hiệu lambda dải rộng; 4 tín hiệu kích nổ dải rộng.</li> <li>- Tín hiệu ra: 6 đường điều khiển vòi phun 3A; 6 đường điều khiển vòi phun 7A; 16 tín hiệu điều khiển đánh lửa tương thích TTL; 10 tín hiệu điều khiển PWM 3A;</li> <li>- Kết nối: CAN, RS-485</li> <li>Phần mềm điều khiển tiêu chuẩn đi kèm</li> <li>- Tương thích Win 7 32 hoặc 64 bit</li> <li>- Matlab version 6.5.1to 9.0 (R2016a)</li> <li>- Tương thích với các vi điều khiển 32 bit của hãng Freescale</li> </ul>  | Việt Nam      | <b>406.732.692</b> | Dự án ECORED   | PTN Động cơ đốt trong          |
| 2                 | Laptop Dell                                  | CPU Core i5 7200U(2*2.5Ghz), Ram 4GB DDR4, Hard disk 1TB, Intel HD620, DVD RW, 14" HD.  | China         | <b>16.167.122</b>  |                | Bộ môn Máy và Tự động thủy khí |
| 3                 | Camera tốc độ cao HAS-U1                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sensor thu ảnh: 1/2" CMOS</li> <li>- Đơn sắc (đen trắng)</li> <li>- Độ nhạy sáng cao: 2,400 với cấu hình đơn sắc (đen trắng); 2,000 với cấu hình màu</li> <li>- Tốc độ ghi hình tại độ phân giải cao nhất 200 fps (khung hình/giây) tại độ phân giải 1280 X 1024 pixels</li> <li>- Tốc độ ghi hình tại độ phân giải: <ul style="list-style-type: none"> <li>500 fps là 800 x 600</li> <li>1,000 fps là 512 x 480</li> <li>2,000 fps là 320 x 320</li> </ul> </li> <li>- Tốc độ ghi hình tối đa 4,000 fps với độ phân giải 112 x 80 pixels</li> <li>- Bộ nhớ làm việc 2 GB - Truyền dữ liệu tốc độ cao qua cổng USB 3.0</li> <li>- Có khả năng đồng bộ hóa nhiều máy quay với nhau</li> </ul> | Nhật Bản      | <b>402.050.000</b> |                |                                |
| 4                 | Bộ máy tính để bàn HP Z240 Tower Workstation | HP Single Unit (Tower) Packaging<br>HP Z240 TWR 400W 92 percent efficient Chassis.<br>Linux-ready<br>Operating System Load to SATA<br>Intel Xeon E3-1225v5 3.3 GHz (up to 3.7 GHz) 8MB GT2 4C 80W TWR CPU (2 x 8GB) DDR4-2133 nECC (1x4GB) Unbuffered RAM<br>NVIDIA Quadro K620 2GB DL-DVI(I)+DP 1st No cables included Graphics<br>1TB 7200 RPM SATA 1st Hard Drive<br>HP USB Business Slim Keyboard<br>HP USB Optical Mouse<br>9.5mm Slim SuperMulti DVD RW 1st ODD HP 3/3/3 Tower Warranty<br>- Monitor HP 19.5 inch LED Backlit DVI-D + VGA   | Singapore     | <b>62.181.240</b>  |                |                                |
| <b>Tổng cộng:</b> |  |   |               | <b>887.131.054</b> |                |                                |

**Phụ lục 7.2. Danh mục thiết bị chính Dự án Tăng cường năng lực đào tạo và nghiên cứu phát triển ô tô (2018)**

| TT       | Tên thiết bị   | Model/ Hãng   | Nước sản xuất | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|----------|--|---|---------------|--------|----------|---------------|------------------|
| <b>I</b> | <b>MÔ ĐUN NGHIÊN CỨU HỆ THỐNG CƠ ĐIỆN TỬ TRÊN Ô TÔ</b>       |   |               |        |          |               |                  |
| 1        | <b>Hệ thống thu và xử lý tín hiệu</b>                        |   |               |        |          |               |                  |
| 1.1      | Phần mềm chuyên dụng   | Model: DEWESOFT-X-PROF<br>Hãng sản xuất: Dewesoft         | Slovenia      | Bộ     | 1        | Bao gồm       | Bao gồm          |
| 1.2      | Mô đun thu và xử lý tín hiệu 8 kênh                          | Model: SIRIUSi-8xSTGM+<br>Hãng sản xuất: Dewesoft         | Slovenia      | Bộ     | 1        | Bao gồm       | Bao gồm          |
| 1.3      | Mô đun thu và xử lý tín hiệu đồng bộ 8 kênh                  | Model: SIRIUSi-8xACC<br>Hãng sản xuất: Dewesoft           | Slovenia      | Bộ     | 1        | Bao gồm       | Bao gồm          |
| 1.4      | Mô đun thu và xử lý tín hiệu 8+1 Kênh                        | Model: SIRIUSi-8xCAN<br>Hãng sản xuất: Dewesoft           | Slovenia      | Bộ     | 1        | Bao gồm       | Bao gồm          |
| 2        | <b>Hệ thống nghiên cứu động học ô tô</b>                     |   |               |        |          |               |                  |
| 2.1      | Hệ thống chuyển đổi giao tiếp số DTI                         | Model: DTI-Logger Type 5343A<br>Hãng sản xuất: Kistler    | Đức           | Chiếc  | 1        | Bao gồm       | Bao gồm          |
| 2.2      | Hệ thống cảm biến quang học                                  | Model: CSMOTA121111<br>Hãng sản xuất: Kistler             | Đức           | Chiếc  | 1        | Bao gồm       | Bao gồm          |
| 2.3      | Hệ thống cảm biến đo góc, mô men, tốc độ quay của vô lăng    | Model: CMSWB1221<br>Hãng sản xuất: Kistler                | Đức           | Bộ     | 1        | Bao gồm       | Bao gồm          |
| 2.4      | Hệ thống cảm biến đo tốc độ bánh xe và quãng đường đi chuyên | Model: CWPTA421<br>Hãng sản xuất: Kistler                 |               | Bộ     | 4        | Bao gồm       | Bao gồm          |
| 2.5      | Hệ thống cảm biến đo tiêu hao nhiên liệu                     | Model: CDFL3A121<br>Hãng sản xuất: Kistler                | Đức           | Bộ     | 1        | Bao gồm       | Bao gồm          |
| 2.6      | Hệ thống cảm biến đo chiều cao                               | Model: CHFA33<br>Hãng sản xuất: Kistler                   | Đức           | Bộ     | 3        | Bao gồm       | Bao gồm          |
| 2.7      | Hệ thống cảm biến đo góc xoay thân xe                        | Model: 22000395<br>Hãng sản xuất: Kistler                 | USA           | Bộ     | 1        | Bao gồm       | Bao gồm          |
| 2.8      | Hệ thống cảm biến đo lực đập phanh                           | Model: 18034424<br>Hãng sản xuất: Kistler<br>Xuất xứ: Đức | Đức           | Bộ     | 1        | Bao gồm       | Bao gồm          |
| 2.9      | Bộ nguồn   | Model: 18012439<br>Hãng sản xuất: Kistler                 | Đức           | Bộ     | 1        | Bao gồm       | Bao gồm          |
| 2.10     | Hệ thống màn hình hiển thị                                   | Model: 18012493<br>Hãng sản xuất: Kistler                 | Đức           | Bộ     | 1        | Bao gồm       | Bao gồm          |
| 3        | <b>Hệ thống nghiên cứu động lực học ô tô</b>                 |   |               |        |          |               |                  |
| 3.1      | Hệ thống cảm biến đo lực và mô men bánh xe                   | Model: 18020291<br>Hãng sản xuất: Kistler                 | Đức           | Bộ     | 2        | Bao gồm       | Bao gồm          |

| TT         | Tên thiết bị   | Model/ Hãng  | Nước sản xuất | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá (VNĐ)            | Thành tiền (VNĐ)      |
|------------|--|--|---------------|--------|----------|--------------------------|-----------------------|
| 3.2        | Bộ xử lý tín hiệu lắp trên bánh xe                                     | Model: 18010652<br>Hãng sản xuất: Kistler                        | Đức           | Bộ     | 2        | Bao gồm                  | Bao gồm               |
| 3.3        | Bộ gá lắp bánh xe  | Model: 18026976<br>Hãng sản xuất: Kistler                        | Đức           | Bộ     | 2        | Bao gồm                  | Bao gồm               |
| 3.4        | Vành nhôm chuyên dụng cho xe khách                                     | Model: 18012903<br>Hãng sản xuất: Kistler                        | Đức           | Chiếc  | 2        | Bao gồm                  | Bao gồm               |
| 3.5        | Vành nhôm chuyên dụng cho xe khách                                     | Model: 18012824<br>Hãng sản xuất: Kistler                        | Đức           | Chiếc  | 2        | Bao gồm                  | Bao gồm               |
| 3.6        | Truyền tín hiệu của cụm thiết bị đo gắn ngoài bánh xe (out-board unit) | Model: 18010662<br>Hãng sản xuất: Kistler                        | Đức           | Bộ     | 2        | Bao gồm                  | Bao gồm               |
| 3.7        | Thanh gá   | Model: 18012718<br>Hãng sản xuất: Kistler                        | Đức           | Bộ     | 2        | Bao gồm                  | Bao gồm               |
| 3.8        | Cáp kéo dài  | Model: 18012924<br>Hãng sản xuất: Kistler                        | Đức           | Chiếc  | 2        | Bao gồm                  | Bao gồm               |
| 3.9        | Bộ thu thập và xử lý tín hiệu chuyên dụng cho các chuyên động quay     | Model: 18029342<br>Hãng sản xuất: Kistler                        | Đức           | Bộ     | 1        | Bao gồm                  | Bao gồm               |
| 3.10       | Vành trong cho hệ thống đo lực và mô men bánh xe                       | Model: 18011112<br>Hãng sản xuất: Kistler                        | Đức           | Chiếc  | 2        | Bao gồm                  | Bao gồm               |
| 3.11       | Bộ gá lắp vào bánh xe  | Model: 18026977<br>Hãng sản xuất: Kistler                        | Đức           | Bộ     | 2        | Bao gồm                  | Bao gồm               |
| <b>II</b>  | <b>MÔ ĐUN BỆ THỬ PHANH VÀ CÔNG SUẤT</b>                                |  |               |        |          |                          |                       |
| 1          | Bệ thử phanh ô tô  | Model: Multiflex 06 easy<br>Hãng sản xuất: AHS                   | Đức           | Bộ     | 1        | Bao gồm                  | Bao gồm               |
| 2          | Bệ kiểm tra giảm chấn ô tô   | Model: Easy Swing/FWT 2000<br>Hãng sản xuất: AHS                 | Đức           | Bộ     | 1        | Bao gồm                  | Bao gồm               |
| 3          | Bệ thử công suất ô tô  | Model: ELP300 Screen<br>Hãng sản xuất: AHS                       | Đức           | Bộ     | 1        | Bao gồm                  | Bao gồm               |
| <b>III</b> | <b>THIẾT BỊ PHỤ TRỢ</b>  |  |               |        |          |                          |                       |
| 1          | Laptop   | Model: Vostro 14-3468<br>Hãng sản xuất: Dell                     | China         | Bộ     | 1        | Bao gồm                  | Bao gồm               |
| 2          | Máy tính   | Model: OptiPlex 3050 Small<br>Form Factor<br>Hãng sản xuất: Dell | Malaysia      | Bộ     | 5        | Bao gồm                  | Bao gồm               |
| 3          | Màn hình   | Model: E2016H<br>Hãng sản xuất: Dell                             | China         | Bộ     | 5        | Bao gồm                  | Bao gồm               |
|            |  |  |               |        |          |                          |                       |
|            |  |  |               |        |          | <b><i>Tổng cộng:</i></b> | <b>26.700.000.000</b> |

**Phụ lục 8. Báo cáo tài chính**

**Phụ lục 9. Công tác Đảng**

| TT | Chi bộ                              | Số lượng đảng viên | Đảng viên kết nạp mới 2018* | Chuyển đảng chính thức 2018* | Thi đua tập thể 2017   | Thi đua tập thể 2018   |
|----|-------------------------------------|--------------------|-----------------------------|------------------------------|--|--|
| 1  | Động cơ                             | 10                 | Nguyễn Đức Khánh            |                              | Chi bộ trong sạch, vững mạnh. Khen thưởng cấp Trường                   | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.  |
| 2  | Ô tô                                | 11                 |                             |                              | Chi bộ trong sạch, vững mạnh. Khen thưởng cấp Trường                   | Hoàn thành tốt nhiệm vụ  |
| 3  | Máy & TĐTK                          | 07                 | Trần Xuân Bộ                |                              | Chi bộ trong sạch, vững mạnh   | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.  |
| 4  | KT Thủy khí & Tàu thủy              | 10                 |                             |                              | Chi bộ trong sạch, vững mạnh   | Hoàn thành tốt nhiệm vụ  |
| 5  | KT Hàng không & VT                  | 05                 | Hoàng Thị Kim Dung          |                              | Chi bộ trong sạch, vững mạnh   | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ   |
| 6  | <b>ĐẢNG BỘ VIỆN CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC</b> | <b>43</b>          | <b>03</b>                   |                              | Đảng bộ bộ phận trong sạch vững mạnh tiêu biểu. Khen thưởng cấp Trường | Đảng bộ bộ phận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ<br>Đề nghị khen thưởng cấp Trường |

\*) Ghi rõ họ tên

## Phụ lục 10. Công tác Công đoàn

### 10.1. Cá nhân

| TT                 | Năm học                          | Bảng khen BCH Công đoàn GDVN | Giấy khen BCH CD trường | Đoàn viên công đoàn xuất sắc         |
|--------------------|----------------------------------|------------------------------|-------------------------|--------------------------------------|
| <b>2017 - 2018</b> |                                  |                              |                         |                                      |
| 1                  | BM Động cơ đốt trong             | Trần Đăng Quốc               |                         | Nguyễn Đức Khánh<br>Trần Đăng Quốc   |
| 2                  | BM Ô tô và Xe chuyên dụng        |                              |                         | Nguyễn Tiến Dũng                     |
| 3                  | BM Máy & Tự động thủy khí        |                              | Trần Khánh Dương        | Trương Văn Thuận<br>Trần Khánh Dương |
| 4                  | BM Kỹ thuật thủy khí và Tàu thủy |                              |                         | Ngô Văn Hê<br>Nghiêm Xuân Giang      |
| 5                  | BM KT Hàng không & Vũ trụ        |                              | Lưu Hồng Quân           | Lê Thị Tuyết Nhung<br>Lưu Hồng Quân  |
| <b>2016 - 2017</b> |                                  |                              |                         |                                      |
| 1                  | BM Động cơ đốt trong             |                              | Khổng Vũ Quảng          | Trần Đăng Quốc<br>Nguyễn Duy Tiến    |
| 2                  | BM Ô tô và Xe chuyên dụng        |                              | Hoàng Thăng Bình        |                                      |
| 3                  | BM Máy & Tự động thủy khí        |                              |                         | Trần Khánh Dương                     |
| 4                  | BM Kỹ thuật thủy khí và Tàu thủy |                              | Nghiêm Xuân Giang       | Nguyễn Thu Hà                        |
| 5                  | BM KT Hàng không & Vũ trụ        |                              | Đào Chung Hải           | Lưu Hồng Quân                        |

### 10.2. Tập thể

| Đơn vị                    | Năm học   | Bảng khen BCH CDGDVN | CDBP xuất sắc | Tổ CDTT xuất sắc |
|---------------------------|-----------|----------------------|---------------|------------------|
| Viện Cơ khí Động lực      | 2017-2018 | X                    |               |                  |
|                           | 2016-2017 | X                    | X             |                  |
| BM Động cơ đốt trong      | 2016-2017 |                      |               | X                |
| BM Ô tô và Xe chuyên dụng | 2017-2018 |                      |               | X                |
| BM Máy & Tự động thủy khí | 2017-2018 |                      |               | X                |



**Phụ lục 11. Các thành tích Đoàn thanh niên, Hội sinh viên 2017, 2018**

| <b>STT</b> | <b>Tên hoạt động</b>   | <b>Thời gian</b> |
|------------|--|------------------|
| 1          | Hỗ trợ Viện tổ chức chương trình SHCD và trao học bổng Motul (tháng 11-12 hàng năm)                                  | 2017-2018        |
| 2          | Tổ chức Lễ tổng kết tuần SVNCKH cấp Viện (tháng 5 hàng năm)  | 2017-2018        |
| 3          | Tham gia triển lãm SV NCKH tại C2 (tháng 5 hàng năm, đạt giải ba cấp trường năm 2018)                                | 2018             |
| 4          | Chiến dịch Mùa hè xanh tình nguyện (tháng 7 hàng năm)  | 2017-2018        |
| 5          | Chương trình tình nguyện Trung thu "Vàng trắng ước mơ" (tháng 9 hàng năm)  | 2017-2018        |
| 6          | Chương trình tình nguyện "Giáng sinh cho em", Viện Huyết học và Truyền máu TW (tháng 12 hàng năm)                    | 2017-2018        |
| 7          | Chương trình tình nguyện Tết ấm áp, Tặng bánh trung cho những người vô gia cư trên địa bàn Hà Nội (tháng 12 âm lịch) | 2017-2018        |
| 8          | Hỗ trợ tân sinh viên K62, K63 nhập học   | 2017-2018        |
| 9          | CLB bóng đá SV dành giải nhì giải cấp trường   | 01/2018          |
| 10         | CLB Tiếng Anh STEEC  | 10/2017          |
| 11         | Tham gia cùng Viện Cơ khí và Viện dệt may gia dày và thời trang tổ chức hội trại Connection Camping                  | 11/2017          |
| 12         | Tham gia cùng Viện SIE và Ban VNNTT tổ chức Lễ hội giáng sinh giao lưu quốc tế WINTER WONDERLAND                     | 12/2018          |

**Phụ lục 12. Các phần thưởng Đoàn thanh niên 2017, 2018**

**Năm 2017**

| TT | Đơn vị khen thưởng         | Đơn vị được khen thưởng                                       | Thành tích   | Hình thức khen thưởng |    |         | Ghi chú |
|----|----------------------------|---|--|-----------------------|----|---------|---------|
|    |                            |   |  | Bằng khen             | Cờ | Số tiền |         |
| 1  | BCH Đoàn Trường ĐHBK HN    | Liên Chi đoàn<br>Đội tình nguyện,<br>CKĐL 01 K59<br>KTHK K59, | Có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2016-2017 | X                     |    |         |         |
| 2  | BCH Đoàn Trường ĐHBK HN    | 13 cá nhân BCH LCĐ  | Có thành tích học tập tốt và công tác Đoàn thanh niên năm học 2016-2017      | X                     |    |         |         |
| 3  | Hiệu trưởng trường ĐH BKHN | 10 đoàn viên<br>BCH LCĐ                                       | Có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2016-2017 | X                     |    |         |         |

**Năm 2018**

| TT | Đơn vị khen thưởng         | Đơn vị được khen thưởng  | Thành tích   | Hình thức khen thưởng |    |         | Ghi chú                     |
|----|----------------------------|--|--|-----------------------|----|---------|-----------------------------|
|    |                            |  |  | Bằng khen             | Cờ | Số tiền |                             |
| 1  | BCH Đoàn Trường ĐHBK HN    | Đội tình nguyện,<br>CKĐL 01 K59<br>KTHK K59,<br>CKĐL 01 K60<br>CKĐL 02 K60 | Có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2017-2018 | X                     |    |         | Đang chờ cấp trên xét duyệt |
| 2  | BCH Đoàn Trường ĐHBK HN    | 9 cá nhân BCH LCĐ  | Có thành tích học tập tốt và công tác Đoàn thanh niên năm học 2017-2018      | X                     |    |         |                             |
| 3  | Hiệu trưởng trường ĐH BKHN | 10 đoàn viên<br>BCH LCĐ  | Có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2017-2018 | X                     |    |         |                             |

### Phụ lục 13. Các danh hiệu thi đua

#### 13.1. Cá nhân

| TT               | Năm học                          | LĐTT      | CSTĐ  | CSTĐ cấp Bộ         | BK Bộ GD&ĐT       | Huân chương LĐ hạng 3 | Giáo sư                            | Phó giáo sư |
|------------------|----------------------------------|-----------|---|---------------------|-------------------|-----------------------|------------------------------------|-------------|
| <b>2017-2018</b> |                                  | <b>61</b> | <b>13</b>   | <b>2</b>            |                   |                       | <b>1</b>                           | <b>4</b>    |
| 1                | BM + PTN<br>Động cơ<br>đốt trong | <b>12</b> | <b>3</b>  | <b>1</b>            | <b>1</b>          | <b>1</b>              | <b>1</b>                           |             |
|                  |                                  |           | Lê Anh Tuấn<br>Nguyễn Thế Lương<br>Nguyễn Đức Khánh   | Lê Anh Tuấn*        | Nguyễn Đức Khánh* | Lê Anh Tuấn*          | Lê Anh Tuấn                        |             |
| 2                | BM Ô tô và<br>Xe CD              | <b>14</b> | <b>2</b>  |                     |                   |                       |                                    | <b>2</b>    |
|                  |                                  |           | Dương Ngọc Khánh<br>Trịnh Minh Hoàng                  |                     |                   |                       | Dương Ngọc Khánh<br>Đàm Hoàng Phúc |             |
| 3                | BM Máy<br>& TĐTK                 | <b>12</b> | <b>3</b>  |                     |                   |                       |                                    |             |
|                  |                                  |           | Hoàng Thị Bích Ngọc<br>Bùi Quốc Thái<br>Vũ Văn Trường |                     |                   |                       |                                    |             |
| 4                | BM KTTK<br>& TT                  | <b>12</b> | <b>2</b>  |                     |                   |                       |                                    | <b>1</b>    |
|                  |                                  |           | Ngô Văn Hiền<br>Phạm Văn Sáng                         |                     |                   |                       | Lê Thị Thái                        |             |
| 5                | BM KT<br>Hàng<br>không &<br>VT   | <b>8</b>  | <b>3</b>  | <b>1</b>            |                   |                       |                                    | <b>1</b>    |
|                  |                                  |           | Nguyễn Phú Khánh<br>Đình Tấn Hưng<br>Hoàng Thị Kim    | Hoàng Thị Kim Dung* |                   |                       | Hoàng Thị Kim Dung                 |             |
| 6                | VP Viện                          | <b>3</b>  |   |                     |                   |                       |                                    |             |

| TT | Năm học                    | LĐTT      | CSTĐ   | BK TTCP           | BK Bộ GD&ĐT        |
|----|----------------------------|-----------|--|-------------------|--------------------|
|    | <b>2016-2017</b>           | <b>62</b> | <b>14</b>  | <b>1</b>          | <b>2</b>           |
| 1  | BM + PTN Động cơ đốt trong | <b>13</b> | <b>3</b>   |                   |                    |
|    |                            |           | Lê Anh Tuấn<br>Khổng Vũ Quảng<br>Nguyễn Đức Khánh                      |                   |                    |
| 2  | BM Ô tô và Xe CD           | <b>12</b> | <b>2</b>   |                   |                    |
|    |                            |           | Dương Ngọc Khánh<br>Trịnh Minh Hoàng                                   |                   |                    |
| 3  | BM Máy & TĐTK              | <b>12</b> | <b>3</b>   |                   |                    |
|    |                            |           | Bùi Quốc Thái<br>Trương Việt Anh<br>Trần Khánh Dương                   |                   |                    |
| 4  | BM KTTK & TT               | <b>12</b> | <b>2</b>   |                   | <b>1</b>           |
|    |                            |           | Nghiêm Xuân Giang<br>Ngô Văn Hệ  |                   | Ngô Văn Hệ         |
| 5  | BM KT Hàng không & VT      | <b>10</b> | <b>4</b>   | <b>1</b>          | <b>1</b>           |
|    |                            |           | Tạ Thành Liêm<br>Nguyễn Phú Khánh<br>Hoàng Thị Kim Dung<br>Vũ Đình Quý | Nguyễn Phú Khánh* | Hoàng Thị Kim Dung |
| 6  | VP Viện                    | <b>3</b>  |  |                   |                    |

### 13.2. Tập thể

| Đơn vị               | Năm học   | Lao động tiên tiến | Lao động XS cấp Bộ   |
|----------------------|-----------|--------------------|----------------------|
| Viện Cơ khí Động lực | 2017-2018 | X                  | Đề nghị LĐXS cấp Bộ* |
|                      | 2016-2017 | X                  |                      |

*Ghi chú: (\*) đã được cấp trường thông qua, đang chờ cấp trên xét duyệt*